

ĐẶC SAN 3

ĐẠO * ĐỜI

TƯƠNG ĐẮC



XUÂN KỶ HỢI-2019
CAO ĐÀI HỌC VIỆN – USA

8791 Oranewood Ave
GARDEN GROVE, CA 92841

ĐẶC SAN ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC

CHỦ TRƯỞNG
CAO ĐÀI HỌC VIỆN – USA

BAN CỐ VẤN

GS NGUYỄN VĂN SÂM

Phụ Tá Viện Trưởng
Viện Đại Học Cao Đài

GS LẠP CHÚC NGUYỄN HUY

Cựu Giáo Sư
Viện Đại Học Cao Đài

CHỦ NHIỆM KIÊM CHỦ BÚT

Hiền Tài Phạm văn Khảm

KỸ THUẬT

Cựu Đốc Sự Hoa Thê Nhân

THỦ QUỸ

Hiền Tài Trần Tấn Phát

GIÁM SÁT

Hiền Tài Lê văn Năm

ĐH Phạm văn Minh

PHÁT HÀNH

Hiền Tài Lê văn Năm

**ĐẶC SẢN ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC
HÂN HOAN ĐÓN CHÀO XUÂN KỶ HỢI- 2019**



**Cầu xin trăm họ bình an,
Nước giàu dân mạnh thanh nhàn muôn năm.**

THƯ TÒA SOẠN

Kính thưa quý Độc giả

Mỗi lần Đặc San Đạo Đồi Tương Đắc gửi đi là mỗi lần chúng tôi liên tưởng đây là mẫu đất được cày bừa xong, trong đó có vài loài hoa, vài cây trái vừa trồng được... Mong chư Huynh Tỷ Đồng Đạo và Đồng Hương cùng góp bàn tay với chúng tôi làm thành vườn hoa trái đầy hương sắc Tam giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt.

Đối với người tín đồ Cao Đài, đây là cơ hội thực thi lời dạy của Đức Lý Giáo Tông như sau: "Đấng Chí Tôn đã gieo giống quý hóa rồi thì cần phải vun trồng cho cội sồn sơ. Cội sồn sơ mới có đâm chồi trở tược, nhành lá sum suê, hoa đơm sắc sảo, rồi đến trái oằn sai mà thành kết quả xứng đáng. Chùng hương nức mùi, hoa đơm trái, rồi ngàn dặm cũng tìm đến hưởng nhờ giống quý"

(Đàn cơ ngày 5 tháng 5 năm Canh Ngọ- 1930)

Ngoài ra, Đặc San Đạo Đồi Tương Đắc cũng là môi trường tạo duyên để chúng ta cùng nhau thực thi lời nguyện ước: Đại Đạo hoằng khai và Phổ Độ chúng sanh, nghĩa là chúng ta cố gắng truyền đạt giáo lý Cao Đài cho nhiều người cùng biết, cố gắng thông báo sâu rộng đặc ân Đại Ân Xá lần III của Đức Chí Tôn trong thời Hạ Nguơn Mạt Pháp, cố gắng thôi thúc mọi người dần bước trên con đường Nho Tông Chuyển Thế để mỗi người là một Tân Dân, Minh Đức và sẵn sàng bước sang thời Thượng Nguơn Thánh Đức.

Nói tóm lại, Đặc san Đạo Đồi Tương Đắc là nơi chuyển đạt Thánh ý của Đức Chí Tôn để mọi người cùng biết tại sao Ngài phải mở mồi Đạo Cao Đài vào thời Hạ Nguơn Mạt Pháp, chính Ngài là Giáo Chủ, là Thầy, là Cha của nhơn loại. Tất cả cũng chỉ vì loài người, vì con cái của Ngài đang đứng trên bờ vực thẳm, trước hiểm họa tự diệt vong bởi Thiên tai, bởi chiến tranh, bởi nền luân lý ngửa nghiêng, bởi trật tự xã hội đảo điên, thế giới bất ổn....

Nay, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu tá thế, tạo nên một nền Chơn giáo độ cả nhơn loại thoát khỏi trầm luân khổ hải. Đây là một duyên lành đưa đến cơ duyên: Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, Đạo Đồi Tương Đắc mới mong tạo thời cải thế.

Đặc san Đạo Đồi Tương Đắc mơ ước vững bước trong cuộc hành trình này.

Nay Kính

THƯ CHÚC TẾT KỶ HỢI-2019

CAO ĐÀI HỌC VIỆN – USA



Kính thưa, :

Chư Chưc Sắc Thiên Phong, Quý vị Hiền Tài Ban Thê Đạo,
Chư Chưc Việc Ban Trị Sự, Quý Đồng Đạo và Đồng Hương,
Cùng các em cháu Đại Đạo Thanh Niên Hội.

Trong bầu không khí thiêng liêng của ngày đầu năm Kỷ Hợi, thay mặt Cao Đài Học Viện – USA, chúng tôi kính cẩn gửi lời chúc Tết an lạc đến Chư Chưc Sắc Thiên Phong, Quý vị Hiền Tài Ban Thê Đạo, Chư Chưc Việc Ban Trị Sự, quý Đồng Đạo, Đồng Hương và các em, cháu Đại Đạo Thanh Niên Hội.

Đồng thời, chúng tôi cũng kính chúc Chư tôn Giáo Phẩm các tôn giáo bạn cùng quý tín hữu, quý vị Lãnh Đạo các Chính Quyền Địa Phương, các Cộng Đồng Người Việt, các Hiệp Hội, Đoàn Thể, Cơ Quan Truyền Thông và Báo Chí cùng tất cả người Việt tại hải ngoại và Quốc nội được hưởng một năm mới an lành và thịnh vượng.

Trong bầu không khí thiêng liêng của những ngày đầu năm, người Việt chúng ta dù sống bất cứ nơi đâu, dù xa nhà, xa quê hương cũng không bao giờ sơ sót trong việc thờ cúng Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần và Cửu Huyền Thất Tổ. Chúng ta khẩn vái, , chúng ta dâng lời cầu nguyện ở Thánh Đường, ở Nhà Thờ, Chùa, Thánh Thất hoặc tại tư gia... Chúng tôi mạo muội xin Chư Đồng Đạo và Đồng Hương liên tưởng đến lời dạy của Đức Chí Tôn: “ Dân tộc Việt Nam đang ở trong vòng vay trả nghiệt oan” mà hiệp tâm dâng lời cầu khẩn Ôn Trên ban Hồng Ân, xóa bớt tội tình cho dân tộc Việt để đất nước và dân tộc Việt của chúng ta sớm được độc lập, tự do, dân chủ và hạnh phúc thật sự, các tôn giáo được tự do hành trì Đạo Pháp và góp phần xây dựng lại một nền phong hóa đang đổ nát trên quê hương mình.

Chúng ta còn tưởng đến họa Âu, tai Á... mà nhơn loại phải gánh chịu để thành tâm dâng lời cầu nguyện an bình cho toàn thế giới.

Riêng người tín đồ Cao Đài, chúng ta cầu nguyện nền Đại Đạo hoằng khai khắp mọi nơi trên quả Địa cầu này để độ dẫn chúng sanh hướng thiện, hiệp nhứt đức tin ở Đấng Chúa Tể cả Càn Khôn Vũ Trụ. Từ đó mọi người sẽ cảm nhận được rằng: “Tất cả nhơn loại đều là con của Thương Đế”. Đó là khởi điểm cho nền hòa bình thế giới và lập đời Thánh Đức theo Thánh ý của Đức Chí Tôn.

Một lần nữa, chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban Hồng Ân cho mọi người, mọi nhà đều an cư lạc nghiệp trong năm mới.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

TM Cao Đài Học Viện – USA
Hiền Tài Phạm văn Khảm
Kính Chúc

BA THÂN XÁC MỘT CON NGƯỜI



Hiền Tài Phạm Văn Khảm

Khoa học không ngừng khám phá những bí mật của vũ trụ, mà con người là một tiểu vũ trụ nên ở con người vẫn còn liên tục nghiên cứu nhiều điều tiềm ẩn chưa được giải thích thỏa đáng. Đối với Khoa học thực nghiệm, công trình nghiên cứu về cơ thể học đã đạt đến đỉnh cao đáng kể, phần Tâm lý học hầy còn nhiều nan giải, như ở lãnh vực Phân Tâm học, Freud đã giải thích về hiện tượng chiêm bao chưa được chấp nhận trọn vẹn. Về phương diện Siêu hình thuộc phần vô hình nên khó phơi bày minh bạch. Nay nhờ vào phương tiện thông linh qua Cơ bút, chúng ta biết khá nhiều bí mật của thế giới vô hình. Đặc biệt với bài này, tôi hân hạnh được trình bày hầu quý vị đề tài: "Ba Thân xác một con người"

I – **BA THÂN XÁC TRONG MỘT CON NGƯỜI:**

Giáo lý Cao Đài cho biết: Trong con người của chúng ta có 3 thân xác phân biệt rõ ràng. Đó là Xác phàm, Chơn Thần và Chơn Linh.

1/ **XÁC THÂN THỨ I: XÁC PHÀM**

Xác Phàm do cha mẹ sinh ra, còn gọi là Phàm Thân. Nó hoàn toàn do vật chất cấu tạo thành nên thuộc phần hữu hình và cũng vì thế mà thân xác luôn luôn bị lệ thuộc vào vật chất. Nó phải hấp thụ cái tinh ba của vật chất để sống. Cái sống có thể thanh, có thể trược. Thanh hoặc trược tùy theo vật chất đưa vào. Nếu vật chất thanh thì thể xác thanh, ngược lại nếu vật chất trược thì thể xác phải trược. Thể xác thanh thì gần với Đạo và thể xác trược thì xa với Đạo, gần với nhân dục, muốn hưởng thụ, thích lạc thú, nghĩa là thân xác luôn luôn bị vật chất ràng buộc, cám dỗ, níu kéo...

Vật chất thanh gồm có tinh ba của ngũ cốc, thảo mộc.

Vật chất trược gồm các tinh ba của cá, thịt, tôm, cua, trứng...

Người tu muốn sống với Đạo nên cần có thân xác thanh để có cái sống

thanh. Do vậy, người tu phải tự tìm lấy sự ẩm thực tinh khiết bằng cách ăn chay.

Thanh lọc vật chất trước ra khỏi thể xác, làm cho thể xác nhẹ nhàng, trong sạch. thể xác trong sạch mới có tư tưởng thanh cao. Thể xác nhẹ nhàng mới giúp cho trí não thăng hoa và hưởng thượng.

Nói tóm lại, với phàm thân mà chúng ta đang có, chỉ là cái nhà tạm trú trong một thời gian trên dưới trăm năm để Chơn Thần tu tập và tiến hóa.

Thật vậy, như trong bài kinh đi ngủ:

*Trong giấc mộng ngủ yên hồn phách,
Đấng Thiêng Liêng năng mách bảo dùm,
Bồng Lai Cực Lạc chỉ chừng,
Đẩy đưa xác tục dựa lằn cõi linh.*

Hoặc với hai câu kết trong bài kinh ăn cơm:

*Nhớ ơn bảo mạng Huyền Thiên,
Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh.*

Hoặc ở câu kết của bài kinh xuất hội:

Mượn hình Thánh thể cất nhà cõi Thiên

Qua các điểm trình bày ở trên, chúng ta đã hiểu một phần nào về Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn chúng ta cần sử dụng cái phàm thân này để tu luyện hầu đạt Đạo.

Ngoài ra, trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn có dạy: “Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế làm ra của cải, ấy là phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn đắc Đạo phải có công quả. Thầy đến độ rồi các con là lập một trường công đức cho các con nên Đạo”

Nói tóm lại, muốn đắc đạo phải lập công quả, mà muốn lập công quả thì phải nhờ đến thân xác. Cái thân xác do cha mẹ phàm trần sinh ra là giả thân, là tạm bợ sống trong một thời gian trên dưới 100 năm để thân xác thứ 2 dùng nó làm phương tiện lập công bồi đức, học hỏi để tiến hóa....và trợ lực thân xác thứ 2 dễ dàng siêu thoát. Đó là bí pháp luyện TINH hóa Khí của đạo Cao Đài.

2/ **XÁC THÂN THỨ II: CHƠN THẦN**

hay còn gọi là **Chơn Thân** vì chính cái thân xác này mới thực sự là thân xác vĩnh cửu của ta. Ngoại trừ khi phạm thiên điều quá nặng mới bị tiêu diệt mà thôi.

a/ Ai sanh CHƠN THẦN? Phật Mẫu sanh.

b/ Sanh bằng cách nào?

Bát Nương Diêu Trì Cung giáng cơ cho biết: “Nơi Diêu Trì Cung thuộc tầng

trời thứ 9 có một đài phát điện âm. Đài ấy thâm lẫn Sanh Quang của ngôi Thái Cực rồi đem dương quang hiệp với Âm quang mà tạo Chơn Thần cho vạn linh "

c/ Hình dạng của Chơn Thần:

Là một chất khí, kết tụ giống hình hài của xác phàm như khuôn đúc. Vì Chơn Thần thuộc phần bán hữu hình nên có thể nhìn thấy hoặc không nhìn thấy được. Chơn Thần ở mỗi người có các màu sắc khác nhau cho nên các Đấng Thiêng Liêng chỉ nhìn màu sắc này mà biết rõ phẩm vị của từng người: Nếu có:

Hào quang sáng chói là bậc chí Thánh.

Màu hồng là người thường.

Màu tím là người ô trược.

Màu sắc của Chơn Thần được biến đổi tùy theo sự tu luyện của từng người.

d// Nhiệm vụ của Chơn Thần:

Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy như sau:

Chơn Thần đến gìn giữ Thể Xác đặng trọn bước trên con đường tấn hóa. Tuy nhiên vì bản chất của Chơn Thần vốn là Âm Quang nên thường hay dung túng cho thể xác phù hợp với chất sanh của thể xác là thú chất.

Ở trong mỗi con người đều có thất tình và lục dục. Những tình dục ấy phát sinh ra do nơi lục phủ, ngũ tạng và chủ của nó là Chơn Thần.

(Bí pháp của Đạo Cao Đài là tu luyện sao cho Thể xác và Chơn Thần hiệp với Chơn Linh để đắc Đạo).

Còn luận về tội lỗi thì Chơn Thần phải luôn luôn theo thể xác. Bởi có khi thể xác phải chuyển kiếp đến đâu thì Chơn Thần phải theo đến đó.

Khi Thể xác đã mất sự sống thì điểu Âm Dương trong thể xác bay ra cùng với Chơn Thần. Nếu:

Thể xác trong sạch thì khí dương hợp với Chơn Thần bay về cõi Thiêng Liêng.

Thể xác ô trược thì khí Âm hợp với Chơn Thần giáng xuống và chờ cơ chuyển kiếp.

3/ - **XÁC THÂN THỨ III** : CHƠN LINH

Là **LINH HỒN** của con người, bất tiêu, bất diệt và được gọi là CHƠN LINH. Chơn Linh là điểm Linh Quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh Quang của Ngài ban cho mỗi người để tạo nên sự sống và gìn giữ sự sống ấy. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn đã dạy:

" Nơi thân phàm của các con, mỗi đứa Thầy đều ban cho một Chơn Linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Đấng Chơn Linh ấy vốn vô tư mà còn được phép giao thông cùng Chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung...Nhứt nhứt việc lành điều dữ đều được ghi chép đặng dâng vào Tòa

Phán Xét. Bởi vậy, một mảy không sai. Dữ lành đều có trả. Lại nữa Chơn Linh ấy là tánh Thánh nơi mình, nó chẳng những chỉ gìn giữ các con mà còn dạy dỗ các con mà đời thường gọi là Lương Tâm đó”

II – MỖI LIÊN HỆ GIỮA 3 THÂN XÁC:

1/ Chơn Thần là chất khí, bao bọc lấy xác trần như khuôn bọc để bảo tồn sự sống cho xác trần. Do đó Chơn Thần có hình ảnh giống xác trần như khuôn in rập.

2/ Chơn Thần và Xác Trần có sự liên hệ với nhau nhờ 7 dây từ khí hay còn gọi là 7 dây oan nghiệt.

3/ Linh hồn luôn luôn nằm trong Chơn Thần và dùng Chơn Thần làm trung gian để điều khiển xác trần.

4/ Linh hồn khuyên bảo Chơn Thần kèm thúc xác trần không cho làm điều sai quấy.

Nếu Chơn Thần mạnh, đủ sức kèm chế xác trần thì xác trần ngoan ngoãn theo con đường Đạo Đức.

Nếu Chơn Thần yếu đuối, không chế ngự được những dục vọng mà xác trần đòi hỏi thì thể xác lúc bấy giờ như ngựa không cương... rồi vào con đường tà vạy.

Khi xác trần chết, Chơn Thần và Linh hồn không chết theo. Nếu xác trần biết tu hành, sống Đạo đức, ăn uống tinh khiết, tư tưởng tinh khiết ... thì Chơn Thần được nhẹ nhàng, nhẹ hơn không khí nên Chơn Thần và Linh Hồn xuất ra khỏi xác trần một cách dễ dàng và theo sự tiến dẫn của Cửu Vị Nữ Phật để trở về cõi Hư Linh.

Nói tóm lại, giữa 3 thân xác của chúng ta, Chơn Thần và Linh Hồn luôn luôn nương theo Xác Trần mà lập Công quả để dự Trường Thi Công Quả do Đức Chí Tôn lập ra trong thời khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Cũng nên biết thêm: Mỗi vị sống trên cõi Thiêng Liêng chỉ có hai thân xác mà thôi: Đó là Chơn Thần và Linh Hồn. Trên cõi Thiêng Liêng Chơn Thần và Linh Hồn muốn tấn hóa thêm nữa thì phải giáng trần và mượn xác phàm để lập công, bồi đức, tu luyện ...mới được cao thăng Thiên phẩm. Trong lãnh vực này, Đức Chí Tôn khẳng định rằng: “Dù là một vị Đại La Thiên Đế xuống phàm mà không tu cũng không thể trở lại địa vị của mình được”

III – TAM BỬU:

Ba thân xác trong một con người nói trên, giáo lý Cao Đài gọi là Tam Bửu: Đó là TINH, KHÍ, THẦN

1/ Với XÁC PHÀM là TINH: là chất tinh túy nhất trong thân xác con người, do máu huyết lọc ra rồi kết thành được biểu tượng bằng HOA. Ý của Đức Chí Tôn muốn hình thể con cái của Ngài tốt đẹp như bông hoa vậy.

2/ VỚI CHƠN THẦN là **KHÍ** là khí chất lưu hành trong cơ thể để tạo ra khí lực và lấy RƯỢU làm biểu tượng. Ý của Đức Chí Tôn muốn Chơn Thần con cái Ngài cường liệt như rượu.

3/ VỚI CHƠN LINH là **THẦN**, là Linh hồn, là sự mẫn huệ, khôn ngoan, sáng suốt của con người được biểu tượng bằng TRÀ. Ý Đức Chí Tôn muốn Chơn Linh con cái của Ngài được điều hòa, thơm tho như trà vậy.

Người tín đồ Cao Đài, trong các thời cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu phải dâng Tam Bữu là: Hoa, Rượu, Trà tức là dâng 3 thể xác của ta để Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu muốn dùng phương nào thì dùng. Đó là tự nhận lấy sứ mạng thể Thiên hành đạo, là phổ độ chúng sanh...như trong quyển Bí Pháp, Đức Hộ Pháp đã dạy:

“Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho Vạn Linh thay thế Đức Chí Tôn. Giờ phút đó chúng ta không biết tội nào của chúng ta đã làm, đâu có tội mà chúng ta không còn làm điều gì thêm nữa thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được. Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt được Cơ Giải Thoát”

IV- KẾT LUẬN :

Khi đã nhận rõ nơi con người của chúng ta ai cũng có đầy đủ 3 thân xác và sau đây là lời của Đức Lý Thái Bạch, Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy nuôi dưỡng 3 thân xác:

Lấy Ngũ Cốc nuôi dưỡng Phàm Thân

Lấy việc học hỏi, lấy lương tri nuôi dưỡng Chơn Thần

Lấy Đạo Đức nuôi dưỡng Chơn Linh

Vậy tu tức là tìm phương bảo trọng tinh thần Đạo Đức đặng nuôi Linh hồn hầu đạt địa vị Thần, Thánh Tiên Phật.”

Đức Hộ Pháp đã từng thuyết giảng: “ Mỗi lần đi cúng là mỗi lần cho linh hồn ăn vậy ”

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị nữ Phật, đại diện Đức Phật Thích Ca, lãnh lịnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhị Trấn Oai Nghiêm cầm quyền Phật Giáo thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giáng cơ ngày 8/5/1933 dạy nên cúng kiến thường để Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng cho xán lạn

Cùng những ý khuyến tu nói trên, Thất Nương Diêu Trì Cung cũng đã từng khuyến nhủ:

Lễ bái thường hành tâm đạo khởi.

Nói tóm lại, chúng ta ai ai cũng có đầy đủ 3 thân xác và sống như thế nào để 3 thân xác đều trong sạch để tiểu vũ trụ của ta hòa nhịp tuần

hoàn cùng đại vũ trụ của Thượng Đế, tức là ta đã về hội hiệp cùng Ngài. Đó là cơ đặc đạo vậy.

XƯƠNG HỌA THƠ XUÂN



XƯƠNG

Chốc đã mai vàng nở trước sân.
Tinh Xuân ý Tết xương đôi vắn,
Xuân nơi đất khách Xuân buồn tủi,
Tết ở quê nhà Tết khổ thân,
Đốt nén hương thành tâm khânguyện,
Đọc câu kinh Thánh ý tràn dâng,
Việt Nam lập lại đời Nghiêu Thuấn,
Đại Đạo hồng khai hưởng huệ ân.
Phạm văn Khảm

HỌA I

Pháo nổ vang rền ở trước sân,
Trong nhà mãi miết họa đôi vắn,
Say thơ vui thú hòa âm điệu,
Thăm nghĩa mừng Xuân nhớ bạn thân,
Ngây ngất hương thơm mây khói tỏa,
Rạt rào bút thép ý tràn dâng,
Mặc cho danh lợi người mong đạt,
Đạo đức gìn lòng hưởng Thánh ân.
Bách Thanh

HỌA II

Mai vàng e ấp nở ngoài sân,
Khai bút giao duyên họa mấy vắn,
Vui bấy Xuân qua vậy bạn tác,
Buồn tênh Tết đến vắng người thân,
Châm trà tổ phụ lâm râm vái,
Rót rượu huyền đường lặng lẽ dâng,
Lập đức, bồi công vun cội Đạo
Muôn loài hạnh hưởng giọt hồng ân.
Hoàng Hồ

CƠ CHẾ VÀ HIỆN TƯỢNG THĂNG HOA CỦA TINH KHÍ THẦN

Trung Dã Từ

TIÊU-DẪN

Theo chơn-truyền của Cao-Đài giáo thì bí-pháp tu-luyện của các tôn-giáo ngày nay đã bị thế-gian làm sai-lạc, người tu chỉ lo luyện-tập để đạt được các phép thần-thông, mà lơ-là phần công-đức nên đã thất chơn-truyền. Vì để tránh sự tác-hại cho chúng-sanh, do đó thiên-đình đã đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh, Khí, nên đạo đã bị bế, vì vậy người tu nhiều mà không thể đắc thành quả-vị. Trong buổi Tam-kỳ Phổ-độ này Chí-Tôn đến khai-đạo đã cho Thần hiệp cùng Tinh, Khí để cho kẻ tu-hành đắc-đạo, điều này Thánh-giáo Đức Chí-tôn đã dạy rằng:

“Thần là khiếm-khuyết của cơ mâu-nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam-kỳ Phổ-độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh khí, đặng hiệp đủ tam-bửu là cơ mâu-nhiệm siêu-phàm nhập Thánh ...

“Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo”.
(TNHT/ Q1/ tr.12).

Nguyên-lý của hiện-tượng thăng-hoa và hiệp nhứt Tinh Khí Thần

là một quá-trình nội chuyên, nó diễn ra trong tự thể của ba phần : Thể-chất, tình-cảm và trí-huệ, với một cơ-chế rất tự-nhiên, cũng có thể nói là rất logic và khoa-học. Nên trước tiên chúng ta phải cần tìm hiểu sự cấu tạo và sinh hoạt của ba thể này, cùng thấu đáo nguyên lý và cơ chế của sự thăng hoa Tinh Khí Thần, trước khi bước vào quá trình tu luyện theo Pháp môn Đại đạo Tam kỳ Phổ độ để Tinh Khí Thần hòa hiệp. Vì Đức Hộ Pháp đã dạy rằng:

“Ba thể phàm-thân (tinh) pháp-thân (khí) linh-thân (thần) tuy bản-chất của nó không thể nào đồng với nhau, nhưng con người phải luôn luôn giữ cho nó được hòa-hiệp thì mới mong đắc đạo”.

Trong dụng-công tu-hành ngày nay lại có nhiều người chuyên đeo đuổi theo hình-tượng từ bên ngoài, hoặc sa-đà trong các tưởng-niệm từ bên trong, một cách phiến-diện; họ đã huyền-bí hoá phương-pháp trên bằng cái gọi là phép công-phu chế linh-đơn, cấu-tạo và nuôi lớn thánh-thai, mà chẳng màng đến tam-lập (lập đức, lập công, lập ngôn).

Lại có nhiều môn phái truyền bá các phép tu luyện tiếp nhận từ cơ bút, họ cho rằng do Thánh Tiên truyền sẵn có) của những đồng tử đã thuộc lòng những sách tu luyện do các đệ tử Thần Tiên viết ra từ nghìn xưa, nên chúng ta thấy nhiều phương tu luyện họ đã tiếp nhận viết ra giống hệt như trong sách “Tánh mạng khuê chỉ” hay “Tham đồng khế” đã sẵn có, không sai một chữ !!! Đây là những phương tu của Nhị kỳ phổ độ đã thất chơn truyền, kết cuộc những người làm theo, công phu thì có công phu, nhưng không thành chánh quả.

Còn các tài liệu hướng dẫn về Thiên hiện nay, thì lại đưa ra hàng trăm công án mù mịt, những bày vẽ đầy khó khăn phức tạp, những chuyện kể quái dị, những tình huống ly kỳ... càng đọc càng rối !!! Rồi người tu tập chỉ lo ép xác, hãm mình, tâm trí chìm lĩm trong hôn trầm... họ tìm cách hủy diệt tri thức, với mục tiêu là tìm đến cái tâm bất động... Nhưng chúng ta không thể tin được là con người phải hủy diệt tri thức thì mới chứng ngộ, vì sự hủy diệt tri thức này chỉ đẩy con người đến trạng thái trì độn, thì chắc chắn không phải là Thiên rồi!!! Nên Đức Thích Ca đã giảng cơ than rằng:

“Lắm kẻ đã chịu khổ hành đạo... Ôi! Thương thay công có công mà thưởng chưa hề có thưởng, vì vậy Ta rất đau lòng...”. Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp đặng gặp Tam kỳ Phổ độ này là lần chót, phải ráng sức tu hành đừng mơ mộng hoài trong giả luật...(Thánh giáo của Đức

xuống, nhưng thật ra đây là do sự tự kỷ ám thị (định kiến

Thích Ca ngày 5 tháng 4 Bính dần / 5-61926).

Còn có nhiều trường-phái cũng đã thâm nhận đệ-tử, họ cũng dạy luyện Tinh Khí Thần, nhập-định xuất hồn, khai mở luân-xa... thậm-chí có nhiều Thầy có phép mở luân-xa cho đệ-tử từ xa (qua không gian) mà chẳng cần quan-tâm đến công-đức cùng mức-độ thanh-khiết trong chơn-thần của đệ-tử ra sao. Đây là một điều khá tai-hại cho những ai cả tin và nôn-nả muốn mau đạt được phép thần-thông. Một Chơn-sư đã dạy rằng:

“Con đừng ham những phép thần thông, con sẽ có khi Chơn-sư xét đã đúng ngày giờ, hễ cưỡng-bách luyện-tập thì thường mang đủ thứ phiền-não” (Theo Dưới Chân Thầy của Krishnamurti).

Cũng đã có một số người lại chuyên luyện theo các môn như lần tràng hạt, tịnh khẩu, tuyệt cốc, ngồi sững không nằm... Trong dinh dưỡng thì không ăn cơm mà ăn rau, ăn chuối, ăn ngô... Lại có người chuyên gõ mõ tụng kinh... Những sự kiện này cũng hiện hữu cả trong cửa Đạo, Đức Hộ Pháp đã kể rằng:

“Nào kẻ đi theo ông Ngọc Lịch Duyệt học trì thoàn (thiền), niệm chuỗi từ bi, ngồi lần hạt lim dim ngủ gục. Nào người theo làm học trò ông Giác Hải (Hòa Thượng Thích Như Nhãn) đánh mõ chuông tụng mãi Di Đà...”

(Trích Diển văn Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh Tây ninh ngày 15 tháng tám Quý dậu /1933).

“Dù tụng hết bộ Di đà, niệm suốt bài chú Đại bi, thì cũng trông đưa lại được đưa, trả đũa lại được đũa, Kinh Chú vốn từ bi, nhưng không cứu giải được oan trái đã cấu kết” (Khán tậ Di Đà Kinh, niệm triệt Đại Bi Chú, chúng qua hoàn đắc qua, chúng đũa hoàn đắc đũa, Kinh Chú bốn từ bi, oan kết như hà cứu / Minh tâm Bửu giám).

Thật ra thì Đạo lý bao la, có nghìn đường vạn nẻo, lưu tán vô cùng... Nhưng nếu người đệ tử có thiện duyên thì chỉ cần lắng nghe được một “câu kinh vô tự” của vị “Su hư vô” thì cũng khỏi phải tốn phí thì giờ lặn lội trong bể học mênh mông, hoặc lạc lối trong rừng thiên bát ngát. Đó là lý do giới thiệu sưu tập này, để chư đồng đạo tham khảo, với ước mong giúp ích được phần nào trong bước đường tu tập.

CƠ CHẾ THĂNG HOA TINH, KHÍ, THẦN.

Lời Đức Hộ Pháp:

"Cái nền chơn-giáo của Chí-Tôn là đường-đường ngay chánh không hề mê-hoặc ai cả thấy... Những phương-pháp mê-hoặc của thiên-hạ về đạo-lý sẽ bị chơn-truyền của Chí-tôn từ từ tiêu diệt hết... (Thuyết đạo ngày 19 / 04 / Tân Mão).

Con người là một tổng thể gồm có:

Đối với sự kiện này, Ngài Tế Diên Hòa Thượng đã nói rằng:

- Một xác thân phàm tục là thân thể, đó là một khối thể đặc và lỏng gồm thịt, xương, da, lông, tóc, máu huyết gọi là Tinh.

- Một xác thân Thiêng-Liêng là chơn-thần, đó là một khối sinh lực làm chân tay biết cử động, đi đứng nói năng được gọi là Khí.

- Một sự sống linh hiển là chơn-linh, đó là một sự sáng suốt khôn ngoan của trí não biết sáng-tạo, cải biến môi-trường để gìn giữ mạng sống gọi là Thần.

Ấy vậy xác thân là Tinh, sinh lực là Khí, trí tuệ là Thần. Nói rõ ra, sanh-lực làm cho cơ thể con người sống là một khối điển lực, nghĩa là tác động biểu hiện của trí não. Thần là gốc vô hình ảnh, trí là ngọn biểu hiện của thần, trí hoạt động, hiện ra điển lực là sinh lực, điển lực tạo ra sự sinh hoạt của thân thể con người có thể diễn tả một cách cụ thể như sau:

- Tinh là thân thể.

- Khí là điển lực là cơ-năng của sự sống.

- Thần là linh hồn là sự khôn ngoan.

Ba món báu ấy hoà hợp cùng nhau thì thuận với lý thiên-nhiên, sự phát triển của con người được điều-hoà về ba phương-diện thể chất, tình-cảm, trí-tuệ.

Mục đích của người tu hành là làm cho ba món báu ấy hòa hiệp cung nhau. Thuật rèn luyện cho tinh khí thần hiệp nhất Đức Hộ Pháp đã tóm tắt như sau:

- Thân thể cho mạnh khỏe tinh vi đừng để sa đà vào lục dục, thì thuận tùng cùng trí lự khôn ngoan.

- Khí lực cho cường thịnh thanh bai đừng để đến nỗi mê muội bởi thất tình, thì trí lự khôn ngoan thuận theo linh tâm mà nảy nở.

- Linh tâm phải định tĩnh từ hoà đừng để đến nỗi mờ ám bởi tội tình thì thuận với lòng Trời, hiển linh tại thế, đặng đoạt phép huyền-vi. (Trích bài diễn văn Đức Hộ Pháp/ Pháp chánh truyền chú giải/ Ấn bản 1955).

Cơ chế của sự chuyển hóa Tinh Khí Thần đại để như sau:

Thức ăn vào tỳ vị biến thành khí huyết, khí huyết luân-chuyển điều-hoà làm cho trí-não hoạt-động sáng-suốt, con người trở nên khôn-ngoan lanh-lợi, đó là chuyện thường tình của kiếp người. Nhưng rèn luyện cho khí-thể tinh-anh, ngũ-quan cảm-ứng đượ với những làn sóng rung-động của thế-giới thần-thánh thanh-cao là bước đầu chuyển-hoà thần-trí thuận theo linh-tâm mà nảy nở. Đây là giai-đoạn rất khó-khăn, vì vấn-đề điện-quang trong không gian và trong nội-thân con người rất phức-tạp, trừu-tượng, tế-vi, màu-nhiệm, Nhưng khi khí thể của ngũ quan thanh khiết thì người tu sẽ đạt kết quả như sau:

Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,

Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.

*Xác tại thế đã nên thân,
Ba mươi sáu cõi đặng gần linh thiên.*

(Nữ trung tùng phận).

Đó là nguyên-lý của hiện-tượng thăng hoa Khí hoá Thần. Thuật làm gia tốc hiện tượng thăng hoa này rất nguy-hiểm, nếu cơ thể chưa hội đủ những điều kiện cần thiết, như công đức chưa đầy đủ, khí còn ô trược, mà lại dục tốc, ép mình luyện-tập, sẽ dễ dàng bị rơi vào tình-trạng Thiên-đình đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng tinh khí, là những cơn khủng-hoảng xáo-trộn thần-kinh có hại cho sức khoẻ và tánh-mạng. Sau đây là những chi tiết liên quan đến cơ chế chuyển hóa nêu trên.

PHƯƠNG LUYỆN TINH HÓA KHÍ

Lời Đức Hộ Pháp:

Thân thể cho mạnh khỏe tinh vi đừng để sa đà vào lục dục thì thuận tùng cùng trí lự khôn ngoan.

Phương luyện Tinh hóa Khí, nói rõ ra là thân thể con người phải ăn uống hít thở khí Trời, vận động, đặng thu nhập sinh-lực từ môi trường sống tạo thành khí lực của mình, ấy là một khối năng lượng luân-chuyển hoá sanh, có thu nhập và đào thải một cách tự nhiên trong nội thân, nên con người phải biết gìn giữ khối năng-lượng ấy, đừng để tiêu hao một cách thái-quá, vì lối sống sa đoạ của thân xác, đả-mại trong lục dục, thì thân xác mới khỏe mạnh đượ.

Hình thể con người có lớn mạnh thì khí lực mới cường thịnh, như lực của một em bé sơ sinh chỉ nâng nổi một bình sữa đưa lên miệng, nhưng khi nó trưởng thành, lực của một thanh niên có thể khuân nổi một tảng đá. Thân là Tinh, nếu thân bệnh hoạn tật nguyên, thì lực là khí phải giảm suy yếu đuối. Thân cho vẹn toàn, đầy đủ hình chất, trong ngoài to lớn, thì khí sẽ cường thịnh.

Vậy Tinh là nền tảng của Khí phát-triển, ấy là phép biến hoá tự nhiên trong nội thân con người. Tùng theo khuôn luật tự-nhiên này của Đấng Hoá-Công đã an bài, người tu biết gia công gìn giữ khối tinh lực của mình bằng phương-pháp dưỡng-sinh đặc-biệt, gọi là khắc kỷ tu thân, hay tu tâm dưỡng tánh, thiền, tịnh, luyện đạo, tuy khác nhau ở danh gọi và hình thức sinh-hoạt, nhưng có cùng một tác động là làm sao Tinh hoá Khí.

Giai đoạn luyện Tinh hoá Khí là một tiến trình thăng-hoa tự nhiên trong biến dưỡng nguồn năng-lượng của thức ăn, nước uống và khí Trời, do cơ thể thu-nhập được từ môi-trường sống. Nguồn năng-lượng ấy luân-chuyển điều-hoà trong nội thân sẽ tạo cho con người một sức khoẻ tốt, khí-lực được cường-thịnh. Gìn giữ giới-luật dù theo pháp-môn nào đi nữa, cũng có cùng tác dụng làm giảm thiểu tối đa cách tiêu hao sinh lực của mình vào những chuyện không cần thiết, những con loạn động thất tinh lực dục, đưa đến tình trạng mất sinh-lực một cách hoang-phí, làm mờ ám lương tri lương

năng con người, là việc tối kỵ của người tu, khi đã tự đặt mình trong nguyên tắc sống tăng thu nhập, giảm tiêu hao sinh-lực, thì phần tồn-động sinh-lực sẽ vượng lên. Nên nhân gian mới có câu:

“Một linh hồn minh-mẫn chỉ có được trong một thân thể tráng kiện”.

LUYỆN KHÍ HÓA THẦN

Lời Đức Hộ Pháp:

*Khí lực cho cường thịnh Thanh bai
đừng để đến nổi mê muội
bởi thất tình thì trí lực khôn
ngoan thuận theo linh tâm mà nảy nở.*

Luyện Khí hóa Thần là giai đoạn luyện tánh cho thuần đạo-đức hiền-lương, chế-ngự các tình-cảm thấp kém, nuôi dưỡng các tình-cảm cao-thượng thì sẽ làm cho khí thanh. Khi cơ thể được nuôi dưỡng bằng khối thanh khí luân-chuyển điều-hoà, thì ngũ quan con người sẽ sống theo thiên-lý, thần-trí được an-tĩnh sáng-suốt.

Như vậy người tu chẳng những gìn giữ khối sinh lực cho cường-thịnh, mà phải biết làm thay đổi tính-chất của nó trở nên thanh-bai, nghĩa là điều-chỉnh tầng số rung động của điện lực con người theo chiều hướng chế ngự các rung động của khí ai, nô, ô, dục, và kích thích các rung động của khí ái, hỷ, lạc. Nếu để cho khối điện lực rung động nhiều và thường xuyên theo nhóm ai, nô, ô, dục, thì khí bị ô trượt, còn nếu người tu luôn hướng sự rung

động nhiều thường xuyên theo nhóm ái, hỷ, lạc, thì khí sẽ thanh. Biểu hiện của khí thanh là đời sống tình-cảm vị tha cao thượng. Việc điều chỉnh tầng-số rung động của điện lực con người rất khó, vì nó còn liên-hệ trực tiếp đến nghiệp-quả tiền-khiên. Khi đầu kiếp để chọn một hình-hài, mỗi linh hồn phải mang theo khối nghiệp-chươngng tiên-kiếp của mình như một bản án gọi là định mệnh, luật công bình Thiêng-liêng buộc chơn-linh phải lựa chọn nơi đầu kiếp, và chịu tác-động theo sự an bài của luật nhân-quả, để có chơn-thần hay là khí-thể của bào-thai được cấu-tạo từ căn-bản có những ưu, khuyết-điểm, sẽ hiện lên sau này thành những đặc tính bẩm-sinh của đứa bé hoặc tốt, hoặc xấu về cả ba phương-diện hình-hài nhục-thể, tình-cảm và trí-tuệ. Nên nếu từ nhỏ được cha mẹ uốn nắn theo khuôn viên đạo đức, lớn lên biết cố gắng tu học rèn luyện biết chế ngự những rung động xấu, thì khí sẽ thanh bai và sẽ có được một đời sống tình cảm vị tha, an vui tự tại. Còn nếu buông thả theo dục tính tạo thêm nghiệp chươngng thì sẽ gặt hái một sự tệ hại hơn đó là sự đau khổ cho cả kiếp này lẫn nhiều kiếp lai sinh.

Phép luyện khí cho cường-thạnh thanh-bai của kẻ tu hành, dù công-phu dưới hình-thức nào đi nữa, thì cũng chữa bệnh ở ngọn, nó sẽ có kết quả tốt, khi nào cái gốc của vấn-đề là tiền-khiên nghiệp-chươngng đã được đền-bồi trang-trải xong. Vì vậy khi lập Tam-Kỳ Phổ-Độ Đức Chí-Tôn đã phán định tội hậu rằng:

“Do công đức mà đặng đắc Đạo, cùng chẳng đặng”.

Bởi vì công-đức biểu-hiện cho điều thiện, và chỉ có thiện mới trừ được ác, ác-nghiệp còn mang trong chơn-thần nếu chưa được giải trừ dù có công luyện Đạo, tham-thiền đến đâu, cũng sẽ dẫn đến tình-trạng đốn củi ba năm, đốt một giờ, hoặc là sống trong trạng-thái ảo-giác tâm-linh mà ngỡ là cõi chơn-thật.

Tóm lại tìm phương pháp công-phu tịnh luyện không khó, mà khó chẳng là ở chỗ công-đức của mình tạo được bao nhiêu, để xây dựng một nền tảng vững chắc cho đời tu đến nơi đến chốn.

Cái gốc của vấn đề là phải tỉnh thức nhìn vào chính mình để nhìn thấy lương tâm và thiện tánh, vốn là “Bồn lai diện mục” sẵn có trong mỗi người. Sự liên-quan giữa Tâm và Tánh, Đạo Nho nói rằng: “Tánh tự Tâm sanh”. Nên tâm mình như thế nào xuất tánh ra cũng như thế ấy, do đó nếu chơn-linh tán-bộ thì chơn-thần cũng tán-bộ. Chỉ vì con người đến thế gian bị vô minh che khuất lương tâm thiện tánh lâu đời nhiều kiếp, bây giờ phải cần lập công bồi đức và tu luyện, để vệt màn vô minh hầu nhìn thấy chân tánh đạo-đức hiện-lương sẵn có nơi mình thì mới đắc đạo, nên Ngài Tổ sư Đạt Ma khi đem Thiên vào Trung quốc, đã tuyên xưng một câu nổi danh là:

“Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành phật” (Không viết thành văn tự,

truyền riêng cho đệ tử ngoài kinh sách, trực chỉ vào tâm con người để họ thấy tánh mà thành Phật / Thiên luận Suzuki).

Vậy khi khí-lực người tu đã được thanh-bai, đó là nền tảng để thần-trí phát-triển, ấy là phép Khí hoá Thần, xảy ra một cách tự-nhiên trong sự sống của bất kỳ con người nào. Những kẻ mà đời sống thân xác đầy-dẫy những thói hư tật xấu của dục-vọng thấp hèn, tình-cảm loạn-động thường-xuyên, thường thì tư-tưởng của họ chẳng bao giờ thanh-cao được, nghĩa là chân tánh bị che khuất, thiếu hẳn ánh-sáng tâm-linh trong kiếp sống. Phép tu-hành đúng theo chơn-pháp của Tam kỳ Phổ độ là phải rèn luyện cho khí thanh, nghĩa là tăng-số rung-động của khối điện-quang con người thay đổi dần dần tương-ứng với rung-động của điện-quang thần thánh, thì luật đồng thanh tương-ứng đồng-khí tương-cầu sẽ đưa đến trạng-thái giao-cảm tinh-thần giữa người sống và thế-giới thần-linh.

Đó là nguyên-lý của hiện-tượng thăng hoa “Khí hoá Thần”. Thuật làm gia tốc hiện tượng thăng hoa này rất nguy-hiểm, nếu cơ thể chưa hội đủ những điều kiện cần thiết, nếu công đức chưa đầy đủ, khí còn ô trược, mà lại dục tốc, ép mình luyện-tập, sẽ dễ dàng bị rơi vào tình-trạng Thiên-đình đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng tinh khí, là những cơn khủng-hoảng xáo-trộn thần-kinh có hại cho sức khoẻ và tánh-mạng, Những trở lực ấy do nơi tiền-khiên nghiệp-chướng của mình chưa được giải trừ đúng mức, nghĩa là

ác-nghiệp còn đọng trong chơn-thần dưới dạng tiềm ẩn, khí thể chưa đủ thanh, những rung động của khí ai, nộ, ó, dục tuy có được chế ngự, nhưng chưa được an tịnh hẳn đọng nhiều, nên khi gặp những chuyện ngang trái trong cuộc đời, nó sẽ bùng lên một cách dữ dội, vì bị dồn nén bấy lâu, nay có dịp tung-hoành như một hồi lực, gây nên những xáo trộn bất lợi trầm trọng cho thể chất và tinh thần của mình.

LUYỆN THẦN HỒN HƯ

Lời Đức Hộ Pháp:

Linh tâm phải định tĩnh từ hoà đừng để đến nổi mờ ám bởi tội tình thì thuận với lòng Trời, hiển linh tại thế, đặng đoạt phép huyền-vi.

Theo lời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thì:

“Hư vô” là “Đạo tâm”, tâm lý hư vô là “không danh, không lợi, không quyền” nếu người tu đạt được “hư vô” là đạt pháp, đắc đạo”. (Bí pháp tu chơn).

Như vậy trạng thái hư vô ở đây không phải là tâm trạng “trống rỗng”, mà người đạt trạng thái hư vô là tâm không còn vương bận “tham, sân, si..., ai, nộ, ó, dục...”, mà lòng tràn đầy “ái, hỷ, lạc...”, Nên “hư không” đây là “diệu hữu”. “Không” đây là không phạm ngã, mà còn toàn “chân ngã”, tức là “thuần chân vô ngã”. Trong Phương Luyện kỹ Đức Hộ Pháp còn dạy:

“Tập tánh “không không” đừng nhĩm, vui cũng vui, buồn cũng buồn,

nhưng đừng để nọc buồn vui nhiễm vào chơn tánh”.

Vì một khi người tu không còn tâm lý tham cầu, ham muốn, sợ sệt, lo lắng hơn thua, được mất...thì lòng sẽ tràn đầy niềm an lạc tự tại, khi đó con người sẽ đạt đến tâm trạng “thoát tục”, nên Phật nói là “độ nhất thiết khổ ách”(thoát mọi khổ ách / Kinh Bát nhã).

Vấn đề thoát tục, cũng đã được Đức Hộ Pháp đã dẫn giải như sau:

“Bản Đạo nói thoát tục đây, chẳng phải nhũ chê đời mà ẩn dật, hay là luyện bí pháp dựng lánh trần, hoặc lên đầu non dựng hú gió kêu mưa, xuống vực thẳm dựng hô phong hoán vũ, hoặc ngồi lim dim lần chuỗi, ngủ thiếp thiếp tương kinh, hoặc là đóng cửa tụng Huỳnh đình, hợp gió khuya dòm rún. Cả mộng pháp ấy đã lưu lại làm trò cười, giả dối đóng thành tuồng thành sách, mê tín dầy dầy, vốn luận không cùng”.

Bản Đạo nói thoát tục đây là khuyên lấy lương tâm làm chủ, giữ bốn thiện cho bền, dầu xác phàm có tuổi cùng tên, nêu tên tuổi chớ quên lẽ phải”. (Trích Diễn văn Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh Tây ninh ngày 15 tháng tám Quý dậu /1933).

Vẫn biết rằng đường tu càng lên cao, càng gay trở, phép thăng-hoa, khí thanh nuôi dưỡng thân an, theo thời-gian làm cho thần-khí định tĩnh từ hòa. Khi tư tưởng đã quen hướng về chỗ thanh-cao thánh-thiện, mức độ giao-

cảm tinh thần giữa người và Thần-Thánh càng thêm mật-thiết.

Cánh cửa của thế-giới vô hình sẽ mở hoát ra đi dần đến chỗ Trời người hiệp nhứt. Sự sống của con người lúc bấy giờ thuận với lòng Trời hiển-linh tại thế, bước đường ấy chẳng do ước muốn mà được, trái lại phải do nơi công đức sáng chói phi thường, nghĩa là sức sống tâm-linh phải mãnh-liệt mới thu hút được sự trợ-thần cao độ của các chân-sur và nhờ đó chơn-thần dần dần trở nên linh-hiển, xuất nhập xác thân dễ dàng tương liên cùng thế-giới Thần Thánh.

Khi Chơn-thần đã hoà nhập được vào trong khối ánh sáng của Thần Thánh, nhưng vẫn phải tiếp-tục phụng sự vạn linh để dục thúc cơ tán-hoá của nhơn-loại với phương tiện xác phàm đã được rèn luyện tinh tấn, và quyền năng của điện lực chơn-thần làm bửu pháp. Cơ sanh-hóa trong càn khôn vũ-trụ tiếp nối không ngừng nghỉ, con đường phản bổn hườn nguyên Tinh hoá Khí, Khí hoá Thần, Thần hườn Hư cũng tiếp nối không ngừng nghỉ, sự sinh hoạt của linh-hồn ngày càng đến những cảnh giới thanh cao trừu tượng. Thần trở về cõi hư-linh được nên gọi là “hườn hư”.

Còn Hư hườn Vô đó là lúc người tu không còn phàm tâm “tham sân si..., ai nộ ố dục...” vướng bận, thì lúc đó họ chỉ còn toàn là đạo tâm là “ái hỷ lạc”, mà theo lời Đức Hộ Pháp tức là họ đã đạt được cái Không (không danh, không lợi, không quyền). Khi người tu đạt được tâm lý “chân không” đó là lúc “Hư hườn Vô” tức là cái tâm đã “thuần

chơn vô ngã”, thì thân tâm an nhiên tự tại đạt đến trạng thái vô vi giải thoát hoàn toàn.

Tóm lại phép vô-vi (không) phải có hữu-hình (sắc) làm nền tảng, nếu nền tảng có tốt thì thượng tầng mới vững vàng. Nên Đức Chí-Tôn đã dạy rằng:

"Phải có thân phàm tinh-khiết mới xuất chơn-thần tinh-khiết, nó phải có bản-nguyên chí-Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh Tiên Phật đặng".

Ngay trong “Phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba Đại đạo”, Đức Hộ Pháp cũng không hề đề cập đến một chữ nào về phương pháp tịnh luyện, nhưng Đức Ngài đã khẳng định rằng sự “thương yêu vô tận” là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài ngay tại thế gian này, như vậy các phương pháp tịnh luyện chỉ đóng vai trò thứ yếu, nó có tác dụng đẩy nhanh quá trình thăng hoa tinh khí thần mà thôi, mà phải có công đức đầy đủ mới là chính yếu. Nên trong Đường hướng tu hành của Tam kỳ Phổ độ Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã dạy rằng:

"Hay lo làm âm chất và làm điều thiện tự giác nơi lòng mình, thì cái chơn pháp từ từ sẽ có và tồn tại... còn nếu thiện tâm mình không có, dầu thợ pháp nơi ai, hay tịnh luyện mà có rồi nó cũng mất" (Đức Hộ Pháp nói chuyện với anh em thợ hồ làm Đền Thánh ngày 26 tháng 10 Bính tý /27-11-1936).

Ngay đến các môn phái chánh tông của Thiên môn, họ cũng không quan tâm đến thiền định tịnh luyện, mà chỉ chú trọng đến “minh tâm kiến tánh”, nên Ngài Lục tổ Huệ Năng cũng đã tuyên xưng yếu chỉ của Thiên là:

"Chỉ luận thấy Tánh, chẳng luận thiền định giải thoát". (Thiền luận Suzuki).

Ngài còn cho rằng:

"Nếu chẳng thấy tánh thì tụng niệm, chay lạt, giữ giới, tịnh tọa chẳng ích gì. Những chúng sanh hành như vậy, đó đích thật là phỉ bán Phật" (Thiền luận Suzuki).

Ngay từ Nhị kỳ Phổ độ, đồng thời với Phật Thích Ca, Ngài Bồ tát Duy Ma Cật cũng đã nói rằng:

"Không phải ngồi sững mới là Thiền, Tâm chẳng trụ trong, chẳng trụ ngoài, không giao động, không rời đạo pháp mà sinh hoạt với thế gian, làm lợi ích cho đời cũng là Thiền" (Lược giải kinh Duy Ma của Thượng tọa Thích Trí Quảng Tiến sĩ Phật học Tokyo/ Nhật).

Đối với người tu dù công phu theo pháp môn nào đi nữa thì cũng chỉ thực hiện ở phần ngọn, cũng như dùng các phương pháp quán niệm hơi thở để nhiếp tâm tịnh ý, hoặc trì tụng kinh chú để thu phục vọng tâm, thì cũng chỉ chữa triệu chứng mà thôi. Khi nào cái gốc của vấn đề là tiền khiên nghiệp chướng đã được đền bù trang trải xong bằng công quả và âm chất của mình tạo ra.

Do đó chúng ta phải hiểu rằng những ai nong-nả đi trên con đường huyền-linh, mà thân phàm còn trọng trước, chơn-thần chưa trở về với bản-nghuyên chí thánh, thì những sinh-hoạt thượng tầng vẫn còn đầy huyền-ảo, nghĩa là kiếp đoạ-trần vẫn còn chưa mãn.

QUY CHẾ VÀ CƠ SỞ TỊNH LUYỆN TINH KHÍ THẦN TRONG CỬA ĐẠO

Về phương diện tu luyện cho Tinh Khí Thần hòa hợp, trong bộ Tân luật của Đại đạo Tam kỳ Phổ độ đã dành một Chương quy định về vấn đề này. Cũng như các cơ sở tu luyện trong cửa Đạo hiện nay đã có Trí Huệ cung và Trí giác cung, còn Vạn pháp cung thì mới dự kiến chứ chưa xây dựng. Theo lời Đức Hộ Pháp thì các cơ sở tịnh luyện này không chỉ dành riêng cho tín đồ Cao Đài, mà các tôn giáo khác họ cũng có thể đến tịnh luyện tại đó. Những chức sắc đã hoàn thành thiên chức và các tín đồ đã làm tròn nhơn đạo, có đầy đủ công đức thì được nhập tịnh sẽ có Chơn sư cân thân truyền pháp, hướng dẫn thực hành công phu tịnh luyện cho Tinh Khí Thần hiệp nhứt.

Đối với các tín đồ bình thường còn sống trong vòng nhơn đạo, ngoài các trách vụ thường nhật với bản thân, gia đình và xã hội, còn với Đạo thì đóng góp xây dựng tùy theo khả năng của mình, giữ gìn trai giới theo luật định, tham dự các đàn lễ sóc vọng tại Thánh thất và Điện thờ Phật Mẫu tại

địa phương, họ còn có phép cúng tứ thời tại Thiên bàn tư gia và luyện tập thân thể theo 12 bài Khí công, thể dục và đạo dẫn (thoa bóp) của Đức Hộ Pháp chỉ giáo, đó cũng là phương tu luyện Tinh Khí Thần theo phẩm hạ thừa, khi làm tròn nhơn đạo và có đủ công đức cũng được nhập tịnh thất tu luyện theo phẩm thượng thừa.

Hơn nữa khi người tu đã đủ công đức, xác thân và chơn thân đã thanh khiết, mà vì một lý do nào đó không nhập được tịnh thất, hay không được thọ giáo bất cứ nơi nào, thì Thầy dạy Tâm linh của chính mình cũng sẽ truyền pháp theo sự điều động của quyền Thiêng liêng xảy ra đúng lúc, không hề bị lệ thuộc bất cứ một điều kiện nào cả.

Vấn đề tiếp nhận sự dạy dỗ của thầy dạy tâm linh (các Đấng Thiêng liêng) không phải là chuyện hoang đường. Ngày xưa tiên tri Isaiah còn gọi là I-sắc, ra đời trước Chúa Jêsus đã nói rằng:

“ Mặc dù vua ban cho người còm gạo, nước uống, tai ương và thống khổ, nhưng các sự phụ của người chắc chắn chưa dời đi vào nơi chốn nào đâu, mà mắt người nhất định sẽ nhìn thấy họ... tại người nhất định sẽ nghe một tiếng nói sau lưng bảo: đứng đường rồi, người đi vào đó, khi rẽ sang phải, khi rẽ sang trái...” (Isaiah 30:2021).

Như vậy cách đây trên 2.000 năm, con người cũng nhận biết rằng họ luôn có một vị Thầy dạy tâm linh đi

theo soi dẫn từng bước đi của họ. Ngày nay đối với các nhà làm khoa học họ cũng tin rằng con người có thể luyện tập một phương thức nào đó để khai mở các giác quan cao cấp hầu liên liên lạc trực tiếp với các Thầy dạy tâm linh.

Theo bà Barbara Brennan tốt nghiệp cao học vật lý tại Đại học tổng hợp Wiscosin, cán bộ nghiên cứu của cơ quan hàng không vũ trụ NASA Hoa kỳ đã cho biết rằng:

“Mỗi người có vài hướng đạo tâm linh lưu lại với họ và hướng dẫn họ qua suốt nhiều cuộc đời. Thêm vào đó mỗi người còn có các Thầy hướng đạo lưu lại trong suốt những thời gian học hỏi đặc biệt và được chọn lựa cho việc học hỏi đặc biệt đó. Chẳng hạn nếu bạn học để thành nghệ sĩ, bắt buộc bạn phải có một vài hướng đạo nghệ sĩ ở chung quanh để tạo cảm hứng.

Trong bất cứ công trình sáng tạo nào mà bạn để tâm trí vào, tôi chắc rằng bạn đã được những hướng đạo tạo cảm hứng cho, họ là những người có mối liên kết với loại công việc này trong thế giới tâm linh, ở đó các hình thái được hoàn hảo hơn và tốt đẹp hơn cái mà chúng ta có khả năng thể hiện trên bình diện trái đất” (Trích từ *“Bàn tay ánh sáng (Hand of Light) - nguyên tác Barbara Ann Brannan - bản dịch Nguyễn Trọng Bổng*).

Sự dạy dỗ này theo bà thì các Thầy dạy tâm linh sẽ lựa chọn cách nào mà đệ tử của họ dễ tiếp nhận nhất, có thể là lời nói, hay các linh ảnh hoặc ý tưởng... thường đệ tử sẽ đạt được những hiện tượng thần thông sau đây:

- Nghe được tiếng nói vô thính (nhĩ thông).

- Thấy được hiện tượng vô hình (nhãn thông), hoặc nhìn thấy xuyên suốt màn ngăn cách (thấu thị).

- Hiểu biết được tâm sự của người khác (tha tâm thông).

Các hiện tượng trên chúng ta thấy hiện nay xuất hiện ở một số nhà ngoại cảm đã tiếp xúc với người đã chết trong thế giới vô hình mà báo chí gần đây đã đăng tải rất nhiều.

Trong cửa Đạo Đức Quyền Giáo tông Lê Văn Trung cũng đã đề cập đến hiện tượng này như sau:

“Trường công quả của Thầy có đôi bên: một bên vô hình là các Đấng Thiêng liêng (Phật Tiên, Thánh, Thần) cũng lập công quả trong buổi chuyển thế này. Các Đấng Thiêng liêng thường theo một bên chúng ta đặng ám trợ chúng ta về phần vô vi. Còn việc hữu hình tại thế là các việc có thi hài như chúng ta bây giờ đây mới làm đặng, thì về phần chúng ta phải làm, rồi các Đấng Thiêng liêng ám trợ...”

(Trích diễn văn Đức Quyền Giáo tông đọc tại Tòa Thánh ngày 8/4 Giáp tuất).

Các dẫn chứng nêu trên đã chứng minh rằng mỗi người trong chúng ta bất kỳ lãnh vực nào, cũng đều có các Đấng Thiêng liêng theo sát bên mình để âm phò mặc trợ và giáo hóa trên nhiều phương diện. Nên khi tư tưởng đệ tử đã quen hướng về chỗ thanh-cao thánh-thiện, công đức đã đủ đầy, thì mức độ giao-cảm tinh thần

giữa người và Thần-Thánh càng thêm mật-thiết. Bước đường ấy phải do nơi công đức đủ đầy, nghĩa là sức sống tâm-linh phải tinh tấn thì mới thu hút được sự trợ-thần dạy dỗ của các chân-sư.

Nên trong Kinh Thế Đạo có câu:

“Đạo hư vô, Sư hư vô” (Kinh Xuất hội).

“Câu kinh vô tự độ người thiện duyên” (Kinh Nhập hội).

Như vậy khi người đệ tử đủ đầy công đức tức là hội đủ thiện duyên, thì vị Sư phụ hư vô cũng ở ngay bên mình, sẽ sẵn sàng truyền dạy “câu kinh vô tự” cho mình để chứng ngộ, chứ không phải lệ thuộc bất cứ một điều kiện ngoại giới nào mới hưởng được. Trong cửa Đạo Cao Đài cũng có rất nhiều đệ tử đã đắc thành chánh quả tại thế theo con đường này, nhưng vì tiêu chí tu hành của họ là “vô kỷ, vô công, vô danh” nên ít được thế gian biết đến mà thôi.

THAY LỜI KẾT

Hiện-tượng thăng-hoa Tinh Khí Thần là một quá-trình nội chuyển, nó diễn ra trong tự thể của ba phần: Thể-chất, tình-cảm và trí-huệ, với một cơ-chế rất tự-nhiên, cũng có thể nói là rất logic và khoa-học, không hề ẩn-tàng, một mảy-may pháp-thuật ảo-huyền.

Trong dụng-công tu-hành ngày nay có nhiều người chẳng màng đến tam-lập (lập đức, lập công, lập ngôn), mà chỉ lo tịnh luyện để mong đạt được

các phép thần thông. Theo lời Đức Hộ Pháp thì “nếu người tu không đầy đủ Tam lập, mà chỉ ngồi tịnh luyện thì càng lớn bụng vô ích”.

Tình trạng lớn bụng này, là một thực trạng phổ biến, thường xảy ra với những người ham ngồi tịnh luyện, hít vào sâu xuống đơn điền, nhưng không kèm chế đai bụng, tức là giữ cho bắp thịt bụng có một mặt phẳng với xương ức và xương chậu, mà cứ phình bụng ra thỏa mái, lâu ngày thành bụng giãn nở, bắp thịt bụng trở nên mềm nhão, phình ra thành một túi chứa nội tạng lòng thông, khiến lưng còng xuống trông thật thảm hại, nhưng lại cho rằng đó là ẩn chứng đã “kết thánh thai” có ông Phật con trong bụng !!! Thật là một điều hoang đường đáo đê!!!

Hiện nay có nhiều trường-phái cũng đã thâm nhận đệ-tử, họ cũng dạy luyện Tinh Khí Thần, nhập-định xuất-hồn, khai mở luân-xa... thậm-chí có nhiều Thầy có phép mở luân-xa cho đệ-tử từ xa (qua không gian) mà chẳng cần quan-tâm đến công-đức cùng mức-độ thanh-khiết trong chơn-thần của đệ-tử ra sao. Đây là một điều khá tai-hại cho những ai cả tin và nôn-nả muốn mau đạt được phép thần-thông.

Theo các nhà chân-tu tiên-bối thì Luân-xa (Chakra) là những điểm tương-ứng với một số hội-huyệt quan-trọng của cơ thể, là nơi giao-tiếp thu-nhập năng-lượng giữa con người và vũ-trụ, khi công-đức đệ-tử chưa đầy đủ, thất-tinh lục-dục chưa lắng đọng, tức là chơn-thần chưa thanh-khiết, mà đã khai mở, nó sẽ lay tinh luồng Hoà-

xà (Kundalini) trường lên, dẫn lửa đi thiêu thân, nên thay vì có kết-quả tốt là khiến con người đạt được các quyền-năng siêu-phàm, thì ngược lại nó thúc-dẩy lửa thất-tình lục-dục dấy lên mãnh-liệt hơn nữa. Nên chúng ta thường thấy nhiều người chưa đủ công đức, tịnh luyện lâu ngày thì tham sân si... càng dễ bị kích động, thường thấy thay vì họ khoáng dung, từ ái, nhu hòa, họ lại trở nên nóng nảy, hẹp hòi, cố chấp là do vậy. Nên Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc đã khẳng định rằng:

“Cái nền chơn-giáo của Chí-Tôn là đường-đường ngay chánh không hề mê-hoặc ai cả thấy... Những phương-pháp mê-hoặc của thiên-hà về đạo-lý sẽ bị chơn-truyền của Chí-tôn từ từ tiêu diệt hết... ” (Thuyết đạo ngày 19 / 04 / Tân Mão).

Sự tiêu-diệt này chính là sự bệnh-hoạn và chết chóc. Vì những sai-lầm dẫn đến hậu-quả như vậy, nhưng nhiều người vì không chịu hiểu, nên khi bị “tẩu hỏa nhập ma” lại đổ thừa cho nghiệp-chương tiền-khiên...

Chúng ta cần khẳng-định rằng dù người tu đã mang nghiệp-chương nặng-nề đến đâu, mà biết lập-công bồi-đức kết-hợp với tu-luyện theo giáo pháp Tam kỳ Phổ độ, và dinh-dưỡng đúng phép quân bình âm dương, tức là chúng ta thực hiện phép “tánh mạng song tu” (tu tánh lẫn luyện mạng) còn gọi là phép “Phước huệ song hành” (tài bồi âm chất lẫn phát triển thần huệ) thì cũng có thể hoá-giải khỏi nghiệp-chương tiền-khiên đi được. Đây là một qui-luật tất-yếu, vì hành-tàng đúng hay

sai của mỗi người đều có một sự trả giá rất xứng-đáng, chứ Đức Chí-Tôn là Đấng công-bình, không ban thưởng hay trừng phạt ai cả.

Sưu tập này không có chủ tâm đả kích một người nào, hay bài bán một phương tu nào, mà chỉ nêu lên những vấn đề có tính chất thời sự trong phong trào tu học hiện nay, để đồng đạo tham khảo. Vì các sự kiện thất chơn-truyền nêu trên, mà ngay Đức Phật Thích Ca cũng đã than thở rằng:

“Lắm kẻ đã chịu khổ hành đạo... Ôi! Thương thay công có công mà thưởng chưa hề có thưởng, vì vậy Ta rất đau lòng...”

Nhưng rồi Ngài cũng phải đành cam chịu đau lòng mà chờ đợi cho đệ tử của Ngài trải qua nhiều cái “phàm ngã” để rồi họ phải nếm chịu nhiều khổ đau, mới có thể đạt đến “chân ngã” được.

Nỗi khổ của con người là do cái “ngã” của mỗi cá nhân lớn quá. Cái gì cũng của tôi, cho tôi, vì tôi... lại cho đó là cái thường hằng vĩnh viễn, nên nếu tan biến hay đánh mất đi lại sầu bi khổ não... Ngay cả người tu hành muốn thoát cái ngã, có thể lại nặng ngã hơn, như ôm lấy đạo ta, chùa ta, cốc ta, sau khi đã thoát khỏi được cái nhà của ta !!! Cứ thế người tu bỏ cái này lại bám chặt cái khác, như bám mãi cái bè đã qua sông mà không muốn bỏ bè lên bờ. Không những người tu chỉ chấp ngã, chấp tướng, mà người ta còn cả chấp pháp, cứ ôm lấy nó mà ngủ quên ở đó !!! Tôi có một bà chị tu Thiên, đã bỏ nhà cửa cao sang, bỏ tất cả tiện nghi

vật chất, bỏ con cháu thân yêu, coi như đã ly gia cắt ái, nhưng rồi lại vướng bận bám víu vào những cái khác, như lại không thể rời sự phụ... không thể rời bạn hữu..., không thể rời chùa chiền, am cốc của mình, dù chỉ trong vài ngày...!!! Như vậy là chị đã bỏ cái “ngã” này lại vướng bận vào cái “ngã” khác.

Âu đây cũng là một quy luật trong quá trình tiến hóa của con người đến thế gian, là phải trải qua nhiều bản ngã rồi mới đến chân ngã, trải qua tất cả ác trược rồi mới đến thiện thanh, phải ném nhiều cay đắng đau khổ, rồi mới đến hạnh phúc an lạc, người tu phải tự mình từng trải như vậy thì mới mong đắc đạo giải thoát. Vì thế Đức Phật cũng đã xác nhận rằng:

“Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”.

Trong Tam kỳ Phổ độ Đức Chí Tôn đã ban ơn rộng rãi cho con người nếu ai biết tu, thì trong một kiếp cũng có thể vào niết bàn đặng, nhưng Đức Chí Tôn chẳng bao giờ được hoan lạc nhìn thấy những kẻ ấy:

“Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhân loại trong càn khôn thế giới, nếu biết ngộ một đời tu đủ trở về cùng Thầy đặng, mà hại thay!!! Mắt Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc nhìn thấy kẻ ấy” (Thánh giáo ngày 19-12-1926 / 15-11 Bính dần).

Nên không dễ gì một người tu mà không chịu lo hành đạo, lập công bồi đức, cứ ngồi thiền, tịnh luyện suông mà một sớm một chiều sẽ đắc thành chánh quả. Muốn đạt được trạng

thái này, người tu phải thực sự hành đạo dài dài một cách tích cực nên mới gọi là “tu hành”, và luyện tập dài dài một cách tinh tấn, nên người ta mới có danh từ kép là “tu luyện”.

TRUNG DÃ TỪ

TÂM SỰ VỚI BẠN GIÀ

Nói đến tuổi già, tôi nhớ Viện Dưỡng Lão ở vùng Thánh Địa Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, nơi nuôi dưỡng người già đã từng phục vụ Đạo và cả những người già đơn độc, không có con cháu để nương tựa. ...Nơi công Viện Dưỡng Lão có hai câu liễn đối:

DƯỠNG TRÍ TU THÂN HÀNH ĐẠO PHÁP,
LÃO THÔNG CHON TÁNH ĐẠT HUYỀN CƠ.

Nghĩa là nuôi nấng cái trí, sửa mình, tu hành đúng theo chánh pháp của Đạo
Già cả biết được cái chơn tánh của mình thì thông hiểu được máy Trời huyền diệu.

Từ cảm nhận này, tôi nghĩ nếu mình không có duyên nợ với Viện Dưỡng Lão hay Nursing home thì cũng tự mình tạo lấy một môi trường cho tuổi già tại nhà để ngày ngày sống vui với Đạo.... như Đức Không Thánh Tiên Sư đã dạy: Triệu văn Đạo, tịch tứ khả hỷ (Sáng nghe Đạo, chiều chết cũng vui)

老
通
真
性
速
玄
機

Tuổi già lẩn thân trong nhà,
Đi qua đi lại dần dà ngày qua,
Nỗi buồn nỗi kết lòng tà,
Kéo thêm lăm chuyện ta bà thế gian,
Chỉ bằng hành Pháp diệt phàm,
Yên vui trọn đạo Kỳ Tam mới mẫu.

P.V.K

養
智
修
身
行
道
法



THIÊN VÀ TỊNH LUYỆN

TỪ CHƠN



MỞ

Có một nghịch lý hiển lộ khi giáo thuyết và pháp môn của Cao Đài song hành mà, không sớm thì muộn, bất cứ tín đồ thuần thành nào cũng phải đối mặt. Dĩ nhiên, việc này không phải là vấn đề nêu chúng ta dễ dãi chấp nhận các lý thuyết pha trộn hồ lớn để khỏi phải suy nghĩ nhiều. Thế nhưng, bài viết này kêu gọi một mức độ suy nghĩ hơi cao hơn thường lệ. Vậy nếu có bị sốc vì cách trình bày hơi khác biệt một chút, xin quý đọc giả bỏ qua tiêu tiết mà quan tâm hơn đến ý nghĩa thực người viết muốn truyền tải. Cũng xin đừng vội tin ngay những điều người viết trình bày. Hãy suy nghĩ cho cẩn thận, cho dù trong thiên niên kỷ mới với đủ thứ công nghệ phức tạp này, suy nghĩ là một xa xỉ.

Tín đồ Cao Đài nào cũng được đọc qua Thánh Ngôn là các tôn giáo mở trước đây đã "thất kỳ truyền" và Cao Đài khuyến cáo mọi người hãy "qui nguyên, phục nhứt" những giáo lý đó. Nhưng ai cũng biết, giải thích được vấn đề này vốn đã khó khăn rồi, áp dụng cho đúng lại càng khó khăn gấp nhiều lần. Và nghịch lý phát khởi ngay chỗ này đây: Các bạn Cao Đài ơi, các bạn "qui nguyên" và "phục nhứt" Phật Giáo thế nào trong khi các bạn cũng học tập lim dim "ngôi thiên" như các nhà sư đã làm hàng ngàn năm nay. Thậm chí có bạn còn xem việc đó là cao cấp, là có...trí tuệ hơn việc tụng kinh, làm đám đày "âm thanh sắc tướng". Và dĩ nhiên, có ngay một nhóm tín đồ bảo rằng thiên đã thất truyền rồi, kỳ ba này chỉ cần phổ độ (truyền đạo) thôi là đạt đạo. (Đây là một điển hình cho những tranh cãi không có hồi kết trong tín đồ Cao Đài như: rót nước cúng tám phân hay chín phân, đặt thi thể người quá cố nằm day đầu vô hay day đầu ra, Cao Đài có mấy Giáo Tông, phái nào là đúng chơn truyền....Dù có vẻ khôi hài dưới con mắt của người ngoại đạo, nhưng trên thực tế, không thiếu tín đồ rảnh rỗi, nhiệt tình phung phí thời gian trong những hoạt động như vậy !)

Hậu quả rất dễ thấy: ngoài việc thành lập hàng lô hàng lốc chi phái ra, bây giờ có thêm những phân chia mới như: dòng thiên phổ độ đối lập với dòng thiên tu chơn,

chơn truyền khác với không chơn truyền, hội thánh này và hội thánh kia vv.... Trong khi đó các bạn vẫn cao giọng rao giảng rằng mọi tôn giáo phải "phục nhứt", tức là thống nhất nói theo ngôn ngữ ngày nay. Đó là chưa kể, các bạn vẫn chưa phân biệt cho rõ: thống nhất kiểu Tần Thủy Hoàng hay kiểu dung hợp (pluralism). Chính vì thế, trong một buổi lễ Cao Đài ở Australia trước đây, một Giáo Sư khách mời người Úc đã phát biểu rằng mục đích của đạo Cao Đài nhằm thống nhất mọi tôn giáo là "quá lớn". Không biết bạn đọc nghĩ sao chứ người viết thì vô cùng thán thía.

Người viết ý thức rõ ràng rằng tiến trình "qui nguyên" và "phục nhứt" này sẽ vấp phải nhiều khó khăn và còn rất lâu dài vì Đức Chí Tôn Thượng Đế dạy rằng đạo Cao Đài mở 700,000 năm (thất ức niên). Nhưng để khởi đầu, người viết muốn bước một bước nhỏ về phía trước. Muốn qui nguyên, nghĩa là trở lại cội nguồn, thì ít nhất mình cũng phải biết cội nguồn đó là gì và ở đâu. Vậy xin cung cấp một ít thông tin về thiên và tịnh luyện, đồng thời rủ rê các bạn đạo cùng suy tưởng để có nhận xét chút ít về vấn đề này. Trong tương lai sẽ còn nhiều bạn tu học Cao Đài đào sâu hơn nữa và mở rộng con đường tiến gần đến chân lý. Nào mời các bạn bắt đầu bằng một câu hỏi đơn giản.

THIÊN LÀ GÌ?

Ngày nay, (hiện đang là 2017) khó mà tìm ra ai đó không thể trả lời câu hỏi này. Tuy nhiên, phần lớn chỉ biết trả lời qua loa, rất ít người chịu tìm hiểu đến căn cội. Ở các nước khu vực Đông Nam Á, các thiền viện mọc lên còn nhiều hơn quán Mc Donald hay KFC nữa. Áp phích in hình thiền sinh ngồi kiết già len lỏi đến cùng trời cuối đất. Ở các nước phương Tây, nhất là Mỹ Quốc, nhìn đâu cũng thấy gán Meditation Centers (Trung Tâm Thiên). Các trường đại học tiếng tăm đều có những trung tâm thiền quản lý bởi các Giáo Sư chính qui hẳn hoi và các sinh viên phải trả đến 5 đô la hoặc hơn nữa cho một giờ học thiền. Người viết cũng đã đọc ở đâu đó là có một tử tù ngồi thiền ngày ba lần trong khi chờ ra pháp trường! Do đó, nhiều người đổ xô đến Tây Tạng để học thiền, trong đó có cả những người không hề biết một tiếng Tây Tạng nào. Khi trở về, họ nghiêm nhiên trở thành những guru (đạo sư) đầy uy lực trong những thiền viện thâm u tĩnh mịch. Trên internet còn nhộn nhịp hơn. Chỉ cần đánh meditation, thiên, zen, chan hay yoga vào Google Search bạn sẽ có vô số địa chỉ cung cấp ê hề những thông tin về thiền bằng đủ mọi thứ tiếng. Như vậy, trong thiên niên kỷ mới này, nếu mình biết quá ít về thiền thì cũng khá là thiệt thòi đó. Không những thế, thiếu kiến thức còn dẫn đến những gán ghép sai lệch, như ghép thiền với Cao Đài hay ghép thiền với Phổ Độ vv... Người viết cho rằng chính những gán ghép này đã khiến người ngoại đạo nghĩ rằng giáo pháp Cao Đài vay mượn hỗn tạp.

Bây giờ xin đi thẳng vào trung tâm của sự việc. Thiền là một pháp môn (cách tu tập) của những tín đồ theo đạo Phật. Dĩ nhiên Phật Giáo còn có những cách tu tập khác nữa, nhưng để tiết kiệm thời gian, xin xoáy sâu vào chủ đề thiền. Trước hết, người viết trộm nghĩ rằng đọc vài quyển sách về Phật pháp rồi tự mình đưa ra nhận định là tốt nhất. Sách về thiền thì vô số, nhưng xin giới thiệu bộ sách quan trọng nhất: *Essays in Zen Buddhism (Thiền Luận)* của [Suzuki Daisetsu Teitaro](#)¹, xuất bản 1950 tại London ([đã xuất bản ở Việt Nam. Dịch giả Trúc Thiên và Tuệ Sĩ](#))². Quan trọng vì, thứ nhất, Suzuki Daisetsu Teitaro là một học giả rất uyên bác. Ông là Giáo Sư môn Phật Học tại nhiều trường đại học danh giá ở Nhật và Mỹ, được trao tặng nhiều giải thưởng kể cả việc được đề cử nhận giải Nobel năm 1963. Thứ hai, đây là bộ sách đầu tiên giải thích cặn kẽ về thiền cho thế giới phương Tây, tiên phong trong việc phổ biến thiền đến mọi tầng lớp trên thế giới. Có thể mạnh dạn nói rằng những thông tin trong sách này là đáng tin cậy. Tuy nhiên, với những vị không có thì giờ đọc sách, người viết sẽ cố gắng trình bày ngắn gọn như sau.

Đầu tiên, xin lướt qua một chút lịch sử cho rõ ràng nguồn cội. Bởi vì lịch sử Phật Giáo phần lớn là truyền thuyết, nên xin chọn lọc nêu ra những điều nào được chấp nhận nhiều nhất thôi. Thái Tử Siddhartha Gautama (Sĩ Đạt Ta Cồ Đàm) ở Ấn Độ tìm ra được cách thoát khỏi bốn cái khổ của con người là sinh, lão, bệnh, tử. Ngài truyền dạy cách này cho mọi người xung quanh và được tôn là Buddha (Phật, tức là người hiểu biết). Sau khi ngài mất, các đệ tử của ngài muốn truyền lại lời vàng ngọc của ngài cho đời sau, nên mới hội họp để ghi chép lại. Những lần như thế được gọi là "kiết tập" hay "kết tập". Trong lần kiết tập thứ nhất có hai nhân vật quan trọng. Một là ngài Mahakasyapa (Ma Ha Ca Diếp) và hai là Ananda (A Nan). Ngài Ma Ha Ca Diếp đã khởi xướng và chủ trì cuộc họp còn ngài A Nan là người có trí nhớ tốt có thể nhớ những bài giảng của Đức Phật. Những ghi chép đó đã trở thành kinh Phật Giáo, truyền đến tận bây giờ.

Tuy nhiên, dù đọc cùng một thứ kinh sách, chỉ vài trăm năm sau, do khác biệt về cách tu tập, các đệ tử đã chia ra thành nhiều tông phái (chi phái) khác nhau như Đại Thừa, Tiểu Thừa, Mật Tông vv... Khi đạo Phật truyền qua các nước khác, các tông phái phát triển tùy theo sở thích của người dân nước đó. Chẳng hạn Mật Tông phát triển mạnh ở Mông Cổ, Tây Tạng. Tiểu Thừa được ưa chuộng ở Sri Lanka, Lào, Thái Lan, Myanmar. Đại Thừa được tôn sùng ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam. Tông Phái Đại Thừa đặc biệt chú trọng việc thực hành Dhyana, tiếng Sankrit có nghĩa là "yên lặng suy tưởng". Người Trung Hoa đọc chữ Dhyana là "chan". Khi đến Nhật, người ta đọc là "zen" và ở Việt Nam đọc là "thiền". Theo truyền thuyết của thiền Trung Quốc, Phật đã truyền pháp cho ngài Ma Ha Ca Diếp qua câu chuyện "niêm hoa vi tiếu", nghĩa là mỉm cười khi thấy Phật nâng hoa

¹ Xem tại đây https://en.wikipedia.org/wiki/D._T._Suzuki

² Xem tại đây <http://www.thienlam.org/news/LUAN/THIEN-LUAN-SUZUKI-1436/#.XA3EVXQzbIX>

lên. Câu chuyện này rất quan trọng nên cần phải nhắc lại như sau: Một hôm Phật không dạy đạo như thường lệ, mà chỉ im lặng dơ một bông hoa lên. Tất cả đệ tử đều ngơ ngác không hiểu gì cả, chỉ có ngài Ma Ha Ca Diếp là nhẹ nhàng mỉm cười. Phật liền đưa bông hoa cho ngài và nói: "Ta có chánh pháp vô thượng, nay trao cho Ma Ha Ca Diếp." Do đó, thiên Trung Quốc cho rằng Phật đã "ấn chứng" ngài Ma Ha Ca Diếp, (nghĩa là xác nhận ngài Ma Ha Ca Diếp đã hiểu lời dạy của Phật, nghĩa là đắc đạo) nên tôn ngài là Tổ Sư Thiền. Sau ngài Ma Ha Ca Diếp là 28 vị nữa lần lượt lãnh đạo các tu sĩ Phật Giáo Ấn Độ. Người Trung Quốc gọi đó là 28 vị Tổ Sư Tây Thiên. Vị thứ 28 là Bodhidharma (Bồ Đề Đạt Ma), cũng chính là người đã truyền dạy thiền sang Trung Quốc và được tôn làm Sơ Tổ Thiền ở Trung Quốc. Sau đó là năm vị tổ Trung Quốc nối tiếp nhau cho đến Lục Tổ Huineng (Huệ Năng).

Thiền Tông Trung Quốc kể lại rằng khi một Tổ Sư ấn chứng một đệ tử, sẽ giao luôn y bát cho vị đó. Y là cái áo, bát là cái tô lớn mà Phật Thích Ca sử dụng lúc sinh thời. Vậy y bát có vai trò như bằng cấp xác nhận năng lực trong xã hội ngày nay vậy. Vị nào giữ y bát là đã đắc đạo. Việc này diễn ra nối tiếp nhau cho đến Tổ Sư thứ sáu ở Trung Quốc là Huệ Năng thì dừng lại vì người ta bắt đầu dùng vũ lực để tranh danh y bát rất nguy hiểm. Do đó, Lục Tổ không truyền y bát lại cho học trò nữa. Từ đó cho đến nay, đệ tử nào được thầy xác nhận là đạt yêu cầu không giữ y bát và cũng không được gọi là Tổ Sư.

Có lẽ đến đây mời người đọc cùng rút ra một số nhận xét về thiền. Trước hết, thiền là một cách tu tập của Phật Giáo, chú trọng thực hành suy nghĩ trong yên lặng. Vậy chìa khóa của thiền là rèn luyện tư tưởng chứ không phải là tập luyện thể xác. Những cách ngồi kiết già, bán già (theo tư thế hoa sen) hay xếp bằng chỉ là phụ, không phải là yếu tố quyết định. Kể cả cách thở cũng vậy, ngày nay các chuyên gia thiền thống kê được đến tám cách thở, có lẽ còn nữa. Sở dĩ nói tư tưởng mới là yếu tố quyết định bởi vì theo Pháp Bửu Đàn Kinh, anh học trò nghèo Huệ Năng (sau này là Tổ Sư Thiền Trung Quốc thứ sáu) khi gánh củi đi ngang qua chùa, nghe Ngũ Tổ giảng kinh là đã giác ngộ (hiểu) ngay, đâu cần ngồi hay đứng thở gì đâu. Trong những câu truyện thiền học cũng vậy. Người học thiền phải suy nghĩ lâu dài, có khi đến cả đời người mới tìm ra câu trả lời. Có một số vị tìm ra câu trả lời khi đang... giã cỏ hay đang làm gì khác chứ không nhất thiết là phải ngồi thiền. Ngay cả Phật Thích Ca lúc mới đi tìm đạo cũng học tập các tôn giáo cổ ở Ấn Độ, như Vedism (Phệ Đà) hay Brahmanism (Bà La Môn) không loại trừ việc ngài phải tập các tư thế yoga vốn rất phổ biến trong các tôn giáo này. Khi nhận thấy những cách thức đó không hiệu quả, ngài đã quyết chí ngồi suy tưởng 49 ngày dưới cội bồ đề và đã thành công. Ngày nay ở phương Tây, thiền cũng được gọi bằng vô số tên, nhưng phổ biến nhất là Mindful Meditation, tạm dịch là "suy tưởng bằng ý thức". Người phương Tây cũng biết suy nghĩ là quan trọng trong thiền vậy.

Vấn đề thứ hai là, nếu suy nghĩ là quan trọng, thì người tu học phải suy nghĩ về điều gì và phải suy nghĩ như thế nào? Điều này dẫn đến một vấn đề cũng quan trọng không kém: đó là đạo sư, sư phụ, chơn sư, nói cho dễ hiểu là thầy dạy thiền. Xét theo những câu chuyện trong thiền học, thì ngoài Đức Phật Thích Ca tự mình suy nghĩ và tìm ra cách giải quyết vấn đề, những vị tổ đời sau đều có thầy dạy và được thầy chứng nhận là thành công (đắc đạo). Thông thường, một tổ sư có nhiều học trò. Ông theo dõi, biết rõ trình độ và tính tình của từng người nên giao cho mỗi người một công án (đề tài để suy nghĩ) khác nhau, có khi công án không được nói rõ ra mà chỉ hai thầy trò ngầm hiểu với nhau. Xin nêu một vài thí dụ dễ hiểu về công án trong bộ sách Thiền Luận như "Hãy tìm âm thanh tiếng vỗ tay." hay "Phật là gì?" Những công án này chỉ có hai thầy trò biết mà thôi, không công khai cho các học trò khác. Khi học trò tìm ra câu trả lời sẽ trình riêng với thầy và cũng chính thầy sẽ trực tiếp cho học trò biết câu trả lời đó là đúng hay sai. Suy ra, học trò có trả lời được hay không là vấn đề không ai ngoài hai thầy trò biết. Nếu câu trả lời được thầy chấp nhận, người học được gọi là đắc đạo, giác ngộ, đắc pháp hay thành Phật.

Thêm một điều cũng rất quan trọng: Thiền là suy tưởng, không phải là kiến thức, cho nên học thiền không giống như học một môn học ở nhà trường phổ thông ngày nay, nghĩa là học sinh sẽ thi đậu nếu nhớ hết mọi điều thầy dạy. Hay nói rõ hơn không phải người có nhiều kiến thức sẽ dễ đắc đạo hơn người ít học. Bằng chứng của điều này là Ngũ Tổ đã ấn chứng Huệ Năng (không biết chữ) chứ không ấn chứng Thần Tú (người học rộng biết nhiều) làm Lục Tổ. Lại càng không thể có chuyện "tốt nghiệp 100%" được. Bởi vì hiện nay có khoảng 488 triệu tín đồ Phật Giáo trên toàn cầu (theo Pew Research Center, 2015) nếu tất cả số đó đều là Phật, thì thế giới ngày nay đâu có lắm vấn đề như vậy! Theo một bài thánh ngôn Cao Đài, thì cả ngàn năm nay ở Á Đông chỉ có một vị đắc đạo, đó là nhà sư Huệ Mạng Trường Phan ở núi Điện Bà, Tây Ninh. Chúng ta còn nhớ, trong tất cả học trò theo học đạo thì Phật Thích Ca chỉ ấn chứng có một vị thôi, đó là ngài Ma Ha Ca Diếp. Như vậy, kể từ ngài Ma Ha Ca Diếp cho đến Lục Tổ Huệ Năng, chúng ta có thể biết vị nào đắc đạo. Bởi vì dù các đạo sư không nói ra, nhưng chúng ta thấy có một vị giữ y bát và nối tiếp làm tổ sư đời kế tiếp. Còn từ Lục Tổ cho đến nay thì chúng ta không thể biết vị nào đắc đạo, vị nào không, vì việc ai đắc đạo không được tuyên bố công khai và cũng không còn truyền y bát nữa.

Thêm vào đó, từ xưa đến nay, không có một qui định chính thức nào về tiêu chuẩn đắc đạo trong Thiền Tông cả. Mặc định là người đắc đạo dạy và xác nhận (ấn chứng) người học có đắc đạo hay không, không chứng minh, không xét duyệt, cấp bằng gì cả. Vì vậy ngày nay, rất khó biết ai là một vị thầy đúng nghĩa (chơn sư).

Người viết còn nhớ [Krishnamurti](#), triết gia nổi tiếng Ấn Độ trong thế kỷ 20³ có nói: "Bạn làm sao biết một người nào đó là đặc đạo nếu bạn chưa đặc đạo?"

Tóm lại, hiện nay điều quan trọng nhất khi bạn muốn thực hành pháp môn thiền là phải tìm cho được thầy dạy. Sau đây mời quý đọc giả nghiên cứu phần hai của bài viết: Tịnh luyện là gì?

TỊNH LUYỆN LÀ GÌ?

Gần đây có một số tín đồ Cao Đài, đa số là trẻ tuổi, len lén tìm đến những cơ sở dạy thiền. Kết quả hoặc là họ quay mặt làm ngơ với kinh sách Cao Đài, một số thậm chí còn cải đạo (tham gia một cộng đồng tôn giáo khác). Có người nói rằng làm như vậy là thất thê (vi phạm lời thề lúc nhập môn Cao Đài) và sẽ lãnh một hậu quả nặng nề. Việc này xin phép để bàn trong một bài viết khác. Trong bài này thì ý kiến của người viết là: họ không có gì đáng trách cả. Vì muốn tìm đạo mà không gặp được cách tu học phù hợp nên họ mới làm như thế. Vậy chúng ta, tín đồ Cao Đài, luôn rao giảng thánh ngôn là sẽ phổ độ (nghĩa là dạy đạo cho tất cả mọi người) đã có gì để cho họ học chưa? Người viết tin rằng muốn trả lời câu hỏi này, e là phải cần rất nhiều thời gian và công sức. Để góp phần vào việc tìm câu trả lời, người viết cố gắng tìm hiểu và ghi lại theo khả năng hạn hẹp của mình. Hy vọng ngày kia sẽ giúp được ít nhiều cho cộng đồng tôn giáo Cao Đài.

Mọi tín đồ Cao Đài đều từng đọc kinh sách hoặc nghe nói về tịnh luyện. Dĩ nhiên đó là cách tu tập của Cao Đài, nhưng số người chịu khó tìm hiểu rõ đó là gì thì còn rất khiêm tốn. Thông thường người ta nghĩ đó là thiền định vì về mặt ý nghĩa hai từ ngữ này gần gần như nhau. Bởi thế mới có người viết sách về "Thiền Cao Đài"! Việc này cũng như người ta từng gọi Cao Đài là Phật Giáo cải cách bởi vì thấy có thờ Phật Thích Ca vậy!

Bây giờ xin đi vào vấn đề. Cao Đài Giáo khuyến nghị tín đồ ba cách tu tập: lập công, lập đức và tịnh luyện. Muốn lập công thì tham gia làm chức sắc chức việc cho Hội Thánh, muốn lập đức thì làm từ thiện theo Cơ Quan Phước Thiện và muốn tịnh luyện thì vào tịnh thất (nhà tịnh). Xin nói thêm cho rõ chỗ này: Cao Đài không hề khẳng định là duy nhất chỉ có ba cách này mà thôi, cũng không khẳng định là cách nào cao hơn hay hiệu quả hơn cách nào. Vấn đề nằm ở chỗ cách làm có phù hợp với căn cơ và thuận tiện cho hoàn cảnh của người học đạo hay không.

Ngay từ lúc mở đạo, trong Tân Luật Pháp Chánh Truyền đã có qui định về Tịnh Thất. Đức Hộ Pháp đã trực tiếp chỉ đạo xây Trí Huệ Cung (nhà tịnh dự kiến cho nữ phái) và cũng chính ngài làm lễ trần thân rồi nhập tịnh tại đây. Vì vậy có thể suy ra tịnh luyện là một trong những cách tu tập chính thức của Cao Đài Giáo. Thánh

³ Xem tại đây https://en.wikipedia.org/wiki/Jiddu_Krishnamurti

ngôn dạy rằng thời kỳ này phải "bày bừa pháp ra để tận độ chúng sinh" và bừa pháp, hay còn gọi là bí pháp, đã được trình bày qua các thể pháp, tức là các hình thức nhìn, nghe, cảm nhận được. Xin phép mở ngoặc một tí ở đây, người ta hay nhầm lẫn giữa bí pháp và bí tích. Phép xác, phép tắm thánh, phép cắt dây oan nghiệt... là những bí tích, thuộc về thể pháp. Còn bí pháp, nghĩa đầu tiên là cách tịnh luyện của Cao Đài, còn nhiều nghĩa khác nữa, nhưng xin trình bày vào một bài khác.

Hiện nay muốn lập công hay lập đức đã có Hội Thánh Cao Đài rồi, tín đồ nào chọn cách này cứ việc tham gia, chỉ cần tuân thủ Tân Luật Pháp Chánh Truyền, Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui và hành đạo cho đến cuối đời. Riêng pháp môn tịnh luyện thì còn chưa định hình cụ thể, nhưng trong tương lai chắc chắn phải phát triển để theo kịp tiến bộ của nhân loại. Như trên đã trình bày, hiện nay thiên học được phát triển rất mạnh ở các nước phương Tây. Chắc chắn không phải vì người Anh người Mỹ, vốn có trình độ văn minh cao nhất hành tinh hiện nay, đột ngột quay ra "mê tín dị đoan" đâu! Thực sự là khoa học trong thiên niên kỷ mới đang tiến vào lãnh vực nghiên cứu bộ não con người mà thiên học là bộ môn có liên quan đến tư tưởng đã có từ rất xưa. Hiện nay họ chưa tìm được ai "đắc đạo" để nghiên cứu, nhưng với những bộ óc siêu đẳng, rồi ra họ cũng sẽ đạt mục đích. Đó là lúc mà các tiền bối Cao Đài gọi là "giống Thần Thông Như lập Nguơn Thánh Đức".

Tính cho đến nay (năm 2017) người viết xin nêu lên những cơ sở hiện có thuộc về pháp môn này để chúng ta tính đến hướng phát triển. Về mặt cơ sở vật chất thì hiện có ba nơi: Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung và Vạn Pháp Cung đều thuộc tỉnh Tây Ninh. Theo cơ bút và Tân Luật thì Cao Đài Giáo chỉ có ba Tịnh Thất này, ở các nơi khác không có. Trí Huệ Cung và Trí Giác Cung đã xây dựng hoàn chỉnh. Vạn Pháp Cung hiện do một số tín đồ tự lập riêng, không theo thiết kế của Hội Thánh. Cả ba nơi này hiện không có hoạt động chính thức nào về tịnh luyện. Nếu có là những hoạt động tự phát, không thông qua quyết định của Hội Thánh.

Về mặt lý thuyết, tài liệu về tịnh luyện của Cao Đài chưa định hình thành những qui điều cụ thể. Chưa có văn bản hay sách vở nào đề cập đến tịnh luyện do Hội Thánh ban hành chính thức. Phần lớn tài liệu tịnh luyện hiện nay nằm rải rác trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, những bài Thuyết Đạo, văn bản của Đức Hộ Pháp hoặc lan truyền trong tín đồ. Nổi bật là quyển [Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung](#)⁴ (Hiền Tài Nguyễn Văn Mới, tác ký viên của Hộ Pháp chấp bút). Đây là quyển sách đề cập tịnh luyện trực tiếp, đầy đủ và dễ hiểu nhất từ trước đến nay. Quyển sách đã được giao cho Hội Thánh từ năm 1980, nhưng vẫn chưa được phát hành chính thức mà chủ yếu là chuyền tay đọc.

Qua những tài liệu kể trên, xin phát họa qui trình tịnh luyện như sau.

⁴ Xem tại đây <http://www.daotam.info/books/BiPhapLuyenDao/biphapluyendao.htm>

Trước hết, Hội Thánh sẽ chọn lựa người được vào tịnh thất dựa trên tiêu chuẩn:

1. Phải trường trai.

2. Đạt được một trong Tam Lập (Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn).

Kế đó, thực hiện 100 ngày nhập tịnh theo hướng dẫn của Tịnh Chủ. Sau 100 ngày sẽ xuất tịnh dù có đạt kết quả hay không. Tín đồ có thể nhập tịnh nhiều lần với điều kiện được Hội Thánh cho phép. Về phương pháp tịnh luyện, xin nghiên cứu [ở đây](#)⁵. Xin nói thêm, người viết chỉ giới thiệu quyển Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung bởi vì các thông tin về tịnh luyện của Cao Đài đã được trình bày đầy đủ trong sách. Đọc thêm các tài liệu truyền thống khác bổ sung càng tốt, nếu đọc giả có thì giờ nghiên cứu thêm.

Tiếp theo sẽ là một bảng đối chiếu giữa thiền và tịnh luyện để tham khảo.

SỰ KHÁC BIỆT

Qua so sánh kể trên, chúng ta thấy hai khác biệt quan trọng: một là phần khởi đầu và hai là phần kết quả.

Trong phần mở đầu, pháp môn thiền cần một thầy dạy thiền. Như đã trình bày, đây là phần khó khăn, vì chúng ta không biết ai đủ tiêu chuẩn làm thiền sư. Vậy nếu ta chọn ai đó, vì lý do nào đó, thì coi như mình tự gánh chịu hậu quả nên hư. Trái lại, tịnh chủ cần Hội Thánh quyết định. Hội Thánh gồm có nhiều chức sắc đã tu tập lâu năm có trình độ tâm linh cao, nên quyết định ít ra là sẽ tốt hơn của một người. Thí dụ như Thập Nhị Bảo Quân tức là Hàn Lâm Viện Cao Đài sẽ tham gia trong quyết định chọn vị Tịnh Chủ xứng đáng. Ngoài ra, theo Tân Luật, Hội Thánh có quyền thông công (liên lạc) với các đảng thiêng liêng, nên sẽ được chỉ dạy cách làm chi tiết hơn.

Trong phần kết quả, chúng ta dễ dàng nhận ra khác biệt cực kỳ lớn giữa việc được một Thiền Sư (người phạm) ấn chứng và được Thượng Đế ấn chứng. Dĩ nhiên phần này còn cần thời gian để có minh chứng thuyết phục hơn.

THỨC

Có lẽ đến đây, chúng ta có thể tạm kết luận được rằng không phải vì có tư thế ngồi kiết già (hoa sen) hay bán già (nửa hoa sen) và cách hít thở giống nhau mà có thể đánh đồng tịnh luyện với thiền. Thực sự ra hai cách tu tập này có khởi đầu và kết quả khác nhau xa. Riêng tịnh luyện, còn cần thời gian để định hình và phát triển. Vì thế là tín đồ Cao Đài, chúng ta cần nghiên cứu vấn đề tịnh luyện một cách thực tiễn và khoa học, không gán ghép với những quan điểm thần bí hoang đường. Chúng ta cần nghiên cứu, thực nghiệm và đưa ra kết luận khách quan giống như

⁵ Xem tại đây <http://www.daotam.info/books/BiPhapLuyenDao/biphapluyendao.htm>

cách giới học thuật phương Tây đón nhận thiền học. Điều đó sẽ giúp các bạn đạo thu ngắn được thời gian cần thiết để thành công khi tu tập. Trong khi chờ đợi Hội Thánh có quyết định cụ thể, người viết muốn làm viên gạch nhỏ đầu tiên cho tiến trình đó bằng bài viết ngắn ngủi này. Hy vọng các đồng đạo chấp nhận và chỉ giáo sửa chữa những sai sót ngoài ý muốn.

Từ Chơn

徐真

Sài gòn, Sept 2017



GIÀ TRẺ CÙNG NHAU ĐI TỚI

TINH THẦN PHỤNG SỰ CHÚNG SANH

TRONG CAO ĐÀI GIÁO

PTS PHẠM KIM TUYẾN

Lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Các con không cần tìm kiếm triết lý cao siêu hơn nữa. Các con tìm kiếm cái sống của bạn đồng sanh chúng con, rồi kính trọng phụng sự cái sống ấy. Hễ các con tận tâm phụng sự cái sống của Vạn linh thì cơ giải thoát của các con, Thầy đã để vào tay các con rồi đấy.” (TNST)

Khi bắt gặp những dòng Thánh giáo này, tâm tôi rung động, bàng hoàng. Hình như Đại Từ Phụ đang nói với tôi, nhắc nhở, dạy bảo tôi...?

Từ khi có nhu cầu học Đạo, tôi đã tìm đọc hết sách này tới sách khác. Có những quyển tôi nghiền ngẫm, có những quyển tôi ngẫu nhiên và có nhiều quyển tôi chả nuốt trôi. Theo thời gian, đầu óc tôi có bớt mụ mẫm hơn, có chút sáng sủa hơn và lòng tin vào các Đấng được củng cố mãnh liệt hơn. Thật tình, Tôn giáo là một chỗ dựa bình an nhất trong cuộc sống đầy bất trắc và xô bồ này.

Tôi không nhớ nổi mình đã đọc những gì? Ở đâu? nhưng tôi biết chắc mình đang có nhu cầu tu sửa bản thân, đang cần phải sống mở lòng và vẫn khát khao đọc sách Đạo. Thế thôi!

Bạn tôi đưa thì vào Chúc việc, đưa tu chơn, đưa ngày ngày công quả... Còn tôi cứ lúng lúng lơ lơ trong cái bề bộn của một mớ lý thuyết. Lời Đức Chí Tôn dạy như một gáo nước lạnh tạt vào tâm. Tôi là kẻ học chưa hành mà hữu dụng của giáo lý chính là ở sự thực hành như Đức Hộ Pháp đã từng giảng:

“Đạo chẳng phải lời nói mà lại là nơi kết quả của sự thực hành, chẳng phải nơi câu kệ, câu kinh mà tại hành vi của người giữ Đạo. Chẳng phải ở nơi giảng dạy mà ở sự thực hành. Cái hay của Đạo chẳng phải tại nơi yếu lý, mà ở nơi kết quả của sự giáo truyền.”

Vâng lý Đạo không phải là mục tiêu hướng tới, mà là cái bản đồ dẫn ta đến cái đích cuối cùng của đời tu, là sự giải thoát. Đức Phật cũng bảo: “Ngó tay Ngài chỉ, không phải là trăng mà ta phải theo đó để tìm thấy trăng”

Điểm nổi bật của tư tưởng Cao Đài chính là tinh thần phụng sự chúng sanh. Chính tinh thần phụng sự vô vị lợi, chính sự hy sinh, quên mình bởi chủ nghĩa thương đời

ấy, tự nó có đủ sức mạnh bẻ gãy tức khắc vòng quay sinh tử luân hồi như lời nhắc nhở của Đức Phật Mẫu trong một đàn cơ:

“Mình tu cho chúng sanh, mình lập vị cho chúng sanh tức là mình lập vị cho chính mình. Phải hiểu cho rõ: Nếu chúng sanh chưa đắc Đạo thì ta phải cầu nguyện cho người đắc Đạo trước ta. Nếu mình cứ mong cho cao phẩm giá tức là trái với Thiên ý. Mình phải hằng ngày trau dồi tánh đức, lo chung cho Thiên hạ. Ấy là phương pháp tu tắt đó” (TNST)

Như hạt lúa gieo vào lòng đất, muốn sống lại thì phải chết đi cũng như muốn cứu ai thì phải hi sinh chính bản thân mình. Vâng! Để cứu nhơn loại đang trên bờ vực thẳm của sự tương tàn, để cứu lòng người đang ly tán, để gánh vác sứ mạng khai mở đạo Trời, để giữ vững thuyền Đạo luôn phải chinh nghiêng vì ba đào song gió, Chư vị Đại Chức Sắc tiền bối, Chư vị Chức Sắc, Chức việc cùng biết bao Đồng Đạo đã phải hy sinh. Máu, mồ hôi và nước mắt của bao người đã đổ xuống cho cõi Đạo đơm hoa.

Hãy nghe lời tâm tình tha thiết của Đức Quyền Giáo Tông với người bạn Đạo: **“Tâm thân của anh chẳng quản mất còn, miễn sao cho đạo của Thầy đặng chúng sanh sùng bái là anh vui lòng lắm vậy”** hay **“Tôi cũng phát nguyện cùng Ngọc Hư Cung đưa vai gánh vác tội của chúng ta hết, dầu tôi phải chuyển kiếp đời đời làm công quả đặng chuộc tội con cái của Thầy thì tôi cũng phỉ nguyện ở chốn này độ chúng” (Trích Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông)**

Còn với Đức Hộ Pháp thì:

“Cái lẽ sống của ta không phải là sống trong hạnh phúc của ta mà sống trong hạnh phúc của con cái Ngài.

Nếu các bạn thấy mình đặng mạnh mẽ hơn người em, người bạn của mình tức nhiên Đức Chí Tôn định cho cái mạnh của ta là để gánh vác sự nặng nề cho em, cho bạn”

Nếu chúng ta thấy trong đầu óc chúng ta có khôn hơn em ta, cái khôn ấy của chúng ta Đức Chí Tôn ban cho để bình vực sự đại dột của nó.

Nếu chúng ta thấy chúng ta sống trong vinh hiển thì chúng ta nói rằng Đức Chí Tôn ban cho sự vinh hiển không phải dành riêng cho chúng ta hưởng, mà chúng ta có bổn phận đem sự sang trọng, vinh hiển ấy chia cho em, bạn ta. Và theo Ngài: Lẽ sống của chúng ta là lẽ sống của toàn thể, lẽ sống của chúng ta là để lau giọt nước mắt cho kẻ khổ não, lẽ sống của chúng ta là nắm cho chắc bình cam lồ thủy của Ngài chan rưới cho đồng đều đặng hưởng...

Đức Ngài cũng tha thiết kêu gọi: **“Toàn thể con cái của Ngài, xin mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút đều để tâm thực hiện cho được ‘thùy từ mãn khổ’ là điều mong mỗi của Ông Cha vô hình của chúng ta”** (Trích TĐ của ĐĐức Chí Tôn vì lòng từ bi vô lượng, muốn cứu vớt chúng sanh đang càng ngày càng đắm chìm trong biển dục, nên ta mở ra một thời kỳ Đại Ân Xá với: **“Một trường thi công quả, các con muốn đến đặng Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi...”**)

Vậy thì mỗi chúng ta là một thí sinh tham dự trường thi, mỗi chúng ta đều phải hoàn tất bài sát hạch của mình: Bài thi Tam Lập, bài thi phụng sự chúng sanh. Nếu như chúng ta dốc lòng kính trọng và phụng sự cái sống của Vạn linh thì đạt cơ giải thoát.

PHẠM KIM TUYẾN



GIÀ TRẺ ĐỒNG THUYỀN

Già trẻ nương nhau mỗi Đạo truyền,
Quý đời hưng Đạo, khắc ân Thiên.
Già trau hạnh đức, mầm hoằng Đạo,
Trẻ luyện thanh cao, hạt trở duyên.
Già trẻ hòa tâm nhờ tín hiệp,
Trẻ già hiệp sức giữ chơn truyền.
Nâng cờ phổ độ, vai già trẻ,
Vượt khổ phù an Bát Nhã thuyền.

Quán Nhất
(4/9/18, 25/7 Nhâm Tuất)

VÍA ĐỨC CHÍ TÔN

(Ngày mừng 9 tháng giêng Âm Lịch)

VẠN VẬT ĐỒNG THINH NIỆM CHÍ TÔN

TỪ Đâu có ngày mừng 9 tháng giêng Âm lịch là ngày Vía Đức Chí Tôn?

A/ Theo Nho Giáo:

Lễ sinh nhật Giáo Chủ của các tông giáo hay các Đấng Thiêng Liêng được gọi là ngày Vía. Thái tử Tất Đạt Ta sinh ngày 8 tháng 4, sau tu hành giác ngộ thành Phật Thích Ca nên đạo Cao Đài chọn ngày ấy thiết lễ Đại Đàn Vía Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesus Christ sanh ngày 25 tháng 12 nên cũng chọn ngày này là Vía Đức Chúa Jesus Christ...

Đạo Cao Đài chọn ngày mừng 9 tháng giêng là ngày Vía Đức Chí Tôn và chắc chắn đây không phải là ngày sinh của Đức Chí Tôn, vì chính Ngài giáng cơ minh xác nguồn gốc của Ngài như sau:

“Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khí Hư vô sinh ra chỉ có một mình Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái. Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm và gọi chung là Chúng Sanh...”

(Đàn cơ năm Mậu Thìn 1928)

Như vậy, Đức Chí Tôn sinh ra từ khí Hư Vô, lúc bấy giờ chưa có phân chia Trời Đất cũng như Càn Khôn Vũ Trụ thì làm gì có năm tháng, ngày giờ...Sau này, Nho giáo căn cứ theo dịch lý mà định ngày Vía của Ngài như sau:

Đức Chí Tôn là chủ Dương Quang, nên chọn ngày tháng Vía phải nhắm vào ý nghĩa của các con số Dương. Số Dương là số lẻ.

Khởi đầu số Dương là số 1

Số cuối cùng của số Dương là số 9

Vậy giữa số 1 và số 9 thì chọn số nào là ngày và số nào là tháng?

Theo Dịch lý, thời gian được sắp xếp theo thứ tự: Năm, Tháng, Ngày, Giờ.
Như vậy, số 1 đứng đầu là tháng và số 9 sau cùng là ngày.

Từ nguồn gốc này, đạo Cao Đài cũng như các quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng của Nho giáo đều chọn ngày mừng 9 tháng giêng Âm lịch là ngày Vía Trời hay Vía Đức Chí Tôn.

b/ Theo Thần Học Duy Lý:

Từ chỗ KHÔNG (Hư Vô), không là con số zero (0)

Bắt đầu cái CÓ là con số MỘT (1): Thái Cực

Biến hóa tăng lên hoài đến số chót là số 9 (Cửu Thiên Khai Hóa)

Số học chỉ có từ 0 đến 9, muốn thêm nữa phải ghép lại.

Theo Thần học Đông Phương từ số 1 đến số 9 được tương ứng với các ngôi thứ như sau:

Số 1 THÁI CỰC, chỉ nguyên lý tột cùng của tạo hóa.

Số 2 LƯƠNG NGHI là Âm và Dương.

Số 3 TAM TÀI, ba ngôi Trời Đất và Người.

Số 4 TỨ TƯỢNG, bốn khí tượng: Thái Dương, Thiếu Dương; Thái Âm, Thiếu Âm.

Số 5 NGŨ HÀNH, năm chất: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Số 6, sáu cái hợp thành: Trời, Đất, Đông, Tây, Nam, Bắc.

Số 7 THẤT TINH, chòm sao Bắc Đẩu (Đại Hùng Tinh)

Số 8 BÁT QUÁI, tám quẻ: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài

Số 9 CỬU THIÊN KHAI HÓA, Thượng Đế đã lập xong 9 tầng trời.

(Hán Việt Từ Điển của Nguyễn văn Khôn)

Chọn 1 là tháng khởi đầu của năm và 9 là số dương lớn nhất và cũng là kết quả sau cùng của việc hình thành Càn Khôn Vũ Trụ.

Vậy theo Thần Học Duy Lý Vía Đức Chí Tôn vẫn là ngày mừng 9 tháng giêng Âm Lịch. Thiết lễ Đại Đại Đàn để cả Bát Hồn ngưỡng mộ:

VẠN VẬT ĐỒNG THINH NIỆM CHÍ TÔN

ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC



TÂM THƯ GỎI SÁCH MIỄN PHÍ

Sau khi nhận được những lời góp ý như của Hiền Huynh Dofra Nguyễn , tôi viết vài lời tâm tình với ước muốn tìm được nhiều bạn tri giao để trao đổi các nghiên cứu về Đạo. Vì vậy, tôi rất mong muốn được trân trọng gửi bằng email các sách đang chờ đợi được in của tôi đến quý vị nào muốn đọc hoặc tham khảo Đạo Cao Đài và văn hóa Việt Nam.

1) Sách về Đạo

Triết Lý Cao Đài, 139 trang

Hệ Phái Cao Đài, 178 trang

Văn hóa Cao Đài, 102 trang

Âm Dương Âm Thực, 106 trang (đã in)

Thiên Thư Tòa Thánh chú giải, 106 trang (đã in)

2) Sách về văn hóa Việt

Du Khảo Văn Hóa, 214 trang (sách song ngữ anh việt)

Văn hóa Việt (Tập 2), 174 trang

Tất cả các cuốn sách trên sẽ được bán trên Amazon và đang được dịch ra anh ngữ nhằm phổ biến Đạo trên trường quốc tế.

Thưa quý độc giả, viết một cuốn sách dễ hơn là tìm được một người bạn tri giao để gửi sách.

Trân trọng

Lạp Chúc Nguyễn Huy

Email : nguyenhuyquebec@yahoo.ca



MÙA XUÂN LẠI TỚI, NÓI CHUYỆN THÁNG GIÊNG

Tiến sĩ Phạm Cao Dương

Cựu GS Viện Đại Học Cao Đài



Nói chuyện tháng Giêng là đề tài tôi viết để gửi đăng trên một số các báo xuân ở hải ngoại cách đây nhiều năm. Tháng Giêng ở đây không phải là *Tháng Giêng Cổ Non* của Nhà Văn Mai Thảo hay với cổ non của Thi Hào Nguyễn Du với “*Cổ non xanh dọn chân trời*” mà chỉ đơn giản là tháng Giêng như là một từ ngữ dùng trong tiếng Việt như là tháng đầu của mười hai tháng trong một năm.

Chuyện bị mất tên, hay nhẹ hơn, bị đổi tên ngay từ ngày Việt Nam Tự Do không còn nữa ngày nay đã trở thành chuyện cũ. Nhưng tất cả đã không biến mất mà đã trở thành *trong hồi tưởng* để bắt chọt từ một cõi nào đó của tiềm thức trở về và sống động hơn bao giờ hết. Có điều cần được để ý ở đây là bị đổi, bị mất hay bị bắt buộc đổi là do một thế lực từ bên ngoài tạo nên. Người trong cuộc thì không bao giờ chấp nhận hay chỉ miễn cưỡng chấp

nhận. Chuyện Tháng Giêng ở đây không nằm trong trường hợp này. Sự mất tên hay đang trên đà bị mất tên của nó không do một kẻ thù nào hết mà do chính những người coi nó là thân thương tạo ra.

Câu chuyện xoay quanh một số các từ ngữ từ sau năm 1975, vì lý do này hay lý do khác, hầu như không còn được dùng nữa. Người ta, đặc biệt là một số các xướng ngôn viên của các đài phát thanh, đã dùng những từ ngữ khác để thay thế. Trong số đó có từ ngữ Tháng Giêng, từ ngữ dùng để gọi tháng đầu tiên của một năm. Thay vì gọi hay đọc tháng này là tháng Giêng, người ta gọi hay đọc nó là Tháng Một. Lý do có lẽ vì khi viết thay vì viết chữ Giêng người ta dùng số 1 cho nhanh, gọn và tiện dụng. Từ đó, tháng Chạp trở thành tháng Mười Hai, viết bằng số 12, và tháng Một tất nhiên không còn là tháng Mười Một nữa mà không rõ là

tháng nào trong hai tháng, Giêng hay Mười Một. Nhớ lại những bài học thuộc lòng trong sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* của các tác giả Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đỗ Đình Phúc và Đỗ Thận soạn, xuất bản từ lâu dưới thời Pháp thuộc mà người thuộc thế hệ tôi hay lớn hơn tôi có dịp học hỏi còn nhỏ trong đó có các câu:

Tháng Giêng ăn tết ở nhà....

hay:

Tháng Giêng là tháng ăn chơi

để kết thúc bằng:

Tháng Một, Tháng Chạp nên công hoàn toàn.

mà thỉnh thoảng tôi vẫn thấy các thầy cô ở các trường Việt ngữ hiện tại thường nhắc tới, tôi không khỏi bùi ngùi khi thấy một chuyện bình thường người ta không nên để xảy ra, vẫn xảy ra. Đây không phải là chuyện bảo thủ hay không bảo thủ, dù là chuyện liên hệ tới ngôn ngữ, mà ngôn ngữ vốn có tính chất qui ước và luôn thay đổi. Có điều qui ước hay không qui ước, thay đổi hay không thay đổi, người nói vẫn không thể vì lý do gì đi chăng nữa làm mất đi tính cách chính xác và phong phú của ngôn ngữ mình sử dụng. Một thí dụ điển hình là người Mỹ, nói riêng, và dân của những nước nói tiếng Anh, nói chung, cũng ở vào trường hợp tương tự nhưng họ đã không làm như vậy. Khi viết để cho tiện và không chính thức họ vẫn dùng các con số 1 cho tháng Giêng, 2 cho tháng Hai ... liên tục cho đến số 12 cho tháng Chạp

trong cách ghi ngày tháng của họ. Nhưng khi phải ghi một cách đầy đủ một cách hình thức và tránh nhầm lẫn họ vẫn viết rõ là January, February ... December. Còn khi nói, khi đọc, chính thức hay không chính thức, họ luôn luôn dùng các tiếng này chứ không bao giờ dùng các con số để thay thế.

Thoáng đó, nhiều năm đã trôi qua. Vì bận rộn với cuộc sống thường ngày, tôi không có dịp theo dõi chuyện này và bây giờ, khi viết bài này, tôi và quý bạn đọc, chúng ta đang ở vào tháng Giêng của năm mới tây 2019, còn tháng Giêng của năm mới ta thì chưa tới, nên tôi chưa thể nói là bà con ta hiện tại có còn cái tật sử dụng tiếng Việt một cách bừa bãi, cầu thả, mà tôi nghĩ phần lớn là do lười biếng mà ra, như vậy nữa hay không. Nói như vậy vì nói tới tháng Giêng tây nhiều người đã dùng chữ Một, tháng Một và tôi hy vọng các vị này muốn dành hai chữ tháng Giêng cho tháng đầu năm âm lịch mang nhiều ý nghĩa liên hệ tới truyền thống Việt Nam xưa hơn. Tuy nhiên nhiều vị khác cũng cảnh cáo tôi là đừng lạc quan hảo, đồng thời thỉnh thoảng tôi cũng thấy có người đề cập đến vấn đề này như nói đến một “nỗi buồn tiếng Việt”. Sự trong sáng và phong phú của ngôn ngữ của chúng ta dường như mỗi ngày một bị lu mờ, thui chột trước cuộc sống mới nặng về thực tế và lúc nào cũng tất bật, vội vã. Người ta đã nại đủ cớ, kể cả ngang

ngược tự cho mình là đúng để muốn nói sao thì nói, muốn viết sao thì viết không theo một nguyên tắc nào cả, nhất là khi mọi người, vì lý do này hay lý do khác, kể cả lười biếng, thiếu suy nghĩ, dễ dãi chạy theo thời thượng hay để phá bỏ những gì thuộc một thời xưa cũ.

Bây giờ nói tới chuyện mới. Gọi là mới, nhưng thực sự thì chuyện này đã xảy ra từ hơn hơn hai chục năm trước. Hồi đó là năm 1995, hai mươi năm sau khi chế độ cộng hòa ở Miền Nam không còn nữa. Để tưởng nhớ tới biến cố quan trọng nhưng vô cùng phức tạp đối với dân tộc Việt Nam này, đài BBC của người Anh, một dân tộc nổi tiếng là lạnh lùng và thực tế, khác hẳn với người Pháp, đã phỏng vấn một số người Việt về sự khác biệt trong cuộc sống của người Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc sau hai chục năm thống nhất chẳng có gì đáng hãnh diện, trái lại đầy bi thương này. Một trong số những người được phỏng vấn là Giáo Sư Sử Học Trần Quốc Vượng thuộc trường Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Tôi không nhớ rõ là để trả lời câu hỏi nào Giáo Sư Vượng đã có dịp đưa ra nhận xét của mình khi đề cập tới tiếng Việt ở Miền Nam. Đại khái câu nói của ông là ông và nhà văn Nguyễn Tuân, một nhà văn rất nổi tiếng trong thời tiền chiến với lối viết tùy bút vô cùng tế nhị, vô cùng bóng bẩy, nặng tính chất hoài cổ của ông, rất lấy làm

đắc ý về một câu nói của đồng bào Miền Nam là “*vậy mà không phải vậy*”. Phát biểu thế thôi, Giáo Sư Vượng đã không giải thích thêm. Người nghe muốn hiểu sao thì hiểu và áp dụng vào khía cạnh nào của cuộc sống thì áp dụng, trong đó có cả sự kiện Miền Bắc đã dùng bạo lực xâm chiếm Miền Nam để thống nhất đất nước và tình trạng thống nhất hai chục năm sau đó. Thay vào đó, với thói quen nói lên sự thực của một người dạy và viết sử và với bản tính bộc trực, ông đã thêm một chữ khác hay được dùng ở miền Nam là chữ “*nên*” khác với chữ “*phải*” ở Miền Bắc. Với chữ “*phải*” này, ông chú thích thêm rằng đó là “*tiếng của cán bộ*”. Tôn trọng Giáo Sư Trần Quốc Vượng, giờ này đã qua đời, và để độc giả được thông thả suy luận, theo đúng với tinh thần “*ra vô thông thả*” của người Miền Nam, tôi chỉ thuật lại nội dung đại khái của cuộc phỏng vấn này và không bàn rộng hơn nữa. Nhân dịp nói tới tiếng của các cán bộ, tôi lại nhớ tới hai tiếng *đội ngũ* được dùng để gọi chung một tập thể nào đó như đội ngũ thanh niên, đội ngũ cán bộ, đội ngũ y tá, đội ngũ kỹ giả... và luôn cả đội ngũ trí thức. Điều tôi cho là bất ổn ở đây là trí thức mà được xếp thành đội ngũ thì làm sao làm trí thức được. Cũng vậy, người ta thường dùng hai tiếng “*chức năng*” cho mọi trường hợp mà không dùng hai tiếng hữu trách: cơ quan chức năng, giới chức năng, thay vì cơ quan hữu trách, giới hữu trách..., từ đó các

cán bộ của chế độ khi được trao nhiệm vụ chỉ lo cho chức năng, quyền hạn và nhất là quyền lợi của cá nhân và gia đình mình... mà không còn trách nhiệm nữa nên tha hồ lạm dụng địa vị, quyền thế của mình, vì có làm lỗi thì chỉ bị “điều” sang chỗ khác, có khi còn tốt hơn chỗ cũ nữa. Còn biết bao nhiêu những từ ngữ khác như thành viên, tham quan, đăng ký, sâu sắc, tuyến đường, thập kỷ...Cái gì cũng thành viên dù còn có bao nhiêu từ ngữ khác như hội viên, đoàn viên, ủy viên, nhân viên..., rồi lúc nào cũng đăng ký thay vì nôm na ghi tên, ghi danh, để dành đăng ký cho những gì liên quan tới các sổ sách, sổ bộ của cơ quan công quyền nhằm lưu trữ lâu dài như đăng bộ...; đã đường lại còn tuyến, đường bộ, đường sắt, đường thủy là đủ rồi cần gì phải tuyến với tuyến đường bộ, tuyến đường sắt, chưa kể tuyến và đường hoàn toàn khác nghĩa nhau. Chưa hết, đã tuyến, đã đường lại còn trục: tuyến đường trục bắc nam, chưa kể tới sâu xa và sâu sắc, chất lượng và phẩm chất...

Trở lại chuyện mùa xuân và tháng giêng. Cũng trong bài học thuộc lòng kể trên, câu thứ hai của bài này là:

Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè...

Hội hè trong sinh hoạt cổ truyền ở Miền Bắc Việt Nam tượng trưng cho tinh thần và cuộc sống hồn nhiên, vui tươi, thoải mái, hoàn toàn tự do không bị ràng buộc của người Việt truyền thống sau những ngày lao động vất vả

với đầy đầy những lo âu mà trên từ vua chúa, quan lại, dưới đến các nhà đạo đức tôn sùng Khổng giáo hay các bô lão ở các xã thôn đều phải tôn trọng. Người ta đã mở hội để không chỉ riêng dân trong làng vui chơi mà luôn cả dân từ các làng khác hay từ các thành phố về tham dự.

*Mùa xuân ấy ông tôi lên tận tỉnh
Đón tôi về xem hội ở làng bên...
Đoàn Văn Cừ (Đám Hội)*

Những hội hè này trong suốt thời Pháp thuộc vẫn đều đặn được mở ra với tất cả những tiết mục mà một số vượt ra ngoài trí tưởng tượng của người trẻ của thế hệ hiện tại. Trừ một số hội chùa hay một số hội đền, đa số các hội được người ta “trẩy” để vui chơi, để gặp gỡ và nếu có phải lễ thì lễ ít hơn là hội. Chữ “lễ” do đó hầu như không được dùng mà chỉ có chữ hội hay hội hè hay hội hè đình đám cho cả trăm hội ở khắp trong nước ở miền núi cũng như khắp miền xuôi, từ hội đền như Hội Đền Hùng, Hội Đền Kiếp Bạc, ... hội chùa như Hội Chùa Hương, Hội Chùa Keo, ... hội phủ như Hội Phủ Giày... đến các hội làng. Tất cả đều là “hội”. Không hề có hội lễ hay “lễ hội”. Lý do rất đơn giản. Đó là vì hội là mục đích chính và lễ là phụ. Người ta “trẩy hội” là để vui chơi, để xem hội. Còn lễ chỉ là cái có. Có thì càng tốt mà không lễ thì cũng chẳng sao, không bắt buộc. Người Việt bản chất rất bao dung về tôn giáo, tín ngưỡng. Không phải chỉ qua ngôn ngữ bình thường mà qua cả

thi ca, sau này là tiểu thuyết ...người ta cũng thấy phản ảnh rõ rệt điều này. Nhưng đó là chuyện của quá khứ. Sau một thời gian bị lãng quên vì chiến tranh và vì cách mạng, các hội hè cổ truyền của người Việt, do nhu cầu bảo tồn truyền thống của dân tộc, nhu cầu phát triển du lịch hay nhu cầu thuần túy chính trị..., đã được mở lại. Đây là một cố gắng đáng khích lệ. Nhưng từ hội hè theo đúng tinh thần truyền thống Việt Nam của những biến cố đặc trưng cho một nếp sống đã tồn tại từ nhiều ngàn năm, đổi sang lễ hội, người ta đã vô tình làm mất đi ý nghĩa hồn nhiên, căn bản ban đầu của một hình thức biểu hiện cuộc sống tập thể ở nông thôn thời xưa của người Việt.

Ngôn ngữ là phương tiện để truyền đạt nhưng không phải chỉ là thuần túy truyền đạt mà còn là một biểu hiện của tinh thần, của nếp sống và rộng ra là của văn hóa của người sử dụng và của dân tộc sử dụng ngôn ngữ ấy. Coi là phương tiện, người ta có thể sử dụng nó một cách tùy hỷ nhưng điều này chỉ nên áp dụng cho những gì liên hệ tới cuộc sống tạm bợ hàng ngày. Đối với những phạm vi khác liên hệ tới quá khứ và tương lai lâu dài hơn và ở một trình độ cao hơn, trong sinh hoạt trí thức, tâm linh..., người sử dụng phải vô cùng thận trọng hầu tránh làm mất đi những tính cách chính xác, trong sáng, êm tai và phong phú, của ngôn ngữ mà mình yêu mến và có may mắn

được dùng vậy. Việc làm nói ra thì dễ nhưng thực hiện và thường xuyên thực hiện, bắt đầu tự nhắc nhở là nhắc nhở người khác không dễ chút nào trong khi chờ đợi một cơ quan có thẩm quyền vừa về chuyên môn, vừa có tính cách đại diện cho toàn thể dân tộc, một Hàn Lâm Viện Quốc Gia chẳng hạn. Điều này ở Miền Nam thời trước năm 1975 người ta đã từng bắt đầu thực hiện với sự tồn tại của một ủy ban soạn thảo quy chế cho viện này trong Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa do Linh Mục Cao Văn Luận, nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Huế làm chủ tịch. **Buổi họp đầu tiên của ủy ban này rơi đúng vào một ngày sau khi Ban Mê Thuột thất thủ** và Linh Mục Luận, thay vì tuyên bố khai mạc buổi họp, đã buồn rầu thông báo tin không vui này cho mọi người hiện diện, trong đó có người viết bài này. Tưởng cũng nên viết thêm là ngoài dự án thành lập Hàn Lâm Viện, ở Miền Nam còn có Ủy Ban Điền Chế Văn Tự thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục mà người viết cũng có chân trong ủy ban này. Cách làm việc của ủy ban này gồm có hai phần. Một phần do các nhà chuyên môn của các ngành học đảm trách, phần kia thuộc các vị túc nho lão thành tinh thông chữ Hán, chữ Việt và ngôn ngữ học như các Giáo Sư Nghiêm Toàn, Lê Ngọc Trụ... Hai bên hợp tác với nhau. Một bên vì hiểu rõ về chuyên môn của mình nên có trách nhiệm tìm kiếm những chữ thích hợp trong tiếng Việt. Bên kia có

nhiệm vụ duyệt lại chữ Hán, chữ Việt và trên bình diện ngôn ngữ học có chính xác và hợp lý hay không. Cũng vậy với các tiếng mượn từ tiếng Tàu hay tiếng Nhật, không phải tiếng nào cũng mượn đại cho nhanh việc, cho đỡ tốn tâm sức, thì giờ. Bên cạnh Ủy Ban Điển Chế Văn Tự còn có các đại học lo phần riêng của mình nhằm đáp ứng nhu cầu Việt hóa và hiện đại hóa chuyển ngữ ở bậc đại học thay thế cho tiếng Pháp. Nên biết thêm là do thận trọng, ngay từ đầu qua tập *Danh Từ Khoa Học* của Học Giả Hoàng Xuân Hãn, người ta đã không dùng danh từ thuật ngữ để gọi các từ ngữ chuyên môn vì qua chữ thuật người ta nghĩ ngay đến xảo thuật, ma thuật, quỷ thuật, đến sự khéo léo để nhất thời đánh lừa tai, mắt mọi người, những gì thuộc phạm vi hữu hình bên ngoài mà người ta có thể thấy qua giác quan thay vì trí tuệ, tư duy, trừu tượng nằm sâu trong đầu óc, trong nội tâm con người; nói cách khác liên quan tới tôn giáo, triết học, khoa học... Một thí dụ là chữ “cảng” trong các danh từ nhập cảng và xuất cảng. Chữ cảng không chỉ có nghĩa là cửa sông, cửa biển hay vũng biển nơi tàu bè có thể ra vào ầm náu được mà còn có nghĩa là nơi đó phải được trang bị cho tàu bè có thể cập bến, có thể dỡ hàng, có kho chứa hàng, có cầu lên xuống cho hành khách, có cơ quan kiểm soát hàng hóa, hành khách và thu thuế... mà chữ khẩu không bao hàm những ý nghĩa cần phải có nếu ta

muốn đối chiếu chữ này với chữ “port” trong tiếng Anh hay tiếng Pháp mà chữ “khẩu” không có. Chính vì vậy mà chữ “cảng” còn được dùng để gọi những phi trường quốc tế như Phi Trường Tân Sơn Nhứt. Tôi viết “Nhứt” với chữ “u” chứ không với chữ “â” như ở thời Việt Nam Cộng Hòa và trước đó, mà ngay sau Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa, do sự cao ngạo của những kẻ chiến thắng từ Miền Bắc vô. Điều này người ta có thể phối kiểm được bằng cách so sánh tên chính của phi trường này trên các hình ảnh còn giữ được với tên hiện tại. Nên nhớ tiếng “Nhứt” này có một thời được dùng để nhận diện người Bắc khi có phong trào phân biệt Nam, Bắc hồi giữa thập niên 1940, từ đó đã gây khó khăn cho những “người Bắc cũ”, những người đã vô Nam từ lâu, từ trước năm 1954. Phi Cảng Tân Sơn Nhứt vì vậy đã được dùng thêm thay vì chỉ dùng Phi Trường Tân Sơn Nhứt. Những người đã làm công việc đổi tên này vì phải chặng vì quá say mê chiến thắng đã không quan tâm đến hậu quả tâm lý của người Miền Nam, đã quên lời người xưa dạy là “Chửi cha không bằng pha tiếng”. Vấn đề tuy nhiên còn cần phải được bàn thảo nhiều hơn nữa. Chính vì vậy, như đã nói ở trên, trong những năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam, người ta không chỉ mới nghĩ tới mà đã bắt đầu thực hiện việc thành lập Hàn Lâm Viện qua một ủy ban thuộc Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục với Linh

Mục Cao Văn Luận làm chủ tịch mà người viết có dịp tham gia. Cái dễ thương của Miền Nam nằm ở đó. Người ta vẫn chiến đấu và người ta vẫn xây dựng; người nào việc đó nghiêm chỉnh làm việc trong phạm vi riêng của mình. Người lính làm việc của người lính, thầy cô giáo làm việc của thầy cô giáo; nhà văn, nhà thơ, người làm nhạc vẫn tha hồ sáng tạo. Miền Nam nhờ đó vẫn đứng vững và vẫn phát triển về mọi phương diện, dù chỉ có hai mươi năm với những thành tích hiện tại ít ai có thể phủ nhận được. Giáo dục và âm nhạc là hai thí dụ. Điển hình là cho đến nay nói tới nhạc xuân, người ta vẫn không thấy một bài nào có thể sánh được chứ chưa nói thay thế cho bài *Ly Rượu Mừng* của Phạm Đình Chương và biết bao nhiêu ca khúc khác mà người ta gọi chung là Nhạc Vàng của một thời không còn nữa. Cuộc sống vừa tôn trọng vai trò và những nguyên tắc cơ bản của lý trí vừa phong phú về tình cảm của Miền Nam, được thể hiện

trong mọi phạm vi sinh hoạt của con người, khiến cho vùng đất của tự do sau này, dù không còn nữa nhưng vẫn luôn luôn giữ được những giá trị riêng của nó, giống như những giá trị của văn minh Hy Lạp, La Mã của thế giới Tây Phương trước sự xâm nhập của các Rợ Phương Bắc. Làn Gió Nam hiền hòa, mát mẻ vẫn phần nào đem lại những giờ phút thoải mái cho mọi người, thay thế cho những đợt gió bắc với những ngày mưa dầm ẩm ướt và lạnh lẽo, buốt tận xương mà cổ nhân ta, nếu người viết không nhớ lầm, Vua Lê Thánh Tông, đã một thời diễn tả:

*May được nồm nam con gió thổi,
Đàn ta, ta gảy khúc nam nghe.*

hay sau này, dưới thời Trịnh Nguyễn, Tây Sơn:

*Lập trời cho cả gió nồm,
Cho thuyền Chúa Nguyễn căng buồm thẳng ra.*

PHẠM CAO DƯƠNG

(Quận Cam, những ngày gió lạnh cuối năm 2018)



Cơm vua

Lạp Chúc Nguyễn Huy

Xưa kia trẻ con trong làng chơi trò kéo cưa mà hát cơm vua, cơm làng: *Kéo cưa lừa xẻ, Thọ khỏe cơm vua, Thọ thua cơm làng, Thọ nào dở dang, Về bú tí mẹ*. Vậy cơm vua có gì đặc biệt mà ao ước?

Điểm đặc biệt thứ nhất: cơm vua được tổ chức qui mô biểu tượng văn hóa ẩm thực của thể khí quan hệ với vô hình là khí âm dương, khí hương vị;

Điểm đặc biệt thứ hai : cơm vua tượng trưng cho văn hóa ẩm thực của người Việt còn cơm làng là khung cảnh ứng dụng văn hóa ẩm thực tổ chức theo tục lệ, thứ bậc xã hội và làm mẫu mực cho dân làng.

Tổ chức cơm vua

Nấu cơm cho vua được đảm trách bởi Nội Trù thuyền (năm 1802), đổi là Tư Thiện đội (1808) rồi sau cùng là Thượng Thiện đội dưới thời Minh Mạng⁶. Năm 1886, bác sĩ Hocquard (Une campagne au Tonkin, Arlea tr. 605-607) được phép thăm viếng hoàng cung có kể qua nhà bếp của vua gồm 100 người. « Mỗi ngày mỗi người được phát 30 quan tiền kèm để đi chợ để mua đồ nấu một món ăn... Ngoài đội nấu ăn có 500 người săn thú vật, 50 người bắn chim, 50 người đánh cá, 50 người bắt tổ yến, 50 người chuyên pha chế nước trà...»

Dưới triều nhà Nguyễn, vua ăn cơm gọi là Ngại ngự thiện, bữa ăn của vua gọi là « Ngự Thiện » (御 ngự : thuộc về vua,膳 thiện : bữa ăn) gồm 35 món gọi là « Phẩm Vị » (品 Phẩm, 味 vị : nếm mùi vị) được nấu nướng bởi một đội « Thượng Thiện » (上 thượng : ở trên;膳 thiện : bữa ăn) gồm 50 người, mỗi người phụ trách một món tùy theo sở trường của mình. Nấu nướng xong, nghe chuông rung thì sắp xếp thức ăn vào quả sơn son thiếp vàng, giao lại cho thị vệ. Thị vệ chuyển cho thái giám đệ trình lên các bà nội cung tiến dâng ngự thiện.

Trừ vua Duy Tân và vua Bảo Đại, vua ngự thiện một mình, nếu có quan ngồi hầu chuyên thì gọi « châu thiện », nếu có quan ngồi ăn một mâm riêng do vua ban thì gọi là vua « ban thiện »

Nguyên liệu

Nguyên liệu dùng để biến chế các món ăn cung đình từ sơn hào hải vị, đặc sản của khắp nơi trong nước cống nạp như yến sào, vây cá, gân nai, bào ngư... bánh uyển cao, mứt bát cừ, mứt tứ linh.

⁶ Bên cạnh đội Thượng Thiện có :

- viện Thượng Trà chuyên trách việc cung cấp đồ uống cho vua .

- Đội Phụng Thiện lo ẩm thực của Hoàng Thái Hậu, mẹ vua tại cung Từ Thọ (Diên Thọ),

- Ty Lý thiện chuyên lo việc yến tiệc, kỵ giỗ của hoàng gia.

Cơm nấu bằng gạo ngự túc (Ngự 御 : của vua; Túc 粟 gạo) do bộ Công cung tiến thường là gạo « de » trồng tại đồng An Cựu⁷ thuộc kinh thành Huế nấu trong nồi đất do làng Phước Tích đặc chế.

Nước dùng cho ẩm thực cung đình lấy từ giếng Hàm Long chùa Báo Quốc, giếng Cam Lộ dưới núi Thúy Vân hoặc từ thượng nguồn sông Hương.

Các đồ cung tiến có xoài Phú yên, chanh Bình Định, dứa Vĩnh Long, Định Tường, dưa hấu Quảng Bình, cam đường Thanh Hóa, Hải Dương, vải Hà Nội, tuyết lê Tuyên Quang, bánh Khoai mật Hà Nội, bánh nếp nướng Hà Nội ...

Đồ ngự dụng

Đồ trà, bình chén rượu và bát đĩa vua dùng... gọi chung là đồ “*Ngự Dụng*” thường có hình rồng 5 móng, dưới tròn ghi nội phủ. Các đồ ngự dụng đều được đặt làm hoặc mua từ Trung Quốc. Đến thời vua Khải Định thì cho mua sắm thêm nhiều đồ men và thủy tinh của Pháp và một số nước phương Tây khác để dùng.

Đũa làm bằng tre già khảm lá vót xong thì dùng dăm tre chuốt cho bóng láng, bỏ vào nồi hấp rồi phơi khô trước khi nhập kho. Đũa vua dùng phải thay đổi hằng ngày, loại đũa ngà không tiện dụng vì hơi nặng đối với tay nhà vua. Vua thường dùng đũa gỗ “*Kim giao*” (Podocarpus macrophyllus) để phát hiện các độc tố⁸.

Tăm vua dùng gọi là tăm bông dài khoảng 15cm, một đầu nhỏ giống tăm thường, đầu lớn được người vót dùng sòng rựa đập nhẹ chi tươ ra giống như bông hoa vạn thọ dùng để chà răng (vì kiêng chữ hoa nên gọi tăm bông).

Khía cạnh văn hóa ẩm thực : Điều hòa khí âm dương

Trong cung đình, ẩm thực không chỉ đơn thuần là việc chuẩn bị bữa ăn một cách cầu kỳ từ những nguyên liệu ngon, quý hiếm mà điều quan trọng trong bữa ăn là mỗi món được xem như một vị thuốc nhằm điều hòa khí âm dương. Vì vậy bữa ăn phải được tổ chức thành phương thức để vừa bổ dưỡng về khí huyết, vừa giúp loại trừ bệnh tật và tăng cường sức khỏe cho nhà vua. Nếu đức vua không ăn như ngày thường, nếu ngài thấy không ngon miệng thì gọi các viên “ngự y” (御醫 thầy thuốc riêng của vua) đến xem mạch và bốc thuốc.

Cách điều trị của thái y.

Đội Thượng Thiện phải chịu nhiều “điều cấm” để bảo đảm an toàn trong việc ăn uống và đặt dưới sự giám sát của viện Thái Y. Việc tổ chức các món ăn trong mỗi bữa thành một “*phương thang*” để vừa bổ dưỡng, vừa trị bệnh là trách nhiệm của viện Thái Y. Tổ chức phương thang dựa trên lý thuyết âm dương bằng chọn vật liệu theo tính âm dương của mỗi vật liệu để quyết định giữ quân bình âm dương, hoặc nhiều vật liệu âm hay dương tùy theo món ăn và tạng khí của Đức vua.

⁷ Tôm càng bóc vỏ bỏ đuôi,

Gạo de An Cựu em nuôi mẹ già.

Kim Luông tươi tốt vườn chè,

Gạo de An Cựu, đĩa muối mè cũng theo nhau

⁸ Cây kim giao mọc ở vùng núi Lạng Sơn, Cao Bằng. Đũa gỗ kim giao nhúng vào nước thì đổi màu và nếu gặp chất độc thì trở thành xám đậm

Chọn vật liệu âm dương

Từ quan sát tạng khí của vua (hàn hay nhiệt), tạng phủ nào suy nhược, Thái y chọn trước các vật liệu thuộc âm hay dương cấu tạo món ăn (phẩm vị) thành một « *Phương thang* » hợp với tạng khí của vua, thuận với khí hậu hàn nhiệt...Thí dụ :

- Nếu vua có tạng khí nhiệt với triệu chứng môi, lưỡi đỏ và sưng, râu lưỡi vàng, táo bón, trĩ, khó ngủ, chảy máu cam, mụn đỏ, nốt chứa mũ v.v. quan ngự y chọn lựa vật liệu âm tính như rau xanh và ngừng hay giảm thiểu vật liệu dương tính như gia vị tiêu ớt, rượu...

- Nhận thấy thận khí của vua suy nhược vì tuổi tác hay vì tửu sắc quá độ, quan ngự y sẽ bổ khí thận (rượu thuốc, sâm...) đồng thời khuyến cáo tránh các khí âm thực hại đến thận như uống nước nhiều, uống lạnh mà phải uống nước nóng, uống vừa đủ cần (trái với lời khuyên bây giờ).

Ngộ độc

Vua thường dùng dưa gỗ “*Kim giao*”⁹ để phát hiện các độc tố. Gỗ màu trắng ngà, nhẹ và dai có đặc tính ngả sang màu đen nếu gặp chất độc. Mỗi lần dùng thuốc, ngài bắt ngự y uống thuốc thử trước mặt ngài. Lúc xảy ra dịch bệnh hay thiên tai, bệnh dịch thì các ngự y tâu xin giám bót món ăn và ngưng tấu nhạc.

Trong một « *phương thang* » tức phẩm vị phải tránh các vật liệu kỵ nhau. Xin đơn cử vài hình thức kỵ nhau dưới đây :

- Kỵ nhau theo mùa. Mùa hè nóng như thiêu như đốt mà dâng lên phẩm vị đầy khí dương nóng như ớt, tiêu, gừng, thịt dê, rượu... thì sẽ làm cho vua phát nhiệt, nhiệt có thể biến thành hỏa làm vua khó ngủ, bứt rứt. Có nghĩa phải dâng vua phẩm vị mát như rau trái, chè sen...

- Kỵ nhau theo tạng khí. Tùy theo tạng khí hàn hay nhiệt của vua mà chọn vật liệu làm cho âm dương quân bình.

- Kỵ nhau theo ngũ vị. Dựa trên lý thuyết ngũ hành mà quan ngự y quyết định về cách xử dụng ngũ vị. Nếu cơ thể có bệnh về khí, kinh thánh của đông y là Hoàng Đế Nội Kinh (Linh Khu, chương 78 và Tố Vấn, Ch. 23) khuyến cáo ngừng ăn vị nào liên hệ đến tạng bị bệnh như sau: Vị mặn nếu có bệnh về xương (thận chủ về xương);

Vị ngọt nếu có bệnh về thịt như mập phì, đau cơ bắp (tì chủ về bắp thịt)

Bài học văn hóa của cơm vua

Nếu hiểu được văn hóa ẩm thực cung đình dựa trên lý thuyết âm dương thì sẽ hiểu khía cạnh văn hóa ẩm thực của người Việt. Mỗi bữa ngự thiện là một « *phương thang* » duy trì sức khỏe, tránh hoặc chữa bệnh cho vua bằng dựa trên lý thuyết khí âm dương. Tây y là khoa học thực nghiệm (science empirique) còn đông y là khoa học quan sát (science d'observation) và cảm nhận. Khí âm dương và khí ngũ vị thì vô hình chỉ cảm nhận được bằng quan sát và cảm nhận¹⁰.

Lạp Chúc Nguyễn Huy

⁹ Kim giao (Podocarpus macrophyllus) còn gọi là thông tre, tùng la hán và dưa vót bằng tre vừa mới trở đủ lá kèm với cái tấm bông và thay đổi hằng ngày. Cây kim giao có thân cây cỡ nhỏ mọc nhiều trên núi vùng Lạng Sơn, Cao bằng. Gỗ màu trắng ngà, nhẹ và dai có đặc tính ngả sang màu đen nếu gặp chất độc vì vậy mà gọi là « *dưa đổi màu* hay *dưa tiến vua* »

¹⁰ Phương pháp quan sát và cảm nhận khí âm dương đã được trình bày trong cuốn « *Âm Dương Ẩm Thực* », TT Seattle xuất bản, Hoa Kỳ 2016 của tác giả

TỜ LỊCH CUỐI NĂM

Tờ lịch cuối năm lẳng lẳng rơi!
Mang theo dĩ vãng của dòng đời,
Gởi vào tài khoản kho công quả,
Chờ hội Long Hoa rõ vốn lời.

BÁCH THANH



Hệ phái Cao Đài

1927-1975

Lập Chúc Nguyễn Huy

LTG. Khi đọc các dòng chữ ghi trên hai công chính của thánh thất Bàu Sen tại số 59/9 Trần Phú, Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh :

*Gặp gỡ nhau trên dòng giáo lý,
Nhìn với nhau tôn chỉ Cao Đài.
Không còn phân biệt Đông Tây,
Không còn phái nọ, chi này Phật Tiên.*

Mà tôi viết cuốn « **Hệ Phái Cao Đài** » để khai triển thêm cái ý THƯƠNG YÊU như GS Từ Chơn diễn tả trong số 2, báo Đạo và Đời : « *Còn ở trần thế tức là còn phân biệt ĐÚNG SAI, khi bỏ xác phàm rồi chỉ còn THƯƠNG YÊU. Vậy nếu chúng ta biết THƯƠNG YÊU khi còn sống là chúng ta đã nhập được vào Bạch Ngọc Kinh tại thế* ». Bài này là chương 1 của cuốn sách. Nếu vị nào muốn đọc cả cuốn sách (178 trang) thì email cho tôi : nguyenhuyquebec@yahoo.ca

Trong giai đoạn phân chia 1927-1975, chúng ta nhận thấy có hai thời kỳ rõ rệt.

- Thời kỳ 1927-1934 : một số đại chức sắc tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh để lập hệ phái không tùng phục Tòa Thánh;

- Thời kỳ 1934-1975 : các hệ phái phân chia thành quá nhiều phái nhỏ và các tổ chức độc lập.

Trước hiện tượng hỗn độn và phức tạp đã gây ra làm lẫn cho người viết về hệ phái và cả cho những người ngoại quốc nghiên cứu làm luận án tiến sĩ về Đạo Cao Đài. Để phân biệt hệ phái với một tổ chức nhỏ, chương này tôi phân tích các hệ phái qua 4 tiết mục sau :

- Định nghĩa các danh từ cần thiết cho chuyên khảo,
- Hệ phái theo các soạn giả đầu tiên,
- Hệ phái nhìn dưới góc cạnh soạn giả ngoại quốc,
- Những sai lầm cần được điều chỉnh.

1. Định nghĩa danh từ

Theo như đòi hỏi của phương pháp khảo cứu, công việc đầu tiên của chuyên khảo về hệ phái cần phải định nghĩa rõ ràng các danh từ tôn giáo, môn phái, hệ phái,

chi phái nhằm hướng dẫn phân tích khoa học các hệ phái. Sau đó, từ những định nghĩa này mà chúng tôi có thể trình bày và phê phán các sai lầm của những soạn giả trước đây.

Tôn giáo Cao Đài

Tôn giáo Cao Đài¹¹ là một tổ chức lo việc tu hành dẫn dắt con người tiến hóa về phương diện tâm linh để tiến đến nấc thang cuối cùng là hiệp với Thượng Đế, tức Chơn lý tối thượng hằng hữu tuyệt đối. Tôn giáo Cao Đài là cái cửa mở của Đại Đạo, dẫn con người tiến đến chơn lý, chớ tôn giáo không phải là chơn lý.

Mặc dù các mưu đồ đánh phá Đạo¹², Đạo Cao Đài vẫn tồn tại như một tôn giáo vì hội đủ các tiêu chuẩn sau đây của một tôn giáo :

- Sáng lập bởi một vị Giáo chủ siêu nhiên linh thiêng làm gốc cho đức tin.
- Một hệ thống giáo lý bao gồm tín ngưỡng và tín điều.
- Một tổ chức giáo hội đầy đủ chức sắc để truyền bá giáo lý.
- Một khuôn mẫu lễ nghi thờ phượng và tế tự.

Môn phái Cao Đài (the school of Caodaism)

Môn 門: Cửa, cái nhà, tông phái. Phái 派: ngành, nhóm người. Môn phái là một học phái do một thầy truyền xuống, nên có cùng chung một tư tưởng hay một đường lối triết học.

Phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi là một môn phái là vì:

- Thành lập bởi Ngài Ngô Văn Chiêu được chính Đức Chí Tôn tâm truyền nội pháp vô vi,
- Tổ chức thánh sở đơn giản dùng để tiếp tục truyền dạy tu đơn theo tâm truyền,
- Không theo tổ chức của tôn giáo Cao Đài (giáo hội, lương đài, giáo phẩm...).

Chi phái Cao Đài (the sects of Caodaism)

Chi 支: nhánh; Phái 派: nhóm gồm nhiều người. Chi phái Cao Đài thường dùng để chỉ các nhóm Chức sắc tách riêng tự lập không còn tùng phục Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh nữa.

¹¹ Tôn 宗: Tôn là tôn giáo, lý thuyết về tư tưởng. Giáo 教: dạy.

¹² Thí dụ như trước 1975 gọi tôn giáo Cao Đài là giáo phái và hiện nay, nhà Nước cộng sản chính thức coi tôn giáo Cao Đài gốc Tây Ninh như một hệ phái Cao Đài

Trong cuốn sách này, chúng tôi dùng danh từ hệ phái Cao Đài (The fractions of Caodaism) thay thế cho danh từ chi phái để tránh các tác giả ngoại quốc phiên dịch ra sects¹³. Lý do là vì hiện nay trên thế giới sects mang ý xấu hội kín của một nhóm người có những cung cách đen tối ác ý khai thác tín đồ nhẹ dạ, tâm thần suy yếu, xúi dục tín đồ tách khỏi xã hội¹⁴ và bị chống đối tại nhiều quốc gia¹⁵.

Hệ phái Cao Đài (The fractions of Caodaism)

Hệ 系: ràng buộc. Phái 派: một nhánh tượng trưng bởi một nhóm người. Hệ phái Cao Đài là một nhánh của tôn giáo gốc Cao Đài Tây Ninh vẫn còn ràng buộc với tôn giáo gốc bởi đức tin Thượng Đế, giáo lý, tổ chức giáo quyền mặc dầu đã tách riêng ra tự lập, không còn chịu lệ thuộc hệ thống của Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh nữa.

Dựa trên tiêu chuẩn nào để định nghĩa một hệ phái? Được coi là một hệ phái khi một tổ chức Cao Đài phát xuất từ tôn giáo gốc Cao Đài Tây Ninh và hội đủ các tiêu chuẩn sau : Thờ Thiên Nhân, tuân theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, có hệ thống giáo lý, luật lệ, lễ nghi, phương thức hành Đạo, lực lượng chức sắc, tổ chức lưỡng đài và giáo hội, Tòa Thánh tổ đình trung ương, số thánh sở địa phương (họ đạo, tín đồ) đáng kể và truyền Đạo trên một địa bàn lớn (nhiều tỉnh, thành phố...) ¹⁶.

Dựa vào định nghĩa và các tiêu chuẩn nêu trên, hiện nay Đạo Cao Đài gồm có :

¹³ Tiếng la tinh secta nghĩa là con đường người ta theo một triết thuyết tôn giáo

¹⁴ Vào những năm 1980, nhiều sects khuyến dụ tự tử tập thể, quyền hành độc đoán của gourou điều khiển hệ phái, bê bối tiền bạc, đa thê, từ chối chữa trị của y khoa, tà mị...

Ngày 18-11-1978, 914 tín đồ hệ phái sect People's Temple (có 260 trẻ em) tình nguyện tự tử uống cyanure, gourou Jim Jones tự sát bằng súng tại Guyana;

Ngày 19-9-1985, 60 tín đồ hệ phái Datu Mangayanon tự tử tập thể tại Mindanao, Phi Luật Tân

Ngày 18-8-1987, 32 tín đồ của sect Park Soon Ja tự tử, Seoul, Nam Hàn

Từ 1994 đến 1997, nhiều đợt tự tử hay bị ám sát trong sect Ordre du Temple solaire

Ngày 18-3-2000, 500 tín đồ của sect tận thế của Joseph Kibwetere tự thiêu sống tại Kanungu, Ouganda

Năm 2014, secte Lev Tahor do thái cưỡng bức hôn nhân, trẻ em phải theo giáo dục của secte, trốn ra nhờ can thiệp của chính quyền, lạm dụng tiền bạc đang bị tòa án điều tra.

¹⁵ Năm 1971 Hoa Kỳ có nhóm FREECOG (Free the children of God) ; Năm 1980, tại Montréal Canada thiết lập Info-secte-cult, SOS-sectes tại Bỉ để giúp người dân coi chừng những sects mới và những lạm dụng tiền bạc thể xác ...

¹⁶ Olivier Victor L. Caodai spiritism, Caodai Overseas Missionary, USA, 2004, tr.83 có đưa ra một định nghĩa nhưng quá sơ sài (In this study those Caodai groups which are primarily oriented towards religious concerns and maintain a full-scale program of ritual activity are considered sects.)

- Tôn giáo gốc là Tòa Thánh Tây Ninh,
- 01 môn phái là Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi thành lập bởi Ngài Ngô Minh Chiếu năm 1927,
- 09 hệ phái là:
 - Cầu Kho do Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (Vương Quan Kỳ) lập năm 1930¹⁷,
 - Minh Chơn Lý do Phối Sư Thái Ca Thanh (Nguyễn Văn Ca) lập năm 1931 ở Mỹ Tho,
 - Tiên Thiên do Giáo Hữu Ngọc Chính Thanh (Nguyễn Văn Chính) lập năm 1932 tại Cai Lậy,
 - Ban Chính Đạo ở Bến Tre do hai vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh lập vào đầu năm 1934,
 - Minh Chơn Đạo (1934) của Ngài Chưởng Pháp Trần Đạo Quang, Cao Triều Phát,
 - Bạch Y (1955) liên hệ với Minh Chơn lý,
 - Chiếu Minh Long Châu (1956) tách ra từ môn phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi,
 - Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt (1956) liên quan với phái Tiên Thiên,
 - Cầu Kho Tam Quan (1960) xuất phát từ phái Cầu Kho.

2. Soạn giả đầu tiên viết về hệ phái

Các soạn giả đầu tiên nói về hệ phái như Gabriel Gobron, Trần Văn Quế, Hoài Nhân chỉ chú trọng đến danh xưng và người lãnh đạo nên có những điều bất nhất như sau về:

- Số lượng hệ phái, thí dụ người thì kể 11 hệ phái, người kể 12, 15, 35...
- Bị ám ảnh bởi con số 12, nên cố gắng kể ra cho đủ 12 hệ phái, dầu không đúng thực tế,
- Phân biệt phái lớn với phái nhỏ tùy thuộc phán xét chủ quan của các tác giả chứ không dựa trên một tiêu chuẩn nào cả;
- Danh xưng của một số hệ phái được kể khác nhau, thí dụ Minh Chơn Đạo hay Cộng Đồng Hội Giáo, Chiếu Minh Tam Thanh, còn gọi là Chiếu Minh, Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Chiếu Minh Cần Thơ v.v. gây lẫm lẫm cho người đọc

¹⁷ Hiện nay phái Cầu Kho thu nhỏ tại Nam Thành Thánh thất và được cộng sản coi như một tổ chức nhỏ

Sự khác biệt giữa các tác giả là vì các lý do sau :

- Thiếu một định nghĩa và tiêu chuẩn đúng đắn để một tổ chức được coi là hệ phái,
- Không tìm hiểu quan điểm và sinh hoạt tôn giáo của mỗi tổ chức Cao Đài,
- Không có thống kê về thánh sở, số tín đồ.

Vì thiếu các tiêu chuẩn hướng dẫn trên mà nhóm tà đạo Tịch Cốc (khoảng 10 người) đến phá phách Tòa Thánh, nhóm Trung Hòa Học Phái là một tổ chức thanh niên hành đạo còn được nhiều soạn giả vẫn nhắc tới như là một hệ phái. Hậu quả của những điều bất nhất trên rất tai hại là những soạn giả sau này và nhất là người ngoại quốc nghiên cứu Đạo tiếp tục mắc phải.

Sau đây, tôi điếm qua sách, báo của một số tác giả viết về hệ phái . Các tổ chức không được coi là hệ phái thì viết bằng chữ nhỏ và nghiêng thí dụ như *Thông Thiên Đài*¹⁸.

Gabriel Gobron

Năm 1940, Ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron¹⁹ theo danh sách của Tòa Thánh công bố kê ra 11 hệ phái và 5 chi Phật Giáo.

11 hệ phái là : Chiếu Minh Đàn, Minh Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo hay Cộng Đồng Hội Giáo, *Thông Thiên Đài*, *Liên Hòa Tông Phái*, *Trung Hòa Học Phái*, *Tây Tông (Vô Cực)*, *Tuyệt Cốc*, *Nữ Trung Hòa Phái*

5 chi Phật Giáo (năm 1948) có liên hệ với Cao Đài²⁰ *Minh Lý (Sài Gòn)*, *Minh Sư (An Nhơn, Gia Định)*, *Minh Tân (Vĩnh Hội, Sài Gòn)*, *Minh Thiên (Thủ Dầu Một)*, *Minh Đường (Cần Giuộc, Chợ lớn)*

Huệ Lương Trần Văn Quế

Năm 1940, Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế viết bài: "*Để tìm hiểu các hệ phái trong ĐĐTKPĐ*" đã kê ra 12 Hệ phái chánh²¹ :1. Tòa Thánh Tây Ninh , 2. Chiếu Minh, với quý Ngài: Thiên, Quý, 3. Cầu Kho, với quý Ngài: Bản, Tường, 4. Tiên

¹⁸ Đánh giá một tổ chức không phải là hệ phái bằng cách dựa vào :

- tài liệu thống kê cơ sở, tín đồ không đủ tiêu chuẩn để xin Nhà Nước công sản cho tư cách pháp nhân,
- tài liệu mô tả tổ chức hành Đạo,
- tài liệu về hoạt động hiện tại thí dụ như đã biến mất, thu hẹp vào một hai thánh sở...

¹⁹ Gabriel Gobron, Histoire et Philosophie du Caodaïsme, Dervy, Paris, 1949, tr. 173-175

²⁰ NT, tr. 174- 175

²¹ Theo Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng trong Cao Đài Từ Điển

Thiên, với quí Ngài: Tồng, Ty, 5. Minh Chơn Lý, với quí Ngài: Ca, Phùng, 6. Bến Tre (Ban Chính Đạo), quí Ngài: Tương, Trang, 7. Minh Chơn Đạo, với quí Ngài: Quang, Thiệu, 8. Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, quí Ngài: Tồng, Tái. (9- Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản, quí Ngài: Kiên, Phân .10- Tây Tông Vô Cực Cung, quí Ngài: Đãi, Tài. 11- Cơ quan Truyền Giáo Trung Việt, quí Ngài: Hiến, Châu. 12- Liên Hòa Tổng Hội, với quí Ngài: Long, Quế.) và 03 nhóm nhỏ không kể là hệ phái (Tịch Cốc, Trung Hòa Học Phái, Thông Thiên Đài).

Ghi chú : Chánh Phối Sư Ngọc Quế Thanh (Trần Văn Quế) coi Tòa Thánh Tây Ninh như là một hệ phái !

Hoài Nhân

Năm 1966, Ông Hoài Nhân đã kể ra được 35 Hệ phái²² gồm có :

- Hệ phái đã được kể ra bởi các tác giả trước ông,
- Các hệ phái mà ông chỉ nghe tên nên đặt dấu hỏi bên cạnh,
- Các hệ phái đã biến dạng hoặc biến mất thí dụ Cơ Quan Hiệp Nhứt (1950-1953),

Đông Tân²³

Năm 1967, Trần Thái Chân Đông Tân thuộc phái đạo Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng) lập Hội Văn Hóa Cao Đài (1968) nhằm mục đích nghiên cứu và phổ biến trên thế giới các hình thái văn hóa Cao Đài. Nhóm này tin rằng sự phân chia đã được tiên tri và nhằm tự bảo vệ chống lại cường quyền Pháp và cộng sản²⁴.

Đông Tân kể 12 hệ phái phân ra như sau:

6 phái lớn : Cầu Kho, Minh Chơn Lý, Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên, Bến Tre, Tây Ninh);

6 nhóm nhỏ : Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, Trung Hòa Học Phái, Thông Thiên Đài, Nữ Trung Hòa, nhóm Tịch Cốc, Tam Kỳ Nguyên Bản Bản.

Ghi chú : Soạn giả Đông Tân coi Tòa Thánh Tây Ninh là hệ phái !

Trần Văn Rạng²⁵

Năm 2007, tác giả coi Tòa Thánh Tây Ninh là nguồn cội và tổ đình của nền Đại Đạo và từ gốc này sanh ra đủ 12 hệ phái lớn vào năm 1940: Minh Chơn Lý, Ban

²² Hoài Nhân, Bốn mươi năm lược sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Đạo Cao Đài), tác giả xb, 1966, tr. 109, Ban Thế Đạo Hải Ngoại, tái bản năm 2014 tại Hoa Kỳ, tr. 112-115

²³ Đông Tân, Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Q2, Cao Hiền xb, Sài Gòn, 1967, tr. 388-389

²⁴ Olivier, Victor L. sđd, tr.112. Tác giả đề cập nhiều đến Ban Phổ Thông Giáo Lý và Hội Văn Hóa Cao Đài từ tr.107 đến tr. 114

²⁵ Hiền Tài Trần Văn Rạng, Đại Đạo sử cương, Q.2, Chương 2, ebook, Sydney Centre for Studies in caodaism, 2007

Chinh Đạo, Tiên Thiên, Chiếu Minh, Cầu Kho, Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt, Minh Chơn Đạo hay Cộng Đồng Hội Giáo, *Thông Thiên Đài*, *Liên Hòa Tông Phái hay Liên Hòa Tông Hội*, *Trung Hòa Học Phái hay Nữ Trung Hòa*, *Tây Tông Vô Cực*, *Tuyệt Cốc*.

Sau đó tác giả kể thêm một số phái đáng kể là Bạch Y Chơn Lý, *Tam Kỳ Nguyên Bản Bản*, *Tòa Thánh Nhị Giang*, *Tòa Thánh Tiền Giang*, *Cao Đài Hiệp Nhất*, *Cao Đài Thống nhất*.

Soạn giả Nguyên Thủy và Nguyễn Văn Hồng

Hai soạn giả am tường lịch sử Đạo là nữ soạn giả Nguyên Thủy²⁶ và Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng²⁷ viết như sau :

- 06 phái ban đầu (1927-1934) : Chiếu Minh, Cầu Kho, Minh Chơn Lý, Tiên Thiên, Ban Chinh Đạo Bến Tre, Minh Chơn Đạo,

- 06 hệ phái sau này : Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt, Hội Thánh Tam Quan Cầu Kho, *Thiên Khai Huỳnh Đạo*, *Cao Thượng Bửu Tòa*, *Nữ Trung Hòa*, *Trung Hòa Học Phái*.

Các nhóm nhỏ không kể là hệ phái : *Tuyệt Cốc*, *Thông Thiên Đài*, *Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản*, *Tây Tông Vô Cực*, *Tòa Thánh Nhị Giang*, *Tòa Thánh Tiền Giang*.

3. Tác giả ngoại quốc

Smith R.B²⁸

Năm 1970, theo ông Smith R.B, trong thời gian 1926-1936, Đạo Cao Đài có các hệ phái sau²⁹: Chiếu Minh Cần Thơ, Cầu Kho, Minh Chơn Lý, Minh Chơn Đạo, Ban Chinh Đạo, Tiên Thiên, Liên Hòa Tông Hội Cầu Kho, Phạm Môn³⁰.

Oliver, Victor L.³¹

²⁶ Nguyên Thủy, Hệ phái Cao Đài, ấn bản 2009, e.book

²⁷ Nguyễn Văn Hồng, Tự điển Cao Đài, e.book

²⁸ Smith R.B. An introduction to caodaism, Caodai overseas missionary, Washington D.C, 2004

²⁹ Ngài Hồ Bảo Đạo cho là nhận định không chính xác

³⁰ Smith R.B, NT, tr.344 : Năm 1932, Ngài Phạm Công Tắc thành lập một hệ phái riêng lấy họ Phạm của mình mà đặt tên Phạm Môn

³¹ Oliver, Victor L. Caodai spiritism, – a study of religion in Vietnamese society do E. J. Brill xuất bản tại Leiden, Hòa Lan, năm 1976 và ấn bản năm 2004 của Caodai overseas missionary, Washington D.C được viết lại từ luận án tiến sĩ của Victor L. Oliver bảo vệ tại Viện đại học Syracuse năm 1972, nhan đề *Caodaiism: Vietnamese example of sectarian development*

Năm 1976, tác giả kể ra các hệ phái sau³²: Chiêu Minh Tam Thanh, Minh Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Bạch Y liên Đoàn Chơn Lý (1930), Minh Chơn Đạo, *Phạm Môn*, *Trung Hòa Học Phái*, *Tịch Cốc*, *Nữ Trung Hòa Phái* và các tổ chức Cao Đài có tính cách quân sự và chính trị:

Lực lượng võ trang cao đài, (1941-1956) được thành lập bảo vệ Tòa Thánh, dưới sự lãnh đạo của trung tướng Trần Quang Vinh, giải tán năm 1956

Lực lượng Trịnh Minh Thế (1951-1955), tập hợp khoảng mấy ngàn người võ trang, đóng quân tại núi Bà Đen, mục đích chống Pháp và Việt Minh và công kích đường lối chính trị của Tòa Thánh. Tướng Thế bị tử trận năm 1955.

Đảng Cộng Hòa Xã Hội (1969- 1971) thành lập bởi một số cựu sĩ quan quân đội cao đài do tướng Văn Thành Cao lãnh đạo với mục đích tìm hậu thuẫn của Tòa Thánh nhất là trong việc bầu cử vào quốc hội.

Blagov, Sergei

Năm 2002, Blagov, Sergei³³ dành 22 trang (tr. 123 đến 145) cho các hệ phái, chịu ảnh hưởng rất nhiều ý kiến của tác giả Đồng Tân³⁴ về liệt kê các hệ phái:

- 06 hệ phái lớn: Chiêu Minh, Minh Chơn Lý, Minh Chơn Đạo, Tiên Thiên, Ban Chính Đạo, Hội Thánh Truyền Giáo,

- 06 phái nhỏ : Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, *Trung Hòa Học Phái*, *Thông Thiên Đài*, *Tam Kỳ Nguyên Bản Bản*, *Nữ Trung Hòa*, *Tuyệt Cốc*.

Ban Tôn Giáo Chính Phủ (cộng sản)

Nhằm để đối chiếu với các soạn giả trên, chúng tôi trình bày số lượng hệ phái dưới góc nhìn cộng sản. Sau năm 1975, Ban Tôn Giáo Chính Phủ chỉ mới chính thức công nhận 09 hệ phái có hiến chương và tư cách pháp nhân: Minh Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, *TT Tây Ninh*, Bạch Y Liên Đoàn, CQ Truyền Giáo Trung Việt, Cầu Kho Tam Quan, Chiêu Minh Long Châu.

Ghi chú: *Nhà Nước cộng sản coi Tòa Thánh Tây Ninh là hệ phái!*

Danh sách các hệ phái hay tổ chức (đánh dấu X) được các tác giả đề cập đến

³² NT, tr. 1928-1937

³³ Blagov, Sergei, *Caodaism, Vietnamese traditionalism and its leap into modernity*, Nova, New York, 2001

³⁴ Đồng Tân, *Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Q2, *Phần Phổ Độ 1925-1937*, Cao Hiên, 1972

	1948 (1) G.G	1965 (2) H.L	1967 (3) Đ.T	1976 (4) V.O	2002 (5)S,P	2009 (6) N.T	2014 (7) B.T.G
Minh Chơn Lý	X	X	X	X	X	X	X
Ban Chính Đạo	X	X	X	X	X	X	X
Tiên Thiên	X	X	X	X	X	X	X
Thông Thiên Đài	X	..	X	..	X	X	..
Liên Hòa Tông Phái	X	X	X	..
Minh Chơn Đạo	X	X	X	X	X	X	X
Trung Hòa Học Phái	X	..	X	..	X	X	..
Tây Tông Vô Cực	X	X	X	..
Tuyệt Cốc	X	..	X	X	X	X	..
Chiếu Minh Đàn	X	X	X	..
Nữ Trung Hòa	X
5 chi Phật Giáo	..	X	X	X
TT Tây Ninh	..	X	X	X	..	X	..
Cầu Kho	..	X	X	..	X	X	..
Tam Kỳ Nguyên	..	X	X	X	X	..	X
Bản Bản	..	X	X	X
Bạch Y Liên Đoàn	X	X
CQ Truyền Giáo	X
Trung Việt	X
Cầu Kho Tam Quan	X	..
Chiếu Minh Long	X	..
Châu	X	..
Hội Thánh Truyền	X	..
Giáo	X
Thiên Khai Huỳnh	X
Đạo	X
Cao Thượng Bửu	X
Tòa							

Tòa Thánh Nhi Giang							
Tòa Thánh Tiên Giang							
Phạm Môn							
Quân đội Cao Đài							
Lực lượng Trịnh Minh Thế							
Đảng Cộng Hòa Xã Hội							

Chú thích. (X) là hệ phái được kể đến, (1) Gabriel Gobron, (2) Huệ Lương Trần Văn Quế (3) Đồng Tân (4) Victoy L. Oliver (5) Sergei Blagov, (6) Nữ soạn giả Nguyễn Thủy, (7) Ban Tôn Giáo Chính Phủ

4. Các soạn giả trên đã sai lầm như thế nào?

Trong vấn đề liệt kê hệ phái, các soạn giả đã phạm hai loại sai lầm : sai lầm cố ý và sai lầm vì thiếu phân tích khoa học.

Sai lầm cố ý

Có 3 trường hợp (Trần Văn Quế, Đồng Tân, cộng sản) cố ý coi tôn giáo gốc Tây Ninh là một hệ phái để đáp ứng hai nhu cầu :

- Nhu cầu biện minh cho sự phân chia hệ phái, đó là trường hợp quý ông Trần Văn Quế, Đồng Tân thuộc hệ phái Cầu Kho Tam Quan và Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng);

- Nhu cầu chính trị của cộng sản do Ban Tôn Giáo Chính Phủ chủ trương.

Nếu coi Tòa Thánh gốc Tây Ninh là cành như các hệ phái thì hỏi gốc của các cành hệ phái là ở đâu? Hậu quả của điều phi lý này đã gây ra những sai lầm về nghiên cứu phân chia hệ phái. Thí dụ, năm 1971, Olivier Victor L. soạn luận án tiến sĩ đã được ông Đồng Tân (người hệ phái) giúp đỡ tích cực và đã tiếp tục phạm sai lầm của ông Đồng Tân về hệ phái như đã trình bày ở trên. Khi coi tôn giáo gốc Tây Ninh là hệ phái thì nhầm lẫn về Đạo có thể sẽ xảy ra trong năm sắp tới với hai nghiên

cứu sinh ngoại quốc Jahangir Mohammed Alam³⁵ và Gregory Fraszczak³⁶ làm luận án tiến sĩ được Nhà Nước cộng sản giúp đỡ vật chất, học tiếng Việt nhưng với điều kiện « phải do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh hướng dẫn»!

Sai lầm vì thiếu phân tích khoa học

Vì thiếu công trình nghiên cứu hoa học về hệ phái Cao Đài làm điếm mốc lại thiếu một định nghĩa hệ phái để hướng dẫn ngòi bút, các tác giả nêu trên đã phạm những sai lầm sau :

- Cứ nghe danh xưng một tổ chức có liên hệ với Đạo Cao Đài là coi như một hệ phái dù là một nhóm nhỏ khoảng chục người, dù là tà quái như nhóm Tịch Cốc, dù không mang tính chất tôn giáo như Trung Hòa Học Phái (qui tụ thanh niên để rèn luyện đạo đức và hành Đạo), dù không liên quan đến tôn giáo Cao Đài như nhóm tu đơn Tây Tông Vô Cực Cung (một nhóm tu đơn), dù là một tổ chức quân đội Cao Đài (Victory L. Oliver) v.v.

- Người viết sau cứ tiếp tục viết lại những sai lầm của người viết trước. Tai hại hơn nữa là những người ngoại quốc viết luận án tiến sĩ³⁷ hoặc cao học³⁸ cũng đã phạm những sai lầm đó chỉ vì tin tưởng vào soạn giả đi trước. Thí dụ như năm 1970 , khi viết cuốn Caodai spiritism và được Đồng Tân Trần Thái Chân giúp đỡ rất tích cực nên Victor L. Oliver đã phạm lại những sai lầm của Đồng Tân về hệ phái.

Hiện nay, vấn đề tôn giáo gốc và hệ phái không còn đặt ra như trước nữa là vì chế độ quản lý của nhà Nước cộng sản cố tình tạo hình ảnh Đại Đạo Cao Đài là một tổng hợp 09 hệ phái (độc lập với nhau, có qui chế giáo hội, hiến chương, pháp nhân, không có tôn giáo gốc như xưa nữa) và 19 cơ sở độc lập có tư cách pháp nhân với một số cơ sở nhỏ không đáng kể.

Tất cả các hệ phái đều phải hoạt động theo 3 đường hướng chính yếu sau.

- Hướng hoạt động trong tinh thần « yêu Nước » qua định nghĩa « yêu Nước là yêu xã hội chủ nghĩa »,

- Hoạt động phải tuân thủ qui định pháp luật và chính sách của Ban Tôn Giáo,

- Hoạt động thuần túy tôn giáo theo đúng giáo lý, luật lệ, lễ nghi qui định trong Hiến Chương do chính phủ hướng dẫn.

³⁵ Jahangir Mohammed Alam viết luận án Tiến Sĩ “Cuộc đời và Sự Nghiệp của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc”.

³⁶ Gregory Fraszczak là người Ba Lan, chọn đề tài luận án Tiến Sĩ “Lịch sử và giáo lý Đạo Cao Đài”.

³⁷ Smith R.B. An introduction to caodaism, Caodai overseas missionary, Washington D.C, 2004

Oliver, Victor L. Caodai spiritism, – a study of religion in Vietnamese society do E. J. Brill xuất bản tại Leiden, Hòa Lan, năm 1976

³⁸ Đinh Văn Khá, Đại lễ vía Đức Chí Tôn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tiểu luận Cao Học nhân văn, trình năm 1975 tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, tr. 29 đến 32 (ghi lại sự phân chia hệ phái theo các soạn giả trên)

Trước cảnh Đạo loạn đó, Đạo dưới quyền đòi thử hỏi các hệ phái nghĩ gì về lời dạy của Đức Hộ Pháp :

*Đạo một gốc phát sanh nhiều chỗ,
Cốt là đem phổ độ nhơn sanh.
Càng nhiều kẻ dữ về lành,
Chung qui làm sáng cái danh Cao Đài.*

*Lạ Chúc Nguyễn Huy
Cựu Giáo Sư Viện Đại Học Cao Đài*



PETRUS TRƯƠNG VĨNH KÝ

Bài thuyết trình ngày 8 tháng 12 năm 2018
Tại “Triển lãm và hội thảo về Petrus Trương Vĩnh Ký”

Gia Định Báo

Trần Văn Chi (*)

1. Mở

Từ khi Ngô Quyền giành độc lập (939), người Việt mượn chữ Hán (chữ Nho) dùng trong hành chánh, học thuật, nhưng vẫn nói tiếng Việt.

Chữ Nôm được ghi nhận chính thức xuất hiện vào thế kỷ 13 dưới triều Trần Nhân Tông (1278-1293). Đến thế kỷ 17 trở đi, một thứ chữ mới xuất hiện trở nên phổ thông và ngày đó người Việt gọi là chữ Quốc ngữ.

Do hoàn cảnh lịch sử đưa chữ Quốc ngữ vốn là một phương tiện để học tiếng Việt cho người nước ngoài, trở thành phương tiện giao tiếp của các linh mục người Việt và người nước ngoài. (Chữ quốc ngữ thời Hội thừa sai Phạm Thị Kiều Ly, Nghiên cứu sinh Tiến sĩ - Đại học Sorbonne)

Việc các nhà truyền giáo Âu châu đến Việt Nam đã tạo ra bộ mẫu tự La tinh cho tiếng Việt không có gì quá độc đáo, vì đã xảy ra sau Nhật và Trung Hoa khá lâu.

Bây giờ:

Đại Nam ký Hòa ước Nhâm Tuất ngày 5 tháng 6 năm 1862 tại Sài Gòn giữa đại diện triều Nguyễn là chính sứ Phan Thanh Giản với đại diện của Pháp là thiếu tướng Bonard và đại diện của Tây Ban Nha là đại tá Don Carlos Palanca Guttiere.

Người dân sống trên dải đất Nam Kỳ tuy mới thành lập, nhưng họ cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng của đạo Phật, Khổng, Lão, lại có cá tánh hào hùng, nghĩa khí, có tinh thần yêu nước, kể cả người bình dân ...họ chống lại việc học chữ Quốc ngữ, được ghi lại trong Ca dao:

*Anh về học lấy chữ Nhu [Nho],
Chín trăng em đợi, mười thu em chờ.'*

Phải chăng sự hình thành chữ Quốc ngữ ban đầu không hề có sự tự nguyện nào, mà phần lớn là sự cưỡng bức (?) .

2. Gia Định Báo với Ernest Potteaux (1865 - 1869)

2.1. Ý tưởng ban đầu Pháp muốn xóa tiếng Việt

Trước khi Gia Định Báo (GĐB) ra đời, Pháp đã cho ra ba tờ báo bằng tiếng Pháp là Le Bulletin Officiel de l'Expedition de la Cochinchine (Nam Kỳ viễn chinh công báo), Le Bulletin des Communes (Xã thôn công báo) và Le Courrier de Saigon (Sài Gòn thư tín).

Nhưng tiếng Pháp vẫn còn là một cách biệt lớn giữa chính quyền thực dân và dân chúng, vì vậy mà tờ báo tiếng Việt ra đời. Nó vừa là công cụ để chính quyền phổ biến thông tin, vừa là tài liệu để các viên thông ngôn, học trò trong các trường dùng để thực tập chữ Quốc ngữ.

(Tuổi Trẻ Online, “Bếp núc” tờ Gia Định báo TRẦN NHẬT VY)

Vậy ý tưởng ban đầu Pháp muốn xóa toàn bộ tiếng Việt và áp dụng tiếng Pháp cho toàn Đông Dương như Paris đã làm ở châu Phi, nhưng họ đã thất bại sau khi ra báo tiếng Pháp.

2.2. Báo tiếng Pháp, tiếng Hoa thất bại

Trong thời kỳ đầu tiên của chế độ thuộc địa Pháp tại Nam kỳ, một trong những công cụ được sử dụng sớm nhất là báo chí. Đầu năm 1862, khi hòa ước Nhâm Tuất (5.6.1862) công nhận quyền thống trị của Pháp tại Sài Gòn và ba tỉnh miền Đông Nam kỳ chưa ra đời, họ đã phát hành tờ công báo bằng tiếng Pháp đầu tiên có tên Bulletin officiel de l'expédition de Cochinchine (Nam kỳ viễn chinh công báo: BOEC). Trang đầu của tờ báo nêu rõ: “Tờ Nam kỳ viễn chinh công báo đăng những văn kiện chính của ông Tổng tư lệnh sẽ phát hành mỗi tuần một lần; nó bao gồm các nghị định, quyết định và thông cáo có liên quan đến các giới chức dân sự và quân sự và cư dân nước ngoài thuộc lục địa châu Á sống tại Nam kỳ, trong những tỉnh đặt dưới thẩm quyền của nước Pháp. Các quảng cáo và lời rao thương mại được đăng ở một trang riêng kèm theo tờ công báo....”

Cuối trang, chính quyền thực dân cũng thông báo cả việc phát hành song hành một tờ Bulletin des Communes (Tập san hàng xã) in bằng chữ Hoa, cũng với những mục đích tương tự.

_Tờ báo tồn tại một năm rưỡi. Đầu tháng 7.1863, nó được thay thế bằng tờ Bulletin officiel de la Cochinchine française (Công báo Nam Pháp: BOCF), với nội dung và hình thức hầu như không có gì thay đổi.

Ngày 1.1.1864, Pháp lại cho ra đời tờ Courier de Saigon (Tây Cống Nhật Báo). Báo ra nửa tháng một kỳ, nội dung gần gũi với báo chí đời thường hơn, vì ngoài phần công vụ, còn có các mục nghị luận, khảo cứu, quảng cáo...

Cũng trong năm 1864, một cơ quan quan trọng được thành lập có tên là Direction de l'Intérieur (Nha Nội vụ), ngôn ngữ thời đó gọi là Dinh Thượng Thơ hay Dinh Hiệp lý. Viên chức đứng đầu cơ quan này (Directeur de l'intérieur: Giám đốc Nội vụ) thường được người dân thời đó gọi là quan Lại Bộ thượng thơ, có quyền hạn bao trùm bộ máy cai trị đương thời. Ngày 7.12.1865, Thống đốc De La Grandière ký nghị định cho ra đời tờ Bulletin de la Direction de l'Intérieur (Tập san Nha Nội vụ - BDI), cũng có chức năng như tờ BOCF, nhưng trong một tầm mức hạn hẹp hơn, chủ yếu đăng những quyết định, thông báo của Giám Đốc Nha Nội vụ nhằm phổ biến cho bộ máy hành chính trong phạm vi thẩm quyền để thi hành.

Như trên để thấy rằng chỉ trong chưa đầy 5 năm nắm quyền thống trị phân nửa lãnh thổ Nam kỳ, sau khi cho ra đời đủ loại báo bằng cả tiếng Pháp lẫn tiếng Hoa, việc Pháp phát hành một tờ báo bằng chữ quốc ngữ là một biện pháp tất yếu nhằm kiện toàn bộ máy cai trị của họ.

Và Gia Định Báo đã góp mặt vào sinh hoạt báo chí những năm đầu Pháp thuộc trong bối cảnh như thế. (Tập chí Văn hóa Nghệ An , Gia Định Báo - Tờ báo Việt ngữ đầu tiên LÊ NGUYỄN)



[trích từ Kỷ Yếu trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký, niên khóa 1972-1973]

Năm 1865, Trương Vĩnh Ký xin lập một tờ báo quốc ngữ mang tên là Gia Định Báo. Lờn yêu cầu của ông được chấp thuận và Nghị định cho phép xuất bản được ký ngày 1 tháng 4 năm 1865, nhưng không phải ký cho ông mà lại ký cho một người Pháp tên là Ernest Potteaux, một viên thông ngôn làm việc tại Soái phủ Nam Kỳ.

*Tên gọi chữ quốc ngữ lần đầu tiên vào năm 1867 trên Gia Định Báo. Tiền thân của tên gọi này là **chữ Tây quốc ngữ**. Về sau từ Tây bị lược bỏ khỏi tên gọi để chỉ còn là chữ quốc ngữ, có nghĩa là văn tự tiếng Việt.*

3. Gia Định Báo với Trương Vĩnh Ký

(1869-1872 hay 1873)

Năm 21 tuổi ([1858](#)), Trương Vĩnh Ký học xong và về nước đúng vào lúc mẹ ông qua đời. Lúc Pétrus Ký trở về quê hương Cái Mơn, cũng là lúc [thực dân Pháp](#) đem quân sang xâm chiếm Việt Nam (Đà Nẵng bị tấn công ngày [1 tháng 9](#) năm [1858](#)). Vì thế, việc cấm đạo Công giáo cũng diễn ra gay gắt hơn. (Văn khố Hải quân Pháp, Paris: SUM Vincennes, Vũ Ngự Chiêu sưu tập)

3.1.« Chữ quốc ngữ phải trở thành chữ viết của nước nhà »



Trương Vĩnh Ký

“Trương Vĩnh Ký luôn chủ trương người Việt phải dùng chữ Việt. Người

Việt Nam phải dùng tiếng Việt để nói tiếng Việt; và muốn được sâu sát nữa về phương diện triết học, sử học và di sản văn hoá dân tộc thì phải biết chữ Hán nữa.” (Nguyễn Đình Đầu (2017), Petrus Ký, Nỗi oan thế kỷ, bị thu hồi).

Sau khi Trương Vĩnh Ký (TVK) trở về nước vào năm 1865, Chuẩn đô đốc Roze, khi ấy đang tạm quyền Thống đốc Nam Kỳ, đã mời ông ra làm quan. Petrus Ký từ chối và xin lập một tờ báo quốc ngữ mang tên là Gia Định Báo. Lời yêu cầu của ông được chấp thuận và Nghị định cho phép xuất bản được ký ngày 1 tháng 4 năm 1865, nhưng không phải ký cho ông mà lại ký cho một người Pháp tên là Ernest Potteaux, một viên thông ngôn làm việc tại Soái phủ Nam Kỳ. Và phải đến ngày 16 tháng 9 năm 1869 mới có Nghị định của Chuẩn Đô đốc Ohier ký giao Gia Định Báo cho Trương Vĩnh Ký làm "chánh tổng tài" (tiếng Pháp: rédacteur en chef), nay gọi là giám đốc; Huỳnh Tịnh Của làm chủ bút.

Từ khi được bổ nhiệm làm Chánh Tổng Tài tờ Gia Định Báo (16/09/1869), Trương Vĩnh Ký có cơ hội để phát triển dịch thuật và viết văn bằng chữ quốc ngữ. Đây cũng là vị trí và phương tiện giúp ông phổ biến rộng rãi hơn chữ quốc ngữ. Thái độ ủng hộ việc truyền bá học thuật bằng ký tự La tinh này đã được ông thể hiện với Richard Cortembert ngay từ chuyến công du sang Pháp.

Sau này, lợi ích và vai trò của quốc ngữ còn được ông nhấn mạnh trong cuốn Manuel des écoles primaires (Giáo trình cho các trường tiểu học, 1876) như sau :
« *Chữ quốc ngữ phải trở thành chữ viết của nước nhà. Cần phải nắm vững nó cho điều tốt đẹp và cho sự tiến bộ. Vì thế, chúng ta phải tìm mọi cách để phổ biến chữ viết này* ».

Vì theo Ông loại chữ viết đơn giản, dễ học này sẽ là phương tiện hiệu quả để tiếp thu những kiến thức mới vì ba lý do :

Thứ nhất, do nạn mù chữ trong dân, hai là chữ Hán sẽ không còn có ích một khi người Pháp cai trị Nam Kỳ và cuối cùng, chỉ cần ba tháng là có thể biết đọc và viết chữ quốc ngữ. Và, theo ông, công cụ duy nhất để có thể đạt tới trình độ « Học thuật Châu Âu »

3.2. Pháp dùng quốc ngữ loại bỏ văn hóa Trung Hoa

Về phần chính phủ Pháp, họ tận dụng thời cơ phổ biến chữ quốc ngữ để tách rời dân Nam Kỳ khỏi ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.

Đến khi chữ quốc ngữ trở thành văn tự chính thức tại Nam Kỳ vào năm 1882, ông Trương Vĩnh Ký chuyển ngữ ngay nền văn chương truyền khẩu bình dân, gồm những áng văn vần và chuyện dân gian rất được ưa chuộng, như : Phép lịch sự Annam (1881), Thơ dạy làm dâu (1882), Thơ mẹ dạy con (1882), Nữ tặc (1882), Thanh suy bi thối phú (1883), Cờ bạc nha phiến (1884), Ngự tiêu trường điệu (1884)...

Trong cuốn Nhà văn hiện đại, Vũ Ngọc Phan đã nhận định : « Hồi đó, ông (Trương Vĩnh Ký) cần phải xuất bản như thế, cốt dùng những chuyện phổ thông làm cái lợi khí cho chữ quốc ngữ được lan rộng trong nhân gian... »

3.3. Gia Định Báo dạy viết nhật trình

Ngày 16.9.1869, Thống Đốc Nam Kỳ G. Ohier đã ký quyết định số 189 bổ nhiệm Trương Vĩnh Ký phụ trách biên tập tờ Gia Định Báo.

Toàn văn văn kiện này được tạm dịch như sau:

Quyết định:

Kể từ hôm nay, việc biên tập tờ Gia Định Báo được giao phó cho ông Pétrus Trương Vĩnh Ký, người với tư cách là chánh tổng tài của tờ này, sẽ được lãnh một khoản lương hàng năm là 3000 đồng quan Pháp.

Tờ báo tiếp tục ra mỗi tuần.

Nó sẽ được chia ra làm hai phần: một phần chính thức gồm các văn kiện, quyết định của ông Thống Đốc và nhà cầm quyền với tài liệu bằng tiếng Pháp do Nha Nội vụ cung cấp và được ông Trương Vĩnh Ký dịch ra chữ quốc ngữ; phần khác, không chính thức, sẽ gồm có những bài viết bổ ích và vui về những đề tài lịch sử, những sự kiện về luân lý, thời sựv.v...để có thể đọc được trong các trường học bản xứ và khiến cho công chúng Việt Nam quan tâm đến. Gia Định Báo số 11 phát hành ngày 8.4.1870

có đăng lời kêu gọi của Chánh tổng tài Trương Vĩnh Ký như sau:

Lời cùng các thầy thông ngôn, ký lục, giáo tập vân vân đăng hay:

Nay việc làm Gia Định Báo tại Sài Gòn, ở một chỗ, nên không có lẽ mà biết các việc mới lạ các nơi trong 6 tỉnh mà làm cho thiên hạ coi; nên xin các thầy cứ mỗi tuần hay nửa tháng phải viết những chuyện mình biết tại chỗ, tại xứ mình ở, như:

An cướp, ăn trộm,

Bệnh hoạn, tai nạn.

Sự rủi ro, hùm tha, sáu bắt.

Cháy chợ, cháy nhà; mùa màng thế nào.

Tại sở nghề nào thành hơn vân vân

Nói tắt một lời là những chuyện mới lạ, đem vô nhật trình cho người ta biết, viết rồi thì phải đề mà gửi về cho Gia Định Báo Chánh tổng tài ở Chợ quán...”

Và Trương Vĩnh Ký với sự cộng tác của Tôn Thọ Tường, Paulus Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, nội dung tờ báo thêm phần phong phú: có bài khảo cứu, nghị luận, có mục sưu tầm tục ngữ ca dao, thi ca và cổ tích.

Đây là một tờ tuần báo, nhưng ngày ra không nhất định - khi thì thứ Ba, khi thì thứ Tư hoặc thứ Bảy. Số trang cũng không ổn định - từ 4 đến 12 trang. Báo có khuôn khổ 32 x 25 (cm), giá bán mỗi số là 0,17 đồng (nếu đặt mua cả năm 6,67 đồng).

Ban đầu nội dung bao gồm 2 phần: công vụ và tạp vụ, về sau có thêm phần mở rộng (phần khảo cứu, nghị luận).

Phần mở rộng có giá trị và sức lôi cuốn nhất. Đây là phần khảo cứu, nghị luận về văn hóa, đạo đức, phong tục, lễ nghi, tư tưởng, lịch sử, thơ văn .v.v...

Ngoài những phần trên, Gia Định Báo còn có mục quảng cáo gồm những lời cáo dưới dạng thông báo, nhắn tin, bố cáo, cáo phó .v.v... và những lời rao vặt như trên các báo Pháp thời đó.

3.4. Gia Định báo dùng làm sách giáo khoa

Từ khi mới tổ chức nền giáo dục ở Nam kỳ (1861) lúc đó chưa có sách giáo khoa nên đã phải cho học sinh dùng tờ Gia Định báo làm sách tập đọc.

Một thời gian sau Pháp lại mang sách từ Pháp sang nhưng vì không hợp với năng lực của giáo viên và trình độ của học sinh nên kết quả rất hạn chế. Cho đến những năm 80 của thế kỷ XIX, Trương Vĩnh Ký và một số giáo viên người Việt và người Pháp ở cơ quan học chính Nam Kỳ đã biên soạn hoặc dịch một số sách giáo khoa tiếng Pháp để dạy trong các trường tiểu học. Những sách này dần dần được bổ sung thêm một số quyển khác và đã thành những sách dạy trong các trường tiểu học lúc đó.

3.5. Gia Định Báo đào tạo công chức



Collège des interprètes Sài Gòn / Pétrus Ký và các học trò

Trong thư văn đề ngày 15/01/1866 gửi cho thống đốc Sài Gòn, giám đốc nội vụ Paulin Vial có viết : « Từ những ngày đầu người ta (Pháp) đã hiểu rằng chữ Hán còn là một ngăn trở giữa chúng ta và người bản xứ ; sự giáo dục bằng thứ chữ tượng hình khó hiểu làm chúng ta rơi tuột hoàn toàn ; lối viết này khó cho việc truyền đạt đến dân chúng những điều tạp sự cần thiết có liên quan tới khung cảnh của nền cai trị mới cũng như cho việc thương mại... Chúng ta bắt buộc phải theo truyền thống nền giáo dục riêng của chúng ta ; đó là cách duy nhất khiến chúng ta có thể gần gũi người An Nam thuộc địa hơn, ghi vào tâm não họ những manh mối

của nền văn minh Âu châu đồng thời cô lập họ khỏi ảnh hưởng đối nghịch của các lân quốc của chúng ta ».

Tuy nhiên, các đô đốc Pháp nhanh chóng hiểu rằng rất khó thay đổi được một đất nước chịu ảnh hưởng của Khổng giáo và lòng trung thành sâu sắc của người dân đối với triều đình. Họ chú ý tăng cường ảnh hưởng của Pháp tới đời sống và phong tục của người Nam Kỳ.

Để thực hiện thành công chính sách cai trị, các “quan” Pháp được khuyến khích học chữ Hán, chữ quốc ngữ, nghiên cứu phong tục tập quán, ngôn ngữ và lịch sử của Việt Nam. Chính vì thế, rất nhiều tài liệu bằng tiếng Pháp và tiếng Việt mang tính chuyên môn cao được các “học giả” quân sự dịch và soạn thảo trong giai đoạn này.

Ngay từ năm 1864, các trường tiểu học quốc ngữ được thành lập tại các trung tâm quan trọng nhất và các làng công giáo. Mục đích chính là nhằm đào tạo một thế hệ công chức tương lai tận tâm với nước Pháp, đồng thời cắt đứt ảnh hưởng của Nho giáo.

Đến năm 1882, chữ quốc ngữ được dùng là văn tự chính thức trong giao dịch, giấy tờ hành chính, tư pháp và thương mại của nhà cầm quyền thuộc địa. Các quan địa phương phải học chữ quốc ngữ và chỉ được thăng chức hay giảm thuế nếu biết đọc, biết viết loại văn tự này.

3.6. Gia Định Báo dạy Viết văn xuôi

Thông qua những bản dịch, lần đầu tiên một loại hình văn học mới được đưa vào An Nam. Đó là văn xuôi, với nhiều thể loại khác nhau, như tiểu luận, ký sự hay tiểu thuyết. Tại thời kỳ đó, thể loại này còn chưa được ưa chuộng và không được coi là « văn học », vì người ta cho rằng văn xuôi viết bằng chữ quốc ngữ ngang như lời nói.

Bài văn xuôi đầu tiên do Trương Vĩnh Ký biên soạn, dài khoảng 7 trang, dưới tựa đề *Ghi về vương quốc Khor Me (1863)*.

Phải tới khi Trương Vĩnh Ký viết một tập bút ký khác, *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi (1876)*, công phu hơn và trau chuốt hơn được in năm 1881. Tuy nhiên, ông phải mượn rất nhiều từ Hán để có thể miêu tả tỉ mỉ chuyến đi này. Không bàn tới mục đích của chuyến công du Bắc Kỳ của Trương Vĩnh Ký, ở đây chúng ta chỉ quan tâm sau chuyến đi này, ông viết một bản hồi ký ghi lại những kỷ niệm, những điều « mắt thấy tai nghe », vị trí địa lý, lịch sử, những phong tục tập quán của những địa phương nơi ông đi qua.

Một nhà nghiên cứu nhận xét đây là « một trong vài tác phẩm viết bằng chữ quốc ngữ sớm nhất của thế kỷ XIX, Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi để lại nhiều dấu ấn ngôn ngữ với những phương ngữ, tiếng Việt cổ có giá trị về mặt ngôn ngữ. Câu

văn khúc chiết, sinh động chứng tỏ năng lực viết văn xuôi quốc ngữ của tác giả trong buổi sơ khai của loại chữ mới mẻ này.

Tới năm 1918, quốc ngữ trở thành chữ viết bắt buộc tại Bắc Kỳ.

Từ giai đoạn này trở đi, các nhà trí thức trẻ không ngừng trau dồi, phát triển và phổ biến nền văn học hiện đại Việt Nam. Năm 1954, quốc ngữ trở thành chữ chính thức của các cơ quan hành chính Việt Nam. Điều này đã

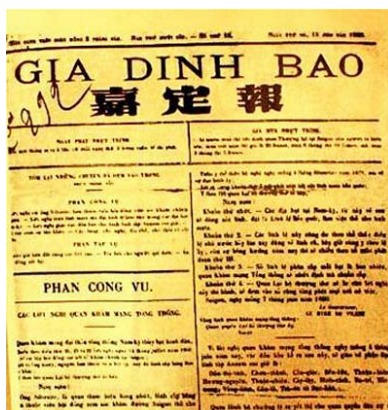
khẳng định tiên đoán cũng như mong muốn của Trương Vĩnh Ký vào năm 1876 : « Chữ quốc ngữ phải trở thành chữ viết của nước nhà ».

Văn phong Trương Vĩnh Ký lúc đầu chưa phân biệt rõ nói và viết nên tính chất nôm na, khẩu ngữ khá đậm nét, hình thức mỹ thuật chưa đẹp .v.v... nhưng với nội dung giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phổ biến, cổ vũ chữ quốc ngữ, cung cấp những kiến thức, thông tin mọi mặt cho dân chúng.

Gia Định Báo đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình, xứng đáng là tờ báo tổng hợp có giá trị cao và tạo tiền đề cho báo chí Việt Nam phát triển .

Chữ Quốc Ngữ phát triển sớm nhất tại Nam Kỳ vì tại Nam Kỳ, Nho học được bãi bỏ sớm nhất, quốc ngữ được sử dụng sớm nhất và ngành in ấn phát triển sớm nhất. Cũng tại Nam Kỳ, tiểu thuyết đầu tiên xuất hiện năm 1887 là Truyện thầy Lazaro Phiền của P. J. B. Nguyễn Trọng Quản do nhà xuất bản J. Linage ấn hành năm 1887 tại Sài Gòn, trong khi ở Hà Nội, truyện *Tố Tâm* của Song An Hoàng Ngọc Phách được ấn hành năm 1925.

4.Gia Định Báo, những điểm cần biết



4.1.Văn kiện cho ra đời tờ báo?

“Quyết định về việc tờ Gia Định Báo sẽ ra mỗi ngày thứ hai, và ông Potteaux, người biên tập của tờ báo này sẽ nhận được một khoản phụ cấp là 1.200 đồng quan Pháp mỗi năm”.

Điều 1 quyết định nêu rõ tờ Gia Định Báo sẽ phát hành vào mỗi ngày thứ hai hàng tuần kể từ ngày 1.4.1869.

Căn cứ vào đó, có thể xác định hai điều:

Một là từ tháng 4.1869, Gia Định Báo đã là một tờ tuần báo. Chi tiết này cho thấy sự nhầm lẫn của một số tư liệu nghiên cứu khi xác định vào thời điểm trên, Gia Định Báo ra hai hoặc ba kỳ mỗi tháng.

Hai là cho đến lúc này, chưa ai tìm thấy một văn kiện chính thức nào qui định việc phát hành Gia Định Báo vào năm 1865. Nếu có thì theo thông lệ hành chánh, các văn kiện ban hành về sau liên quan đến nhân sự hay điều hành tờ báo đều phải tham chiếu hay viện dẫn văn kiện căn bản cho ra đời tờ báo.

Về ngày phát hành số báo đầu tiên.

Tác giả Huỳnh Văn Tông cũng tìm thấy tờ Gia Định Báo số 4 phát hành ngày 15.7.1865 tại Trường Sinh ngữ Đông phương, Paris (Pháp); điều này đã phủ nhận thời điểm do học giả Đào Trinh Nhất đưa ra (1867). (Huỳnh Văn Tông – Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945 – NXB Thành phố Hồ Chí Minh).

4.2. Gia Định báo tồn tại bao lâu ?

Trong các tài liệu nghiên cứu phổ biến trước năm 1974, chi tiết này hoặc dựa vào sự suy đoán hoặc không được đề cập đến. Căn cứ vào những số báo còn lưu trữ tại Thư viện và năm mất của học giả Trương Vĩnh Ký, một vài tác giả, trong đó có nhà báo Nguyễn Ngu Í trên tạp chí Bách Khoa số 217 phát hành vào tháng 1.1966, đã suy đoán là tờ báo đình bản vào năm 1897.

Tập “Mục lục báo chí Việt ngữ trong 100 năm (1865-1965)” của Lê Ngọc Trụ cũng ghi thời gian tồn tại của Gia Định Báo là 1865-1897.

Đến thập niên 1970, các số Gia Định Báo phát hành năm 1909 do tiến sĩ Huỳnh Văn Tông tìm được tại Pháp đã gián tiếp phủ nhận những suy đoán sai lạc trên. Tháng 10.1974, trên giai phẩm Bách Khoa số 416, một công chức đang làm việc tại Tòa Hành chánh tỉnh Bình Dương có dịp công bố chi tiết tìm thấy trong một văn kiện in trên tờ Tập san hành chánh Nam kỳ năm 1909, trang 3464. Đó là nghị định ngày 21.9.1909 của Thống Đốc Nam kỳ Gourbeil ấn định ngày chính thức đình bản tờ Gia Định Báo là 1.1.1910.

Như vậy, có thể xác định thời gian tồn tại của Gia Định Báo là trên 44 năm (15.4.1865 – 31.12.1909) và dữ liệu này không còn gì phải tranh cãi nữa.

4.3. Phụ trách quản lý tờ Gia Định Báo

- Từ 4.1865 đến 9.1869: Ernest Potteaux
- Từ 9.1869 đến 1872 (hay 1873): Trương Vĩnh Ký
- Từ 1872 (hay 1873) đến 1881: J. Bonet
- Từ 1881 đến 1897: Trương Minh Ký
- Từ 1897 đến 1908: Nguyễn Văn Giàu

- Từ 1908 đến 1909: Diệp Văn Cương

5. Kết

Gia Định Báo chủ yếu là phương tiện thông tin của thực dân Pháp ở Đông Dương với tư cách là một tờ công báo chuyên đăng các công văn, nghị định, đạo dụ, thông tư của chính quyền.

Sau này, khi Trương Vĩnh Ký chính thức làm giám đốc, tờ báo mới được phát triển mục biên khảo, thơ văn, lịch sử... Từ đó, báo không chỉ làm một tờ công báo đơn thuần nữa. Gia Định Báo cũng góp phần cổ động việc học chữ Quốc ngữ và lối học mới, mở đường cho các thể loại văn xuôi Việt Nam in bằng chữ Quốc ngữ, đặt nền móng cho sự hình thành báo chí Việt Nam (Theo [Wikipedia tiếng Việt](#)).



Lễ khánh thành tượng Trương Vĩnh Ký ngày 24-12-1927 ở một góc công viên Thống Nhất trên đường Norodom (nay là đường Lê Duẩn). Tượng do nhà yêu nước Trần Chánh Chiếu quyên góp khắp Nam Kỳ lục tỉnh để xây dựng - Ảnh tư liệu

5.1. Tương đồng giữa sự ra đời của Chữ Quốc Ngữ và vai trò của Gia Định Báo trong đời sống dân tộc

Nhìn qua quá trình lịch sử những thế kỷ 17, 18, 19, có thể nhận thấy trên một khía cạnh nào đó, có sự tương đồng giữa sự ra đời của chữ Quốc ngữ và vai trò của Gia Định Báo trong đời sống dân tộc.

Lúc khởi thủy, chữ Việt la tinh hóa chỉ được các giáo sĩ phương Tây sử dụng như một công cụ truyền giáo của họ, nhưng sau hàng trăm năm, những biến chuyển lịch sử đã biến nó thành chữ của người Việt .

Gia Định Báo cũng thế. Xét về bản chất, nó chỉ là một công cụ truyền thông được thực dân Pháp sử dụng trong mục tiêu kiến tạo toàn bộ máy cai trị của họ, song nhờ vào tinh thần Dân Tộc của những người Việt Nam tuy cộng tác với Pháp nhưng vẫn có tấm lòng hướng về dân tộc mà nó trở thành gần gũi với đời sống tinh thần của người Việt bấy giờ.

Việc phiên dịch các văn kiện hành chính của Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của đã đành là một công tác thuộc phạm vi trách nhiệm do Pháp giao, song không thể nói là không có tác dụng hữu ích về mặt khách quan đối với đời sống dân Nam kỳ lúc bấy giờ.

Với một kiến thức ít người sánh kịp, hai học giả đã làm phong phú vốn ngôn ngữ Việt còn ở trong thời kỳ phôi thai, tạo được sinh khí cho việc học chữ Quốc ngữ qua nội dung hấp dẫn của những câu chuyện ngụ ngôn do Trương Minh Ký biên dịch, những bài viết về khoa học thường thức mới mẻ do Ernest Potteaux biên soạn trên từng số báo.

Nhờ Gia Định Báo, người dân biết thế nào là “điên khí”, núi lửa, động đất ra sao, được hướng dẫn “ở ăn cho được mạnh khỏe” thế nào , thám nhàn tính nhân bản trong các truyện dân gian Nhị thập tứ hiếu, Lục súc tranh công,

Có thể nói sự ra đời của những tờ báo sau GĐB do người Việt đứng ra thành lập hoặc giữ vai trò chủ nhiệm, chủ bút như Thông loại khóa trình (1888-1889), Phan Yên Báo (1898 -1899), Nông cổ mín đàm (1901-1924), Lục tỉnh tân văn (1907-1943)... không thể không có ảnh hưởng của Gia Định báo .

Đáng nói hơn nữa là trong khi những tờ báo ra đời mấy mươi năm sau GĐB còn đầy rẫy lỗi chính tả, thì ở Gia Định Báo, họa hoằn mới tìm ra một lỗi. Bởi do công của Huỳnh Tịnh Của, là tác giả bộ từ điển Quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam có tên “Đại Nam quốc âm tự vị” xuất bản năm 1896.

Công lao của Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của đã được giới nghiên cứu nói đến nhiều, song dường như công luận chưa có sự quan tâm đúng mức đối với Trương Minh Ký, người đã có những đóng góp to lớn cho Gia Định Báo cho đến ngày qua đời (1900).

Và cũng không thể bỏ qua công lao của Ernest Potteaux, người quản nhiệm đầu tiên của Gia Định Báo, là tác giả của rất nhiều bài viết khoa học có tác dụng nâng cao trình độ hiểu biết của người dân thuộc địa, giúp họ giữ bỏ được phần nào những thói tục mê tín dị đoan còn hằn sâu trong xã hội.

Nghiên cứu Gia Định Báo và chữ Quốc ngữ không nên có sự phân biệt chủng tộc, nguồn gốc xuất thân, làm việc hay tôn giáo ,... chúng ta chứng tỏ rằng người Việt Nam là một dân tộc biết trọng đạo nghĩa, không quay lưng lại với những ai đã làm điều tốt đẹp cho dân tộc.

Gia Định báo góp phần cổ động việc học chữ Quốc ngữ, mở đường cho các thể loại văn xuôi bằng chữ quốc ngữ, và đặt nền móng cho sự hình thành báo chí Việt Nam.



Bức hình chụp cả nhà họ Trương trong ngày chôn cất Trương Vĩnh Ký

5. 2. Trương Vĩnh Ký có một căn cơ về văn hoá dân tộc



Học sinh trường Pétrus Ký thời Pháp thuộc. Ảnh tư liệu

Tuy được đào tạo rất hệ thống của giáo hội Cơ Đốc giáo từ nhỏ trong nền văn hoá phương Tây, song Trương Vĩnh Ký vẫn có một căn cơ khá bền vững về văn hoá dân tộc, đặc biệt là truyền thống văn hoá ở Nam Kỳ.

Là nhà trí thức nổi tiếng thông minh và uyên bác, trong quá trình phục vụ cho chính sách của "tân trào" cũng đã tạo ra nhiều công trình học thuật và văn hoá theo tinh thần "tân học", về nhiều mặt có phần tân tiến và cập thời hơn các nhà trí thức "cựu học".

Rõ rệt nhất là vai trò của ông trong việc sử dụng và phổ biến chữ quốc ngữ, lúc ban đầu là công cụ của thực dân song về sau trở thành công cụ của nền văn hoá hiện đại Việt Nam.

Hai mặt của con người Trương Vĩnh Ký rất rõ ràng. Tuy nhiên không vì thế mà mặt trước che mờ mặt sau, mặt ngoài che lấp mặt trong (!)

Sau Gia Định Báo, khi hai tạp chí Đông Dương tạp chí (1913) và Nam Phong tạp chí (1917) ra đời, thì vai trò truyền bá, phổ biến và hoàn thiện chữ Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký mới thực sự nở rộ.

Hai tờ tạp chí này đều được xuất bản ở Bắc kỳ nên cách viết, cách sử dụng từ, sử dụng câu và cách phát âm có phần chuẩn hơn Gia Định Báo ở miền đất mới Nam Kỳ.

Từ đó cách viết quốc ngữ tương đối thống nhất và hoàn chỉnh, dùng từ ngữ dễ hiểu, loại bỏ nhiều phương ngữ, góp phần vào quá trình hoàn thiện chữ Quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký./.

THAM KHẢO

1. Vương Hồng Sên, 1991, Sài Gòn năm xưa, Nxb TP. HCM.
2. Nhiều tác giả (1987), Địa Chí Văn Hóa TP.HCM, Nxb Tổng hợp TP.HCM.
3. Nam Sơn Trần Văn Chi (2008), Nhân Vật Miền Nam, Nxb Văn Mới, Hoa Kỳ .
4. Huỳnh Minh (2001), Kiến Hòa xưa, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
5. Sơn Nam (1997), Cá tính miền Nam, Nxb Trẻ, TP.HCM.
6. Vũ Ngọc Phan (1942), Nhà văn hiện đại, Nxb Tân Dân, Hà Nội (tái bản năm 1994, Nxb Văn học, Hà Nội).
7. Nguyễn Đình Đầu (2017), Petrus Ký, nổi oan thế kỷ, bị thu hồi .
8. Phạm Long Điền và Nguyễn Sinh Duy (1974), Cuốn sổ bình sanh của Trương Vĩnh Ký , Nxb Nam Sơn, Sài Gòn.
9. Nguyễn Văn Trung (1993), Trương Vĩnh Ký nhà văn hóa, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
10. [Wikipedia tiếng Việt](#).

(*) Trần Văn Chi

- Tốt nghiệp ĐHSP Sài Gòn, ban Sử Địa 1964-1968
- Tổng Thư Ký Hội Liên Trường trước 1975 (Gồm Chasseloup Laubat, Pétrus Ký, Nguyễn Đình Chiểu và Phan Thanh Giản)
- Giảng viên, Tổng Thư Ký Viện Đại Học Hoà Hảo, trước 1975
- Hiện định cư tại Quận Cam, Hoa Kỳ
- Nhà biên khảo Văn hoá, Phong tục (có 8 đầu sách đã in)
- Nhà bình luận chánh trị trên truyền hình Quận Cam, Hoa Kỳ
- Cộng tác viên nhật báo Người Việt Quận Cam, Hoa Kỳ

CƠ TRỜI

Người xưa có nói: " Vô ngộ bất tri " nghĩa là không gặp nhau ắt không hiểu được nhau. Không hiểu được nhau tất không thể thương yêu nhau...Đó là mầm mống sinh hận thù, chiến tranh mở rộng....Về phương diện tôn giáo, nếu không hiểu được nhau, hố sâu bất đồng tín ngưỡng sẽ dẫn đến cuộc Thánh Chiến khốc liệt...

Thế giới ngày nay Cộng Đồng Nhơn Loại dần tiến đến sự hòa đồng trên mọi lãnh vực. Ấy là tiến trình toàn cầu hóa...Tôi tin tưởng ở tương lai, nhơn loại sẽ hiệp đồng thành một Cộng Đồng Nhơn loại, cùng sống hài hòa với một nền phong hóa , cùng thống nhất ngôn ngữ trong việc giao tiếp nhau, Để rồi các tôn giáo sẽ nhận ra có cùng tín ngưỡng vào Đấng Cha Trời duy nhất là Chúa Tể cả Càn Khôn Vũ Trụ... Đó là cơ trời dẫn đến qui nguyên Tam giáo, phục nhất Ngũ Chi, là con đường Đại Đạo do Đức Chí Tôn rộng mở để dẫn nhơn loại hân hoan bước vào thời Thượng Ngươn Thánh Đức.

Đại Hội Thượng Đỉnh Liên Minh Tôn Giáo Hòa Bình Thế Giới từ 16 đến 19 tháng 9 năm 2014 tại Seoul (Nam Hàn) và Đại Hội Liên Tôn Giáo Châu Mỹ ngày 11 tháng 12 năm 2014 tại California và sẽ còn nhiều diễn tiến tiếp nối..., Phải chăng là những dấu chỉ cho thấy cơ trời hé mởCon đường Đại Đạo mà người tín đồ Cao Đài đã từng dẫn thân trong cuộc hành trình dài 90 năm qua và sẽ tiếp tục cho đến khi nhìn thấy đời Thánh Đức hiện hữu trên quả địa cầu 68 này. Con đường nhơn loại nên đi, Chí Tôn định sẵn còn gì phân vân.

Hiền Tài Phạm văn Khảm

**PHÁI ĐOÀN CAO ĐÀI tại HẢI NGOẠI
THAM DỰ ĐẠI HỘI LIÊN TÔN HÒA BÌNH THẾ GIỚI
TẠI SEOUL (từ ngày 16 đến ngày 19 tháng 9 năm 2014)**



**PHÁI ĐOÀN CAO ĐÀI CALIFORNIA - CANADA THAM DỰ ĐẠI HỘI LIÊN
MINH TÔN GIÁO HÒA BÌNH THẾ GIỚI CHÂU MỸ NGÀY 6/12/2014 TẠI
THÀNH PHỐ CARSON CALIFORNIA**



HƯƠNG VỊ ĐỜI

Chút đặng đặng trong cuộc sống
cũng là chút hương vị đời. (NVS)

1.
Thằng Chà hí hửng cầm hai cuốn truyện Tàu bước qua ngạch cửa khi trời vừa hừng sáng. Bữa nay chúa nhựt ba nó ở nhà nhưng đã cho phép nó đi đòi truyện. Ngày thường ông đạp xe máy ra Trà quít làm việc tới mịt mới về, lợi dụng giờ giấc nó tự ý đi không cần phép tắc, nhưng khi ông ở nhà thì phải hỏi phải thưa. Nó bước nhẹ ngang qua chuồng gà tính mở cửa ngõ thì con Ô nhảy ra chuồng hỏi nào không biết lật đật chạy theo quần quít bên chum. Con Ô thân thiện thiệt tình nhưng sáng nay sự thân thiện đó không làm cho thằng Chà khoái chí chút nào. Hai cuốn truyện Tàu được đưa ra quơ quơ làm võ khí nhưng con Ô chỉ cần né đầu là tránh được dễ dàng rồi cứ lẩn quẩn theo cận chum trở cẳng. Thằng Chà tức khí đứng lại tính ăn thua đủ thì con Ô cũng khựng lại, ngóng cao cổ đập cánh phành phạch rồi cất tiếng gáy. Không khí đương yên tĩnh bỗng sôi động lên, đàn gà mái nhao nhao vừa cục tác vừa gục gặc đầu đủng đỉnh đi tới đi lui trong chuồng hay chỗ mỏ qua khe rào kêu réo. Thằng Chà thừa cơ hội, lặn hai cuốn truyện vô bụng, kéo áo phủ xuống, cuốn nào cũng đã được chủ nhơn đóng bằng giấy dầu nên nó không sợ mồ hôi làm ướt. Mau chun nó phóng ra ngoài. Con Ô sau một giây ngơ ngác, chạy đuổi theo chủ chừng 5, 7 thước thì bỏ cuộc, quay vô bay đậu lên hàng rào chuồng chừng

một vài phút rồi nhảy xuống hăm hờ rượt đuổi bày thê thiếp, không còn tha thiết gì tới chủ nữa.

Đã tờ mờ sáng. Đàng xa kia, nơi chun trời một chút ánh hồng bắt đầu ló dạng. Tiếng ếch nhái đã hết inh ỏi. Màn sương khuya và gió lạnh báo hiệu cho thằng Chà bằng một cơn nhảy mũi dài tiếp theo một cái rùng mình nổi ốc từ dưới chun cẳng lên tới tay chun. Nó kéo hai vạt áo lại sát nhau, bẻ cao cổ áo rồi lấy tay đập nhẹ lên đầu để cái nón ni cũ của cậu nó vạt ra cho được chắc hơn. Nó nhắm hướng cầu Ngang đi miết...

Con đường đê thảng Hè đất cứng, chủ ruộng đã xắn đất đắp nên tạo một chút phẳng phiu xe máy chạy được, nhưng với đũa đi chun không như nó một lúc thì thấy hơi nhói nhói dưới gót. Nó cảm thấy vậy thôi, không quan trọng lắm nên vừa đi vừa suy nghĩ tới lúc gặp mặt con Quyên đòi hai cuốn truyện này lấy hai cuốn truyện khác. Tùng dịp nói vài ba chuyện bâng quơ ngó mặt cho đỡ nhớ.

Nghĩ tới đây thằng Chà cười hí hí một mình, nhảy chun sáo vài ba cái trước khi đi lại như bình thường.

Mấy người đàn bà đi chợ sớm bước mau qua mặt nó. Một người quay lại hỏi chợ:

‘Chà, Chà, mầy đi xóm sớm ha! Đi đòi truyện Tàu hay đi thăm nhỏ Quyên đó mậy?’

Một bà xồn xồn, bà con xa với phía ba nó, lên giọng răn đe của người trưởng

thượng:

‘Coi chừng đó, nó lớn hơn mấy hai tuổi lận, lơ mơ nó đánh cho sứt máu mũi. Năm sau thì nó tới tuổi bẻ gãy sừng trâu, vật mầy như vật ếch, đừng có tưởng bở!’

Chị ta nói tới đây thì như thích thú day qua phen bua với người đồng hành:

‘Chị coi, con nhỏ lớn sộ, thằng này có chút nhí mà tới ngày tò vè, xần quẩn. Muốn lắm nên kiếm chuyện tới lui hoài. Mà khổ, con nhỏ coi bộ chịu đòn mới chết một cửa tứ mấy thằng trang lứa lối xóm của nó.’

Chị ta coi bộ hứng chí với lời châm chọc của mình, bèn cười hô hố sau câu nói.

Người đàn bà đầu tiên thấy vui vui, quay qua thằng Chà, dạy đời:

‘Chà mầy đừng có lơ ngơ đứng ngoài vằm nữa nha, không múm vô vằm thì thiên hạ ảm mắt tiêu giờ. Con nhỏ cũng ngộ đến chứ có sứt môi méo miệng gì đâu nà! Da nó lại trắng nữa, dân ruộng rẫy mà như vậy thì kiếm đâu được đũa thứ hai!’

Được mọi cái người có bà con bước gần tới vò đầu nó:

‘Ôi chà! Trước khi đi thăm mèo cậu đã hót tóc tai đằng hoàng ha. Thầy hù nào mà hót coi được đến. Con Quyên nó chết mê chết mệt còn gì!’

Thằng Chà cười cười trong hòng mà ngượng ngịu ngang, không trả lời trả vốn gì hết, cầm đầu cầm cổ bước mau qua khỏi đám đàn bà nhiều chuyện.

Họ quay qua nói với nhau rậm ran về đề tài trai gái bỏ bịch tình tang trong xóm. Nó bối rối, ngó ngoái lại coi họ

có nói gì về mình nữa không. Hình như đề tài đã được đổi qua chuyện cá mắm, chồng con. Nhìn từng cái rổ tre, từng cái giỏ xách đồng đưa theo mấy cánh tay đánh đồng xa của các bà, nó nghĩ ngợi bâng quơ về một hình ảnh ôm ấp trong trí.

Trời sáng lặn, âm thanh và cảnh tượng đêm tối đã được thay bằng giai điệu của hoạt cảnh ban mai. Tiếng gió nhẹ xào xạc qua kẽ lá tre hòa với tiếng nghiêng rặng của hai thân tre cọ vô nhau theo gió mạnh, tiếng chó sủa xa xa và tiếng lịch bịch của mấy con trâu bị chủ đánh ra đồng...

Bỗng nhiên thằng Chà xuýt xoa rồi cong một chun lên, nhảy cò cò. Đồ cộc, nó rửa thắm:

‘Mắc dịch mấy thằng cha hút thuốc liệng tàn bậy bạ. Vái cho chết tiệt hết khỏi hại người khác. Tàn thuốc hút rồi cũng không biết liệng xuống ruộng, liệng bậy trên đường đê, con nít đạp nhằm một cái đau thấu mây xanh! Trời mới tung bưng sáng đã làm tầm bậy rồi!’

Nó giơ bàn chun lên dòm dòm. Tuy đau nhưng cũng không tới nỗi nào. Nó sửa sửa lại hai cuốn truyện Tàu cho yên vị rồi tiếp tục đi. Cây me keo làm ranh giới Xóm Me Keo cuối làng nó với xóm Mả Lạn đầu làng của nhỏ Quyên đã được bỏ lại sau lưng. Mặt trời sau rặng cây bên kia sông đương hé dạng.

Nó lầm lũi đi tới, chỗ này đồng vắng nhưng đất đồng khô nứt nẻ không phải ruộng, mấy tháng trước đội banh hai xóm đá giao hữu được vài lần thì giải tán vì thường xảy ra xích mích,

đánh lộn đánh lạo khiến mích lòng mích bề người lớn một thời gian. Nhớ tới chuyện đó thằng Chà xuýt xoa thảm tiếc. Nó thấy lời nói thầy Thìn là đúng: ‘Bây chơi thể thao mà không có tinh thần thể thao chút nào hết!

Thường thì phải theo phong cách mã thượng: Ăn không kiêu ngạo hay hạ nhục địch thủ, thua không làm trận làm thượng rồi kiếm có gây sự. Điều nghệ chơi bời là vậy... Ai đòi tụi bây bị ôm mấy trái thì bữa sau chặn đường đánh thằng đá vô gôn, còn đương đá thì đôn giò, chặt ống quyển mấy thằng giỏi của đội kia. Chơi vậy thì chơi với chó chó chơi với ai! Cái mừng chơi xấu này lớn lên có nước nằm nhà, dầu đá hay cách mấy cũng không ai cho vô hội tuyển trung bình chớ đừng mong gì được vô hội danh tiếng như Ngôi Sao Gia Định hay AJS.’

Từ hình ảnh thầy Thìn nó nhớ tới hai má lúm đồng tiền của nhỏ Quyên và thấy lòng mình mát rượi, xao xuyến. Nó vừa đi vừa đá một cục đất tròn theo từng bước chun, tưởng tượng là trái banh mà nó đương lừa để kiếm cách giao cho bạn làm bàn.

2.

‘Bữa nay tía đi coi mạch bốc thuốc cho ông quản Hên ở làng bên.’ Nó mừng rơn khi nghe con Quyên báo tin đó. Con nhỏ hí hửng:

‘Chà ngồi chơi một lát nha, Quyên đi nấu chè táo xọn hai đĩa mình ăn chờ tía về. Có cuốn Phong Kiếm Xuân Thu tía mới mua tháng trước, quý lắm, Chà coi sơ cho đỡ ghiền trong khi đợi chè.’

Con nhỏ lẩn xăn chạy lên chạy xuống vừa lo nồi chè vừa tiếp bạn. Lửa củi nóng hắt làm má nó hồng hồng, thằng Chà ngó thiếu điều rút cặp mắt. Con nhỏ bẽn lễn lấy khăn lông lau mồ hôi mặt, ngồi xuống đối diện bạn chơi hỏi đó chuyện Tàu.

‘Chà đồ trước đi.’

Cũng cái mừng cũ, nó hỏi chuyện ai cũng biết để lấy lòng bạn:

‘Chuyện Tôn Tần giả điên trong bộ nào bà biết không?’ Nó dùng tiếng bà thay vì kêu bằng Quyên như mọi khi.

‘Dễ ợt! Xuân Thu Oanh Liệt!’

‘Lúc cuối cùng ông ta ra sao vậy kà?’

‘Ông vô núi Thạch Nhân tu luyện.’

‘Rồi sao nữa?’

‘Mất biệt, không ai biết gì hơn. Có lẽ theo thầy Quý Cốc tu luyện linh đơn rồi thành tiên.’

‘Hay ha! Bà rành sáu câu ha. Thiệt ra ông làm như vậy mới là có cốt tiên.’

Thành công giúp đời rồi thì lo tu dưỡng cho mình. Trần thế vốn nhiều bụi nhơ, người có cốt tiên không ai màng.’

Con Quyên đưa tay lên chồng sách nhón lấy bộ Xuân Thu Oanh Liệt cầm tay, hỏi:

‘Mà Chà còn nhớ bài thơ khen Tôn Tần của người đời sau không?’

‘Ba năm luyện pháp núi Vân Mộng, Một lúc đem ra giúp vạc Tề.’

Nhỏ Quyên thấy thằng Chà thuộc nên cùng đọc với bạn hai câu sau:

‘Công toại danh thành lòng chẳng động,

Về non tu luyện lánh cơn mê.’

Hai đĩa cười lớn khi hết câu. Con

Quyên vui quá, giơ cao bộ truyện đập

xuống chông truyện trên bàn. Ngực nó bật tung một cái nút bóp. Nó lật đật đưa tay lên che. Thằng Chà lần đầu tiên thoáng thấy măng trắng trắng huyền ảo trước ngực bạn, lập lại mấy tiếng lách nơi mê theo giọng hỏi làm cho Quyên mắc cỡ bỏ vô nhà trong một nước sau tiếng nói lầm thảm: Đò quí!

Ngồi đó hèn lâu mà con nhỏ không ra, buồn tình nó đứng dậy nói lớn:

‘Tui đi về nha bà! Chè táo xợn đâu không thấy đợi hoài. Lại còn bị giận hờn.’

Tiếng con Quyên sau bệp vọng ra:

‘Hơi (mới) có! Bộ đói lắm sau mà hơi vọng ngược vọng xuôi vậy?’

Nó mừng rơn khi con nhỏ hai tay bung chén chè đầy áp đê trên đĩa đàng hoàng. Đưa tay đỡ, từng dịp đụng vô mấy ngón tay ngà ngọc, nó nói theo kiểu ‘làm quen’ để địch thủ hết giận: ‘Chà thích cách nói thiệt là miền Hậu giang của Quyên: hơi (mới) có, tiếng mới được nuốt đi tạo một thổ ngữ đặc biệt dễ mền cách gì, cũng như nghe mấy tiệm bán hàng nói thối lại, nói giùm làm, Chà thấy chơn chất gần gũi làm sao ấy!’

Cặp môi cắn chỉ mím nhẹ chịu đựng chừng vài giây rồi mới hơi mỉm cười. Nó nói nhỏ giọng thủ thỉ êm đềm của người tình:

‘Đừng giận nha! Cho Chà xin lỗi nha.’

Con Quyên nhỏ nhẹ:

Bạn hữu thì ai chấp nhứt gì, nhưng xin đừng nói chơi, nó nhẹ thể con người mình đi!’

Hai đứa cúi đầu mạnh ai nấy ăn,

không khí tuy đã không còn nặng chình chịch như hồi nãy nhưng lòng nó vẫn còn mặc cảm như đã làm một lỗi làm rất lớn. Nó cố gắng không ôn lại trong trí cái mình vừa mới thấy mà nghĩ tới cách làm sao cho con Quyên hết giận.

Thầy Thìn về nhà coi như một sự cứu bồ đúng lúc, thằng Chà lật đật rút lui sau khi xin phép mượn lại bộ La Thông Tảo Bắc với bộ Phong Thần Diễn Nghĩa. Con nhỏ không thềm ngó nó từ giả.

Vậy mà con Quyên hết hờn sau đó không lâu. Những lần tới đổi truyện tiếp theo hai đứa vẫn thân mật như thường. Có lần con nhỏ nói giọng người lớn không ngờ:

‘Truyện Tàu tức là truyện của người Tàu, truyện bên Tàu. Nước người ta có nhiều tuồng tích hay ho như vậy người nước mình thì mặt rệp từ đường, đi cày đi cấy cực khổ đã không đủ ăn thì chớ lại còn bày đặt rượu chè be bét như hủ hèm. Lúc say xin thì lè nhè rồi đánh đập vợ con hay gây sự đâm chém thiên hạ. Còn lúc bình thường bị làng xã ức hiếp, bị phú lít mã tà đá đít bộp tai thì ôm đầu máu chịu, im re chẳng dám phản kháng.’

Thằng Chà không nói gì. Những chuyện này nhan nhản đầy trời nên trở thành thường sự. Hèn lâu nó mới nói một câu lãng xẹt:

‘Bà biết hảo hơn là gì không? Là anh hùng đó!’

Con Quyên chép miệng:

‘Người Tàu họ tinh quái lắm. Họ không nói dững non, hảo dững, anh kiệt hay gì gì đó mà nói hảo hơn có

nghĩa là người Tàu tốt, người Tàu giỏi, hay người Tàu anh hùng. Làm như thiên hạ không ai là anh hùng như người Tàu, người Hán.’

Thằng Chà lại ngồi im, há hốc miệng nghe nhỏ Quyên lý thuyết. Nó thấy Quyên hơn mình về mặt này. Con nhỏ thoát ra khỏi mấy cuốn truyện Tàu còn nó thì dính cứng vô đó. Thuộc lòng La Thông, La Côn, La Xán lúc nhỏ lúc lớn lúc già, thuộc lòng tên và hành trạng mấy chục anh hùng hảo hớn Lương Sơn Bạc nhưng không có cái nhìn về thực tế cuộc đời trước mặt như con Quyên.

Nó ngó bạn không nháy mắt, thàm thán phục lẫn ước mơ. Ôi cặp má lúm hai đồng tiền nho nhỏ, hồng hồng với vài sợi gân đỏ lờ mờ dưới lớp da mịn màng, khiến nhỏ ta đỏ mặt quay đi chỗ khác.

3.

Cửa nhà thầy Thìn đã mở. Ông đương ngồi tréo ngoáy bên cái bàn giữa nhà. Bình trà trước mặt. Một tay cầm cuốn sách đóng bằng giấy manh (main), tay kia cầm tách nước đưa tới gần miệng nhưng đã ngừng lại ở đó. Ông đọc chậm rãi từng câu:

Ta chay trường khinh mạn lục thân,
Bạn bè tới thăm chẳng rần rần.

Nhấp chén trà thơm không rượu uống,
Dọn đĩa rau dưa chẳng thịt mỡ.

Hạ nhẹ tay cầm sách xuống, Thầy Thìn đưa tay cầm tách nước lên chút xíu nữa, chậm chậm nhấp một ngụm. Thoáng thấy cảnh đó Thằng Chà hơi khựng lại khi bước tới hàng rào mông toi. Trong cửa buồng con Quyên nãy giờ đứng im lặng kính cẩn ngó cha

mình ngâm thơ, thấy dạng thằng Chà bèn nháy mắt hất hàm ra dấu biểu đừng bước tới nữa.

Thầy Thìn hạ tách nước xuống, đưa sách lên cao ngang tầm mắt, ngâm tiếp, giọng nho nhỏ vừa đủ nghe:
Bằng hữu lạ ta sao ăn chay,
Chỉ bởi Thiên Đường - Địa Ngục hai.
Ăn chay rau giá vậy mà tốt,
Dẫn tới Linh Sơn khoái thích thay!

Thiền quang thấp thoáng lẹ lăm mà,
Mỗi ngày tâm niệm Phật Di Đà.
Hiếu lễ Tử - Sinh, chuyện phải có,
Chôn cố hương về lòng hoan ca.
Con Mực nằm dưới đất cuộn mình ngoan ngoãn lim dim nhưng đưa mõm gác lên một bàn chun chủ, thầy Thìn lấy chun kia xoa xoa lên mình con vật, nó cựa cựa uốn éo như thưởng thức tình thương, như tỏ lòng biết ơn. Người chủ ngó xuống con vật cưng của mình rồi cầm sách lên ngâm nga tiếp:

Thời gian trần thế có mấy hồi,
Đời người ngày tháng thoáng như thoi.

Nam choác thành ông, nữ thành bà,
Bao người nhận thấy dung nhan đổi!

Con Mực thỉnh linh phóng ra hực hực chào người quen. Tách nước trên bàn được Thầy Thìn uống cạn sau khi chậm rãi để sách xuống, ngó ra sân.

Con Quyên bước thụt vô buồng.

Thằng Chà lật đật bước vô, chào thưa bác nói mình đem đổi truyện.

Nó trịnh trọng để hai cuốn truyện lên bàn, lí nhí:

‘Dạ, cháu thấy kẹp trong hai cuốn này, mỗi cuốn có một tờ giấy oanh.

Chắc bác để lâu rồi quên. Xin nhắc bác hồng thôi rót mất uống.’
Thầy Thìn lật ra chỗ có tiền, lấy bỏ túi. Thầy ngó ngoái lại cố ý kiểm tra con gái rượu để thăm trao đổi gì đó, nhưng không thấy. Một lúc sau con Quyên mới bung ra một chồng truyện Tàu và một xấp Sách Bạn Trẻ của nhà xuất bản Nam Việt để lên bàn.
‘Lần này tía cho Chà mượn hai loại luôn nha! Coi chuyện Tàu hoài cũng nhàm. Loại Sách Bạn Trẻ này tốt hơn, thực tế hơn.’
Thầy Thìn cười lớn:
‘Con biết ý tía đa! Đọc cho mở mắt ra với người. Mà sao con cho nó mượn nhiều như vậy? Chắc sợ nó đổ đường tới đây mất công chứ gì! Chà nó có lý do để đi một tuần hai ba lần. Xá gì đường xa!’
Đứa con gái hơi xềng lèng, cười mím chỉ nói tía chọc con hoài, tụi con chỉ là bạn hữu cùng xóm cùng làng. Chà mất công đổ đường thì ăn nhập gì tới con!’
‘Để nói cho hai đứa nghe.’ Thầy Thìn sửa lại bộ ngồi. ‘Đọc truyện Tàu thì phải biết là cái tụi Tàu nó viết toàn là khoe dân tộc nó anh hùng, nào là người Tàu có sức mạnh cử đỉnh ngàn cân, nào là người Tàu giỏi thập bát ban võ nghệ. Họ kêu những người đó là tướng, là người Trời, là thái tử con Ngọc Hoàng đầu thai, là một ngôi sao trên trời bị đọa. Họ kêu dân mình là Nam man, mấy dân tộc chung quanh là Đông di là Bắc dịch là Thổ Phồn..., kêu người Âu Mỹ là Bạch quý. Tóm lại ai không phải người Tàu đều là kẻ xấu, người dở, dã man, hèn mọn...’

‘Mà thôi!’ Tách nước lại được thổi, húp. Sau cái chếp miệng, thầy Thìn tiếp: ‘Tại người mình không chịu viết truyện là do làm biếng suy nghĩ với làm biếng tưởng tượng, có viết thì ăn cắp ý, có khi còn cọt-py nguyên con. Để cho thiên hạ viết thay mình thì phải bị như vậy thôi. Tía nói cho hai đứa nghe nè: Đọc thì đọc, mê thì mê nhưng phải biết cái tốt để theo cái dở để tránh, đừng có lậm mấy cái pháp thuật bày đặt của họ mà quên thực tế ngoài đời... Cuộc sống bên ngoài không dễ như trong sách đâu nà. Kề xấu tràn đầy như giòi đục thịt sinh, như ruồi bu xác chết. Nhưng học trung hiếu tiết nghĩa trong truyện thì được, bắt chước làm anh hùng thì không nên. Chết như không đó!’
Con Quyên liếc liếc thằng Chà như ngầm bảo rằng tía nói thì rán nghe để tía vừa lòng. Thằng Chà đứng im rơ, chăm chú như nuốt từng lời vàng ngọc của thầy Thìn. Ngó vô miệng thầy nhưng trong lòng tưởng tượng về đôi môi cắn chỉ, về má lúm đồng tiền, về cặp mắt hột nhãn của con Quyên...
‘...Tía thấy thằng Chà thẳng ngay. Lớn lên sẽ là người tốt, không phải là tụi ‘cầu điền vắn xá’, tụi ‘ái bất thích thủ’ như thiên hạ nhan nhản thời nay!...’
‘Dạ ‘cầu điền vắn xá’ là gì hả tía, ‘ái bất thích thủ’ cũng vậy. Tía nói chữ mắc quá con không hiểu. Không biết Chà có hiểu không.’
Ánh mắt thầy Thìn rọi vô mặt nó, thằng Chà nhè nhẹ lắc đầu.
‘Là bọn đêm ngày cầu mong có được ruộng vườn chim bay gáy cánh chó

chạy cong đuôi, gạt đầu này cướp đầu nọ để được nhà sang cửa rộng ấy mà! Bọn ham cái gì thì ôm cứng không chịu buông tay ra. Cầu biệt thự thênh thang ở Ô Cấp, ở Đà Lạt, ở Nha Trang, Phú quốc..., kéo vô, kéo vô cho tràn hống, cho ngập mặt thì hỏi làm sao có lòng với người nghèo khổ, với tổ quốc được. Khi lòng tham muốn quơ quào quá lớn thì lòng thiện còn đâu chỗ trú? Chà nó có tấm lòng thành thật. Sẽ là người tốt. Tía nói vậy đó, bây tính sao thì tính. Làm sao coi được thì thôi.'

Người cha quay mặt ngó thẳng vô khách hèn lâu rồi quay qua đứa con gái:

'Chim chóc có cái hay mà loài người không biết bắt chước. Chim mẹ đi kiếm mồi cho chim con lúc con còn nhỏ. Khi chim con tới độ ra ràng thì giúp đẩy cho bay. Một hai lần khi chim con bay được thì thôi không xía vô nữa. Tía cũng vậy, chuyện tình cảm của con cái tía để con cái quyết định, không cản trở cũng không khuyến khích.'

Con Quyên bỏ chạy vô buồng. Thầy Thìn lắc đầu cười. Thằng Chà không hiểu hết ý nghĩa câu nói của thầy Thìn nhưng lò mò thấy rằng mình không bị ghét bỏ. Nó nghĩ rằng rồi đây nó sẽ được tới căn nhà này thường xuyên hơn. Và nó đưa mắt vô nhà trong, tay nắm chặt như một người chiến thắng.

4.

Ông già mơ màng ngó ra vườn. Khu vườn đẹp theo kiểu Việt Nam với vài thứ cây ăn trái và một vuông đất nhỏ cho mấy bà còn mạnh mẽ xới đất

trồng rau. Không ăn uống gì ba cái thứ đó nhưng 'tươi nước ngắt lá' để nhớ 'thời chưa bệnh, lúc còn sống sờ' là câu cửa miệng của một số ông bà còn đi lại được. Ông già còn đủ sức để điều khiển xe lăn ra hưởng khung cảnh khu vườn. Tôi vài lần đi thăm người bác cùng lứa tuổi ông cũng ở trong nursing home nhiều người Việt Nam này từ đó quen ông và được nghe kể về chuyện hơn bảy mươi năm trước...

'Chúng tôi thân thiết với nhau như vậy tới ba bốn năm, tôi nhớ giờ bề tiếng, đứng nhỉnh hơn Quyên nửa trán khi thi đậu bằng Thành Chung rồi đậu luôn kỳ thi còm-mi làm việc ở tòa bố tỉnh Sóc Trăng. Hai đứa không thể thốt gì nhưng trong lòng coi nhau như đã cặp bồ, không còn là bạn hữu nữa. Những lần tới nhà Quyên tự nhiên hơn và cũng chẳng cần đổi truyện. Được cho uống nước đá chanh muối, được trách cứ nhẹ nhàng sao không chịu đội nón dang đầu trần ra đường coi chừng cảm nắng... Nhiều lần còn được ngồi ăn chung với thầy Thìn để nghe thầy giảng chữ nghĩa thánh hiền. Những khi thầy đi bắt mạch xa, chúng tôi ngồi đối diện nói chuyện tự nhiên hơn. Cũng chỉ là chuyện trời trăng mây nước, chuyện Tề Thiên Đại thánh đánh quỷ trừ yêu. Nhiều lắm là một hai cái nắm tay. Rồi thôi. Trong sáng. Vậy mà... Bỗng nhiên tôi mất tung tích Quyên. Tôi lúc đó như người chết đuối trôi sông. Đâu chừng là đầu năm 1950. Quyên đi đâu thầy Thìn cũng không biết, chỉ để lại bức thư tạ lỗi bất hiểu đại ý là thấy cảnh nước nhà

tang thương, người nghèo khổ bị bóc lột, kẻ cô thế bị ức oan, Tây tà nạt nộ chửi bới dân... Lòng quặn đau không chịu nổi. Quyên không nói mình đi với phe phái nào. Quân lưu động trong đầm lầy, trên sông cùng rạch cạn của tướng Lê Quang Vinh, tướng Trần Văn Soái, quân đóng ngay tại Sài Gòn hoa lệ của tướng Lê Văn Viễn Bình Xuyên... hay gì gì nữa!’ Ông già ngừng một lúc hèn lâu, mắt mơ màng ngó vô mấy con chim nháy nhót trên bãi cỏ, vài ba con sóc vui đùa leo lên leo xuống mấy gốc cây cao. Tôi ngó vô con người sức mồn chỉ còn lại chút trí nhớ le lói ánh chiều tàn mà nghĩ tới mai hậu mình... Cuộc sống một người sau cùng rồi cũng như vậy sao? Tưởng ông đã quên những gì đã nói bỗng ông tiếp, không cần ngó tôi, như là để nói với chính mình, hợp lý như này giờ không có lúc ngừng nghỉ:

‘Quyên vô bụng làm nữ cứu thương sống đời nguy hiểm rày đây mai đó hay theo phe quốc gia làm nữ quân nhân như một nghề, sống an lành với chồng con xa chiến trường... Tôi biết biết. Cha Quyên cũng biết biết. Chúng tôi hai người đàn ông liên kết nhờ tình yêu đối với một người nữ đã biên biệt tâm hơi, thường ngó nhau buồn thảm. Những cuốn sách của ông đóng bụi trong tủ chẳng còn mời gọi tôi như ngày xưa. Thầy Thìn từ đó lặng lẽ như cái bóng, chuyện coi mạch hốt thuốc ai năn nỉ lắm mới chịu đi, còn thì ngồi trên cái ghế năm xưa năm xưa với bình trà mọi thứ, nhiều khi đến lần sau cách lần trước cả tháng cũng thấy

ông trong vị trí đó, trong dáng điệu đó, khiến tôi có cảm tưởng ông ngồi một chỗ, uống trà để cảm hơi, bỏ ăn bỏ ngủ. Ông lăm khi lăm nhăm về những thang thuốc hay như Tứ Quân thang, Ngũ Vật thang, Bỏ Trung Ích Khí thang rồi chép miệng thở dài. ‘Cũng bởi những nữ tướng kiêu Đào Tam Xuân, kiêu Phàn Lê Huê, những Thập Nhị Quả Phụ, những Sở Vân, những Mạnh Lệ Quân... chuyện sách vở không dễ như chuyện đời. Nó bông bột quá, nó tưởng mình là con nhà tướng, nó tưởng đâu là súng đạn cũng như cung tên có thể né tránh được.’

Cái xe lăn được điều khiển để ra chỗ có chút ánh nắng sớm. Gương mặt ông già có chút rạng rỡ hơn.

‘Nói về thầy thuốc Thìn ai ghét thì ghét chứ tôi thương đứt ruột. Ông ngâm nga thơ phú làm mình mất thời giờ, ông tuông điển tích này nọ chẳng ăn nhập gì tới cuộc sống chung quanh làm mình khó chịu nhưng đó là những kiến thức quý dàng trời.’

Ông già hom hem lục túi lấy chai Dầu Xanh Con Ó ra xúc vài quẹt trên nhờn trung, trên yết hầu, trên chón thủy:

‘Khô thiệt! Muốn xúc dầu phải trốn ra đây! Xúc trong đó y tá họ rầy, nói nhiều người chịu không được mùi dầu. Nhứt là thằng y tá người Mỹ. Nó nhăn nhăn mũi như là dầu này thúi không bằng. Hồi xưa đi hành quân tôi thủ theo mấy chai Nhị Thiên Đường để phòng trường hợp... Hồi còn má tôi, mỗi khi tôi đi đâu xa má tôi cắt củm mua cho mấy chai...’

Tôi làm thân, đưa tay mượn chai dầu

của ông, quẹt trên mũi mình mấy cái. ‘Tôi còn nhớ thầy Thìn cắt nghĩa chữ Nhị Thiên Đường mà chắc trên đời này không mấy người Việt Nam nào biết: Nhị Thiên Đường là nhà thuốc cứu người. Dầu Nhị Thiên là dầu cứu người. Nó như ông Trời thứ hai đã cứu mạng ta, ông trời thứ nhất là cha mẹ đã sanh ra ta...’

Thấy ông già vừa nói vừa ngó những chùm hoa hồng trắng vương giả, tôi liếc mau về phía cửa sổ rồi day qua bút lẹ cho ông hai cái hoa thiệt đẹp. Đưa bàn tay run rẩy khô cần đầy gân xanh ra nhận, ông gật gật đầu mà con mắt đã ươn ướt:

‘Ngày trước đâu có tiền để mà tặng hoa tặng quà. Bây giờ muốn tặng bao nhiêu cũng được thì đã không còn người để tặng.’

Tôi được dịp đi sâu hơn chút nữa vào đời tư ông:

‘Bác có bao giờ gặp lại bà Quyên không?’

‘Có mà không, không mà có. Chẳng biết sao mà nói cho đúng!’

‘?????’

‘Cuối năm 58, đại đội tôi đi tiếp ứng, bị phục kích, tan nát. Tôi bị thương nặng ở hai chun, thẳng hiệu thính viên cố kéo ra khỏi trận địa chừng 100 thước, đẩy vô một lùm bụi, lấy cây lá đây điểm cẩn thận rồi chạy đi vì tiếng nói ào ào của họ đã tới gần. Họ đến kéo xác đồng đội và thu dọn chiến trường. Nằm trong bụi tôi thấy một cái ót quen thuộc, một dáng đi điệu đứng quen quen. Người xưa nói nếu chẳng quen lung đố nhìn nhau cho đặng mà! Chỉ có cặp mắt thôi, cô ta

quấn khăn rằn ngang mũi che kín mặt, chỉ chừa có bao nhiêu đó. Tôi định chừng hết 80% là Quyên của tôi. Tôi nín thở, không biết nên im lặng hay kêu lên tên em. Để bảo tồn sanh mạng, tôi quyết định nằm im. Cô ta đi về phía tôi, hơi khựng lại một chút khi nhìn thấy cặp mắt của tôi qua kẽ lá rồi quay về, kéo theo hai người đồng đội nam, mặt đờ đờ sát khí vừa bước tới...

Ngày ấy tới nay đã bốn chục năm rồi tôi chưa giải được bài toán đó. Có thể là Quyên, có thể không. Có thể người ấy thấy tôi, có thể không. Đời mà!

Thiệt thiệt hư hư, tỉnh tỉnh mê mê.

Phải phải quấy quấy, như sự ra đi của Quyên. Để yên lòng, tôi đồ chừng lúc đó mình bị thương nên mê man và hình ảnh cái cô bạn bà ba đen bịt mặt bằng khăn rằn kia là không có thiệt.

Mê mà!’

Tôi nói vuốt đuôi và đưa tay đẩy cái xe lăn vài ba thước cho ông vui.

‘Có thể là mê đó bác, chuyện này người ta kêu là sáng, không có thiệt đâu. Nhất là khi mình bị thương quá đau đớn, quá cận kề lần mất tử sanh.’

‘Sau trận đó tôi thường nằm chiêm bao thấy Quyên, rõ ràng, nhưng mặt buồn dười dươi mà vía tôi trong chiêm bao cũng buồn, cái buồn lạ lắm, kéo dài tới thức dậy hồi lâu vẫn còn. Vía tôi hỏi gì Quyên cũng lắc đầu không nói rồi đi xuyên qua người tôi, mất biệt. Tôi đồ chừng Quyên đã...’

Ông già Chà bật khóc nức nở. Tôi để tay lên vai ông an ủi.

Một luồng gió lạnh thổi qua hơi lâu.

Tôi rùng mình. Ông già hắt hơi hai ba cái thiệt mạnh như muốn văng ra khỏi cái xe lăn rồi im trong vị thế ngồi không được thoải mái với cái đầu nghèo xuống, cảm chắm ngực. Tôi đợi một lúc lâu mới đưa tay lên mũi ông để nghe hơi thở.

Êm re.

Tránh qua một bên để nhân viên nursing home làm việc, ngó gương mặt buồn man mác nhưng đượm chút thanh thần của người chết, tôi nghĩ rằng Trời đất đã ban cho ông một hương vị đời, tuy thật tế có chua cay đắng chát nhưng hương thơm của tình yêu trai gái thuở thiếu thời còn đọng hoài trong trái tim, cứ thoang thoang dịu êm làm ông mang cảm giác buồn buồn dễ chịu.

Ông già Chà ra đi mang theo cuộc tình không trọn. Tôi biết chắc tình yêu của ông với bà Quyên nào đó là môi tình trọn vẹn trong lòng ông nếu không nói là đẹp đẽ vô song. Không đẹp sao ông ôm ấp nâng niu tới hơi thở chót, không đẹp sao ông mang vắc từ quê hương tới xứ người?

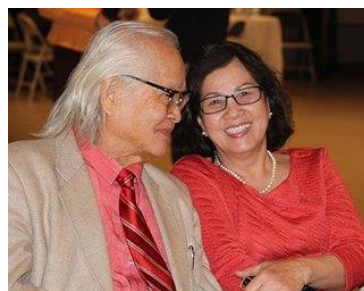
Trên đường lái xe về, tôi lại muốn nghĩ rằng người nữ mà ông già Chà thấy không phải là bà Quyên. Và người đó cũng không thấy ông đương năm vái Trời trong bụi rậm. Mà Trời Đất Quý Thần ơi! Tại sao tôi lại bận trí về chuyện tình thời xa xưa của một ông già chẳng thân tộc gì với mình! Biết đâu lúc hắt hơi cuối đời là lúc ông nhìn thấy cái má lúm đồng tiền của người con gái năm xưa trong khói sương mờ ảo của Vô Thức. Biết đâu người tình của ông chờ đợi bao nhiêu

năm nay mà ông cứ nấn nịu hoài trên cái cõi trần tạm bợ để mong có ngày gặp lại cô nhân “lai vô ảnh khứ vô tung ...”

(Khởi bút, Sài Gòn đầu tháng 3, 2018.
Kết bút, California cuối tháng 5.)

Lời người viết truyện: Quý bạn.

Truyện hơi dài dòng há! Tôi vừa viết vừa nhớ lại vài ba chuyện của Nguyễn Tuân ấy mà: Nét Bút Người Tử Tù. Đó chữ (?)... Máy câu thơ ông thầy đông y Thìn ngâm nga, thấy trong kinh ‘Bách Tuế Tu Hành Kinh’ của Vân Thê đại sư 百歲修行經 - 雲棲大師戒殺修行勸世文, kinh Phật bình dân của Tàu phổ biến ở VN vào cuối thế kỷ 19. Dịch thoát mấy đoạn đầu: 我吃長齋慢六親 親朋來到冷淨靜 只有茶來沒有酒 只有素菜沒有葷 ... Cũng nên nhắc lại vài ba từ ngữ thời của truyện này, cuối 40 đầu 50, nay đã đổi thay hay đã mất, xe máy: xe đạp; giấy oanh: tờ giấy hai chục đồng Đông dương. Tiền này có giá trị rất lớn thời đó, có thể bằng 20 triệu tiền hồ bây giờ. Xin lỗi nếu truyện làm bạn chán đọc. Hình như tôi viết cho những người ở tuổi thất thập cổ lai... (NVS)



NGUỒN GỐC TẾT

Lạp Chúc Nguyễn Huy

Mỗi năm Tết đến là Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Montreal tổ chức Hội Tết tụ họp cả chục ngàn người có nghi thức cúng lễ tổ tiên, múa lân, văn nghệ, các gian hàng tết... Các thân hữu bạn bè, các hội đoàn nhỏ như hội Rồng Vàng, nhóm Sa Long Cương, CLB SAIM tổ chức Tất Niên ở nhà hàng, phát hành tập san Tết... Đúng ngày Tết thì đến chùa, nhà thờ Việt, thánh thất Cao Đài cùng nhau ăn Tết và chúc tụng nhau. Tại những vùng đông người tỵ nạn cộng sản như Little Saigon, Cabramatta Sydney, San Jose... Tết được tổ chức rất là hoành tráng (diễn hành của các hội đoàn, đốt pháo, chợ hoa, ca nhạc...) với cả trăm ngàn người tham dự.

Các nhà Hán học thường nói về chữ Tết và Tiết, cả hai chữ đều được phát âm bắt nguồn từ âm đọc (tset) chữ Hán trung cổ của chữ Tiết 節. Điều này cũng nêu lên câu hỏi là các nhà Hán học có cưỡng từ đoạt lý không vì Tết là tiếng Việt, tiết là chữ Hán?

Người Việt chúng ta thường nghĩ Tết là của người Trung Hoa nên những người quá khích chống Trung Cộng chống luôn hội Tết. Đây là vài điều để chúng ta suy nghĩ về nguồn gốc Tết qua 2 giải thích chung quanh chữ tiết (tiếng Hán) và tết (tiếng Việt),

Tết trong vùng Đông Nam Á

Theo nghiên cứu về sinh thái kinh tế, thời cổ đại, lãnh thổ Trung Hoa có hai sắc tộc chính sanh sống : người Hán ở

lưu vực Hoàng Hà chuyên về chăn nuôi, du mục, ở phương Nam sông Dương Tử thì có người Bách Việt (trong đó có Lạc Việt) trồng lúa nước. Tết là lễ hội nông nghiệp nên xuất xứ từ giống Bách Việt chịu ảnh hưởng văn hóa miền Đông Nam Á. Vì vậy chúng ta có những câu hỏi sau:

Trước thời đô hộ, người Việt ăn Tết như thế nào? Theo sách Giao Chỉ Chí, Tết của người Việt là ăn mừng một mùa cây trồng mới : « *Bọn người Giao Quận thường tập trung lại thành phường hội nhảy múa hát ca, ăn uống chơi bời nhiều ngày để vui mừng một mùa cây trồng mới, không những chỉ có dân làm nông mà tất cả người nhà của Quan Lang, Chúa Động cũng đều tham gia lễ hội này* ».

Có từ Tết trong chữ Hán không?

Trong kinh Lễ Ký, Khổng Tử nói : « *Ta không biết Tết là gì, nghe đâu đó là tên của một ngày lễ hội lớn của bọn người Man, họ nhảy múa như điên, uống rượu và ăn chơi vào những ngày đó. Họ gọi tên cho ngày đó là Tế Sạ.*

Nước nào có từ Tết như của người Việt? Theo khảo cứu của BS Nguyễn Hy Vọng, Tết là danh từ (nom commun) gọi ngày lễ mừng đầu năm mới của nhiều dân tộc vùng Đông Nam Á khi gió Mùa từ Ấn Độ Dương mang mưa đến khởi đầu nông vụ trồng lúa. Cho nên, lễ mừng năm Mới của người Thái gọi là Thêts, của người Ấn Độ và người Khmer là Chêtr vào tháng tư tháng năm theo cổ lịch, người Mường là Thết, người Chăm là Tit vào tháng năm của lịch xưa Chăm... Như vậy Tết là cái ngày

ăn mừng đầu mùa mưa và sau này trở thành ngày ăn mừng đầu năm âm lịch. Từ ba câu hỏi trên, chúng ta có những suy nghĩ sau:

Lãnh thổ Việt nằm trên vùng Đông Nam Á nên Việt Nam có nhiều sắc thái văn minh, văn hóa giống như nhiều nước vùng Đông Nam Á : Trồng lúa trồng cây vào mùa mưa, ăn trầu cau, trồng đồng, mặc váy, nhà sàn ... Từ những điểm chung này, chúng ta có thể nêu lên các giả thuyết sau:

– Giả thuyết thời cổ xưa, dân Việt cũng như dân vùng Đông Nam Á ăn Tết là ăn mừng khởi đầu nông vụ do gió Mùa mang mưa đến.

– Có phải là sau một thời gian dài bị đồng hóa, dân Việt phải theo tập tục ăn Tết theo người Hán nên các nhà Hán học coi chữ Tết có âm Hán Việt là tiết, Tết và Tiết đều bắt nguồn từ âm đọc (tset) chữ Hán trung cổ của chữ Tiết 節 ? Từ đó mà có suy luận Tết cổ truyền của người Việt có xuất xứ từ Trung Hoa.

Theo sử Trung Hoa, Xuân Tiết hay Tân Niên có từ thời Tam Hoàng và ngày Tiết thay đổi theo mỗi triều đại, nhà Hạ chọn tháng Giêng, nhà Thương tháng Sửu (tháng chạp)... đời Tần chọn tháng Hợi (tháng 11), nhà Hán chọn tháng Giêng (tháng Dần)... Nếu tra từ *nguyên* của chữ Tết thì chẳng có liên quan gì đến chữ *Tiết* trong tiết nguyên đán của lịch Trung Hoa. Nguyên Đán chỉ là buổi sáng đầu tiên của tiết lập xuân thôi.

Ngày nay, nhiều tư tưởng, tôn giáo, tập tục đã vượt qua ranh giới quốc gia dân tộc để thuộc về gia tài của nhân loại như Thiên Chúa Giáo, Kinh Dịch, Phật Giáo... Vậy nếu Tết Nguyên Đán theo âm lịch Trung Hoa được coi là thuộc về gia tài văn hóa tập tục của nhân loại thì chúng ta cứ tiếp tục vui chơi ngày Tết và chấp nhận giải thích Tết theo chữ Tiết 節.

Tết theo Kinh Dịch

Để giải thích Tiết Xuân, người Trung Hoa dựa vào Kinh Dịch. Tiết dùng để chỉ

« *tiết trời* » (khí hậu) trong một khoảng thời gian thí dụ như tiết xuân, tiết hạ v.v. diễn tả ảnh hưởng khí của trời đất cảm nhận được qua nhiệt độ nóng, lạnh, ẩm... Tết Trung Thu, Thanh Minh, Đoan Ngọ...

Từ “nguyên” 元 trong Nguyên Đán 元 旦 có nghĩa là đầu, đầu tiên, còn “đán” 旦 có nghĩa là ngày sớm mai. Nghĩa gốc của từ Nguyên Đán 元 旦 là chỉ “Ngày đầu tiên” (tức ngày mồng một) của một năm Nông lịch. Vậy Tết Nguyên Đán là buổi sớm mai đầu tiên của tiết xuân, và cũng là sớm mai đầu tiên trong năm gọi là Chánh Đán. Ngày mồng Một tháng Giêng là thời điểm qui tụ ba sớm mai quan trọng nhất của **chu kỳ KHÍ[1]** một năm nên còn gọi là ngày Tam Chiêu, Tam Thủy hay Tam Nguyên : Sớm mai đầu tháng Giêng, Sớm mai đầu mùa xuân, Sớm mai đầu năm (mới).

Ai đã quan sát thấy khí âm dương ?

Cách đây khoảng 5000 năm, các cao nhân quan sát vũ trụ bao quanh mà nhận xét thấy có hiện tượng khí từ trên trời đi xuống như ánh sáng, gió... và khí từ đất bốc lên như hơi nước. Hai luồng khí lên xuống giao nhau không ngừng nghỉ mà sanh ra các hiện tượng vật chất hữu hình trên thế giới. Các cao nhân vẽ một gạch thẳng

■■■■■■■■■■
tượng trưng cho khí dương từ trời đáp xuống, một gạch đứt đoạn

■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■
biểu tượng khí âm đi lên từ đất. Hai gạch âm dương tác động lên nhau mà sanh ra các hiện tượng mà ta quan sát được trong vũ trụ.

Từ hai gạch biểu tượng âm dương mà các cao nhân đã viết nên quyển Kinh Dịch không chữ viết diễn tả luật âm dương làm động cơ cấu tạo thế giới và tiến trình của đời người trong đại vũ trụ.

Tiếp theo, các cao nhân quan sát hậu quả tác động khí âm dương lên xuống mà sanh ra các « *tiết của khí* » trong trời đất như : hàn, nhiệt, hỏa, âm, phong, khô hạn. Và tiếp theo các cao nhân cũng quan sát thấy hiện tượng Khí lên xuống không ngừng nghỉ trong chính cơ thể của mình mà sanh ra các « *tiết* » hàn, nhiệt, âm... trong cơ thể. Từ quan sát này mà con người cảm nhận một sự tương thông giữa khí đại vũ trụ và khí tiểu vũ trụ (con người) và tầm quan trọng ảnh hưởng của khí vũ trụ lên con người đã khiến con người mở hội ăn mừng ngày khởi đầu (ngày Tết Nguyên Đán) của chu

kỳ biến chuyển khí trong vũ trụ mỗi năm.

Chu kỳ vận chuyển của khí

Trong thời tiền sử, các cao nhân quan sát những chuyển động của khí trong vũ trụ và nhận thấy sự biến đổi của khí theo 4 mùa xuân, hạ, thu, đông cũng giống như 4 giai đoạn trong mỗi ngày (12 giờ đêm đến 6 giờ sáng, 6 giờ sáng đến 12 giờ trưa, 12 giờ trưa đến 6 giờ chiều, 6 giờ chiều đến 12 giờ đêm). Khí của mỗi giai đoạn biến động được cao nhân gọi là Thiếu dương (xuân), Thái dương (hạ), Thiếu âm (thu), Thái âm (đông). Để diễn tả 4 giai đoạn đó của khí các cao nhân đã xếp chồng gạch dương

■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■
(tượng trưng cho trời) và gạch âm

■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■
(tượng trưng cho đất) thành hình ảnh chuyển đổi của 4 khí trong vũ trụ như sau.

■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■
■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■ ■■■■■■■■■■
Thái Thiếu Thái âm Thiếu
dương dương âm âm

Chu kỳ vận chuyển của khí trong vũ trụ qua 4 giai đoạn Thiếu dương, thái dương, thiếu âm, thái âm tương ứng với:

– 4 mùa trong năm: Xuân, hạ, thu, đông.

– 4 biến chuyển của thể xác: Sinh, lão, bệnh, tử.

– 4 trạng thái của vạn vật: Thành, trụ, hoại, không.

Ngày mùng Một tháng Giêng được coi là ngày bắt đầu chu kỳ vận chuyển

một năm của khí trong vũ trụ vì ngày đó đánh dấu sự hồi sinh của vũ trụ, của sức sống, do đó mà con người mở hội ăn mừng và gọi là Tết Nguyên Đán.

Những câu hỏi về Tết

Khi nói về Tết, con cháu đã lớn khôn thường muốn có giải thích các tập tục quanh ngày tết và nhất là tại sao lại có kiêng kỵ?

– Ngày lập xuân?

Tại sao ngày Nguyên đán lại đôi khi không trùng với ngày Lập Xuân ? Ngày mồng một tháng giêng nông lịch gọi là “Xuân tiết” (**chữ Hán: 春節**, pinyin: chūnjié nghĩa là lễ hội mùa xuân) nhưng năm Canh Tuất (1969), năm Kỷ Dậu thì Lập Xuân là ngày 28 tháng chạp; năm Tân Hợi (1970), Lập Xuân là ngày 9 tháng giêng; đến năm Nhâm Tý này, Lập Xuân lại là ngày 21 tháng chạp ... Lý do là việc sử dụng múi giờ. Hai miền Nam Bắc Việt Nam từ sau năm 1975 đều cùng sử dụng múi giờ GMT+7 (trước đó **Việt Nam Dân chủ Cộng hoà** sử dụng múi giờ GMT+7, còn **Việt Nam Cộng hoà** sử dụng múi giờ GMT+8 giống như Trung Quốc (múi giờ GMT+8). Hiện nay hai nước Việt, Trung sử dụng hai múi giờ khác nhau khi biên soạn lịch nên nông lịch của Việt Nam và Trung Quốc bị lệch thời gian so với nhau, có lúc thì chỉ lệch có một giờ, có lúc thì lệch đến một tháng. Vì vậy mà có năm Việt Nam đón tết cùng ngày với Trung Quốc, có năm lại đón tết trước Trung Quốc.

– Ông Táo, cá chép?

Cuối năm cúng ông Táo với cá chép. Ngày 23 tháng Chạp, ông Táo về báo cáo với Ngọc Hoàng, bay lên trời được thì phải cỡi cá chép là vì khi vượt qua Vũ Môn thì cá chép hóa thành rồng mới tiếp tục bay được.

– Trừ Tịch?

Trừ là trao lại chức quan, Tịch : ban đêm tức là đêm ngày cuối của tháng chạp là lúc năm cũ kết thúc, năm mới bắt đầu.

– Giao Thừa?

Nửa đêm là tiết Giao thừa là thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới và chuyển giao giữa quan Hành Khiển cũ mới. Cúng giao thừa là cúng ở ngoài trời nhằm đón các thiên binh dưới quyền các quan Hành Khiển.

– Ăn Tết ba ngày?

Ba ngày Tết biểu tượng cho triết lý Tam Tài Thiên, Địa Nhân. Ngày mồng Một là Giờ tỵ có Trời, mồng Hai là giờ Sửu có Đất, mồng Ba giờ Dần có loài người. Mừng Bôn làm lễ tạ hay lễ tiễn gia tiên; Mừng Bảy Khai Hạ tức hạ nêu.

– Xông đất và vía?

Đầu năm chọn người có vía tốt đến xông nhà, tại sao? Người Việt thường nói ba hồn (Sinh hồn, Giác hồn, Hồn thuộc về Dương) và chín vía. Hồn thuộc về khí Tiên Thiên (trước khi có trời đất hữu hình) thanh, nhẹ bay lên trời; Vía (phách) là khí Hậu Thiên trọng trược (sau khi có trời đất) thoát ra từ thất khiếu (lỗ) (Đàn ông có 7 vía thoát ra từ 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, 2 mắt, miệng thuộc về Âm; đàn bà có 9 vía tức thêm âm hộ và hậu môn). Vía.hiện

diện trên đất có thể ảnh hưởng đến người sống chung quanh. Ý nghĩa chọn người có vía tốt đến xông nhà là vậy.

– Li xì mừng tuổi?

Ngày Tết, ông bà, cha mẹ thường lì xì con cháu để lấy hên. Nhóm Liên Kết Các Thế Hệ ở Montreal có sáng kiến làm bao lì xì thay cho hồng bao Trung Hoa[2]. Trên mỗi bao lì xì viết một đoạn nhỏ lịch sử thí dụ như Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản giúp Trần Hưng Đạo phá giặc Mông với hình ảnh cảnh đào bên cạnh trồng đồng Lạc Việt.

– Hoa Tết?

Ở Montreal, trước Tết có chợ hoa tại sảnh đường của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montreal. Đa số thích đến tìm các cành hoa vừa đẹp vừa ý nghĩa như hoa đào, hoa mai, cúc vạn thọ, quất đầy trái... Theo tín ngưỡng hoa đào đỏ có quyền lực xua đuổi ma quỷ nhờ uy quyền hai vị thần Trà và Uất Lũy cư ngụ ở cây đào. Hoa mai vàng sẽ mang lại nhiều may (mai).

Khi đề cập đến văn hóa Trung Hoa, chúng ta nên tránh thái độ quá khích chống văn hóa Trung Hoa hiện nay như tại Ca Li Hoa Kỳ đã có một nhóm nhỏ hào hào không ăn Tết vì lễ Tết là của Trung Hoa. Một điều chúng ta nên nhớ là có những tư tưởng triết lý (âm dương, ngũ hành của Kinh Dịch), tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Lão giáo...), tập tục (lễ Tết, lễ Giáng Sinh) đã vượt qua ranh giới quốc gia để thuộc về gia tài văn hóa chung của thế giới.

CƯỚC CHÚ

1. Chữ Khí 氣 chỉ chất hơi gồm: chữ 气 chỉ hình ảnh hơi nước bốc lên và biến thành vô hình trong không khí, -chữ mễ 米 chỉ bó ngũ cốc. Ý nghĩa chữ Khí là : chữ mễ 米 ý nói nếu đốt ngũ cốc sẽ cho Tinh, Tinh này sẽ hóa thành Khí vô hình diễn tả bởi chữ 气 chỉ hình ảnh hơi nước bốc lên . Chữ Khí 氣 là hình ảnh khí âm dương lên xuống: Khí âm xuất phát từ Tinh hữu hình (米, mễ cốc) và trở thành Khí dương vô hình 气 bay lên. ↑
2. Theo cổ tích Trung Hoa về li xì, 8 đồng tiền (bát tiên) bỏ trong hồng bao đặt dưới gối đứa trẻ để xua đuổi ma quỷ. ↑



XUÂN KỸ HỢI

Mậu Tuất sóng cồn dậy biển đông,
Mùa xuân Kỹ Hợp thật long đong.
Thiên tai địa ách chực chờ đến
Chiến hạm bom bay hăm hở công.
Chấn nước phá rừng, nhọn loại thảm,
Mắc đời dơ bẩn, thủy loài vong.
Tết về mong mỗi lòng người hãy...
Thực sự thương nhau, sống Đại Đồng.

TP



ĐẠO CAO ĐÀI: CHỦ NGHĨA VỊ THA

I.TỰ DO DÂN CHỦ TRONG CÁC NƯỚC TƯ BẢN:

Điển hình như Hoa Kỳ, thì nền dân chủ có tác dụng như thế nào ? Nghĩa là nền dân chủ này có tốt hoàn toàn, tức là có tạo nên một xã hội ổn định, công bình, hạnh phúc cho đa số nhân loại không ?

Hơn nửa thế kỷ trước, nhà cách mạng Lý Đông A đã nhận xét về nền dân chủ Tư bản như sau:

*“Căn cứ của chủ nghĩa dân chủ là chủ nghĩa cá nhân. Cho nên dân chủ chính thể là kết quả chính trị của chủ nghĩa cá nhân đó. Trong nước dân chủ phải có tiền mới bình đẳng và sinh sản phải tùy khoa học phát minh mới tiến bộ. Chế độ tư bản dân chủ cố nhiên khi đầu mới thay thế cho xã hội phong kiến thì thực là cứu thế, nhưng đi đôi với tiến hóa của lẽ vô thường, từ **thương nghiệp tư bản** tiến lên **công nghiệp tư bản** làm cho trong nước giai cấp ly chia và chính trị đảng tranh. Lại từ công nghiệp tư bản tiến lên đến **kim dung tư bản**, sự cần dùng thị trường này nở ra để quốc thực dân, từ đó đến **quân hóa tư bản** gieo rắc chiến tranh cho thế giới. Đến mạt kỳ này, chế độ dân chủ xấu nhất, nó làm cho nhân chủng linh lạc, gia đình linh lạc, cá nhân linh lạc, ở đó mà quốc gia linh lạc”. (Huyết Hoa, tiết Dân chủ, Thái Dịch Lý Đông A).*

Có phải ngày nay đã đến thời kỳ dân chủ quân hóa tư bản nên cá nhân, gia đình, xã hội đều bị linh lạc (mất ổn định) ?

Xét về cá nhân, trong một xã hội làm việc chạy theo tốc độ máy móc làm cho tinh thần con người căng thẳng thường xuyên. Bao nhiêu vấn đề nhiều khê trong cuộc sống : trả nợ hàng tháng, công việc không ổn định, không có thì giờ dạy dỗ con cái.....Có thể nói hầu hết con người sống trong xã hội máy móc này đều mắc bệnh tâm thần từ mức độ nhẹ đến nặng.....

Về đơn vị gia đình càng mất ổn định hơn nữa, có thống kê cho biết lớp tuổi từ 30 đến 50 ở Hoa Kỳ, khoảng phân nửa các cặp vợ chồng đã ly dị.....Gia đình là đơn vị căn bản của xã hội, mà gia đình không ổn định thì xã hội ấy không thể nào ổn định. Điều này đưa đến hệ quả là các đứa trẻ sinh ra trong các gia đình này sẽ mất phương hướng về cuộc sống, dễ sa đọa vào những tệ nạn xã hội, bởi vậy chúng ta đã chứng kiến nhiều cảnh học sinh mang súng vào nhà trường bắn giết hàng loạt.....

Vì sự tự do cá nhân quá trớn và xã hội không có một tiêu chuẩn đạo đức nào để hướng dẫn con người nên dễ dàng dẫn đến chỗ sa đọa: nạn mua bán súng đạn tự do, rò rỉ những hình ảnh khiêu dâm, bạo động trên truyền hình.....đưa đến tệ nạn, hiếp dâm, giết người không góm tay.....

Vài trường hợp luật pháp còn cho phép làm những việc tội lỗi như tự do phá thai, hợp pháp hóa đồng tính luyến ái....Những nhà làm luật cũng dư hiểu rằng đây là những điều trái với luật tự nhiên nhưng vì muốn chịu theo ý muốn quần chúng hoặc vì đòi lấy quyền lợi riêng tư nào đó, họ sẵn sàng hợp thức hóa cho những điều trái lẽ Đạo.....

Đây là một vài thí dụ con người ngày nay không giải quyết những vấn nạn xã hội trên căn bản đạo đức, cho nên xã hội ngày càng sa đọa bất ổn.

Người Mỹ vẫn tự hào rằng tám mươi phần trăm dân Mỹ tin theo Đạo Chúa, nhà thờ Công Giáo, Tin Lành hàng trăm phái nhan nhản khắp nơi, mỗi Chúa nhật đều có chương trình giảng Đạo trên truyền hìnhnhưng tại sao xã hội Mỹ vẫn không lành mạnh ?

Có một câu danh ngôn trong Đạo Nho nói đại ý rằng:

Trong xã hội phân chia ra làm ba hạng người: hạng thượng đẳng thì không cần dạy cũng giữ được thiện (Thượng đẳng chi như bất giáo nhi thiện), hạng trung đẳng thì sau khi được dạy dỗ sẽ trở nên thiện (Trung đẳng chi như giáo nhi hậu thiện), còn hạng hạ đẳng thì dầu có dạy cũng không làm điều thiện được (Hạ đẳng chi như giáo diệc bất thiện).

Hạng thượng đẳng như sanh thì chiếm một phần rất ít, còn lại đại đa số là hai hạng trung đẳng và hạ đẳng. Nên muốn tạo một xã hội có Đạo đức thì nhà cầm quyền phải có đường lối giáo dục thích nghi, ngay cả ở học đường cũng như ngoài xã hội và nền luật pháp phải nhằm ngăn chặn con người làm quấy hơn là để xảy ra rồi mới áp dụng hình phạt gắt gao.

Ngày xưa theo Đạo nho, từ lúc nhỏ cắp sách đến trường là bắt đầu học Đạo Thánh Hiền , rồi từ từ học đến việc trị nước an dân : Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Cho nên một người theo đúng Đạo lý thánh hiền là mẫu người Quân tử tức là có mẫu mực Đạo đức trong xã hội. Ngoại trừ lối khoa cử từ chương, thì nền giáo dục Nho giáo đem lại một xã hội vô cùng tốt đẹp. Có lẽ vào thời phong kiến ở Trung Hoa, các môn khoa học thực nghiệm không được phát triển nên đó là cái lỗi hỏng làm cho nền văn minh Trung Hoa nói riêng hay Á đông nói chung bị tụt hậu, và đưa đến hậu quả là bị các cường quốc Tây phương thôn tính vào thời kỳ cận đại, thế kỷ 18, 19.....Như vậy nền giáo dục Nho giáo sẽ tốt đẹp, nếu nó đi đôi với giáo dục về khoa học kỹ thuật.

Trở lại nếp sống của xã hội hiện tại ở các nước dân chủ tự do, điển hình như Hoa Kỳ. Nền giáo dục này chủ trương tách rời đạo đức và giáo dục, nên chúng ta không hề thấy những môn như Đức Dục hay Công Dân Giáo Dục trong chương trình học bậc Tiểu hay Trung học như Miền nam Việt Nam trước năm 1975. Còn về tôn giáo

tuy cũng dạy con người làm lành lánh dữ, nhưng không có sự bắt buộc nào nhất là giới trẻ không được ảnh hưởng là bao.

Đã không được dạy dỗ mà nền luật pháp lại cho tự do quá trớn, tự do phát triển theo chiều tốt và cả chiều xấu nữa.....Như trên chúng ta đã phân tích, hai hạng người trung và hạ đẳng đã không được hướng dẫn theo chiều hướng tốt lại còn thả lỏng nữa thì sẽ dễ sa vào vòng tội lỗi. Thí dụ như cho tự do mua bán súng đạn, tự do phim ảnh bạo động trên truyền hình thì sẽ dẫn đến những vụ bắn giết người không góm tay.....Chúng ta đã thấy nhiều tay sát nhân hàng loạt, cả học sinh cấp 1, cấp 2 cũng dám cầm súng giết người, thì đó cũng do hậu quả đương nhiên của các sự tự do quá trớn kia thôi.....Rồi nền luật pháp không hạn chế bớt những dục vọng bất chánh của con người mà đôi khi lại còn đồng lõa giúp sức thêm cho dục vọng con người như luật cho phép phá thai tự do, luật bảo vệ đồng tính luyến ái.....

Các nhà làm luật do dân bầu lên nên chiều theo nguyện vọng của người dân, tuy nhiên phải xem nguyện vọng đó có chánh đáng, có hợp Đạo đức hay không, nếu không thì xã hội đó sẽ càng ngày càng sa đọa và lần lần đi đến hố thẳm diệt vong.....

Rốt cuộc chúng ta khám phá ra rằng: một xã hội muốn phát triển tốt đẹp thì phải hoàn toàn đi trong khuôn viên đạo đức, tức là mọi ngành từ chính trị, kinh tế, thương mại, giáo dục, văn hóa, quân sự.....đều phải hợp theo lẽ Đạo, tức là phải sống theo Đạo Trời hay Đại Đạo.....

Một nhà chánh trị có đạo đức sẽ không chủ trương sản xuất vũ khí giết người hàng loạt, và sẽ sống đời liêm chính không hối lộ tham nhũng, sâu dân một nước.

Một nhà sản xuất xe hơi nếu có đạo đức sẽ nghĩ cách chế ra một chiếc xe chạy càng lâu bền càng tốt chứ không nghĩ cách làm sao xe chạy chừng mười năm phải liệng đi để mua chiếc mới.

Một nhà thương mại có đạo đức sẽ không nghĩ cách đầu cơ tích trữ để làm giá cả tăng vọt rồi tung ra thị trường bán kiếm lời.

Một nhà văn hóa có đạo đức sẽ dùng văn dĩ tải Đạo, chứ không viết ra những tác phẩm làm xã hội suy đồi.

.....

Như vậy chẳng có cách gì hay hơn là chúng ta lấy một chủ nghĩa đạo đức để làm khuôn mẫu cho xã hội.....

II. CAO ĐÀI: CHỦ NGHĨA VỊ THA VÀ NỀN TỰ DO DÂN CHỦ HƯỚNG THƯỢNG.

Chủ Nghĩa Vị Tha:

Qua phần trên chúng ta đã có nhận xét rằng: một quốc gia tuy có nhiều Đạo thịnh hành nhưng nhà cầm quyền không lấy chủ nghĩa đạo đức để trị nước thì xã hội vẫn không lành mạnh. Mà chủ nghĩa đạo đức tất nhiên phải dựa vào giáo lý, triết lý của một tôn giáo chân chính nào đó, tức là lấy một tôn giáo mà hầu hết dân chúng tin ngưỡng để làm quốc đạo. Tuy nhiên, danh từ quốc đạo đúng nghĩa là cả Đạo và Đời phải đặt căn bản trên một nền tảng ý thức hệ chung. Theo định nghĩa này thì trên thế giới chỉ có một vài nước là có quốc đạo mà thôi. Một thí dụ điển hình nhất là nước Tây Tạng. Nhưng thử hỏi quốc gia điển hình này với nền quốc đạo có mang lại một đời sống tốt đẹp cho người dân không? Trên phương diện một xã hội lành mạnh và đời sống yên ổn cho người dân thì dĩ nhiên hơn hẳn các nước khác, còn sự phát triển giàu mạnh còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác, như tài nguyên, phát triển công, kỹ nghệ....Có điều đáng buồn là không hiểu sao dân tộc hiền hòa này, với sự hướng dẫn của các Đức Phật tái sinh lại phải chịu kiếp nạn, lưu vong....cũng không thua gì Việt Nam chúng ta.

Trở lại với Đạo Cao Đài, từ khi mới thành lập Đấng Chí Tôn đã dạy rằng Thầy đến lập cho các con một nền Quốc Đạo. Ngày nay chúng ta đã khám phá ra rằng Đạo Cao Đài còn là con đường dân tộc, con đường dẫn đến nền Đại Đồng nhân bản. . .

Đường lối triết lý tu hành của Đạo Cao Đài nếu tóm tắt ngắn gọn lại thì chỉ trong hai điều: sửa đổi cái tâm cho nên hiền thánh và lo lập công bồi đức, tức là lập công, lập đức và lập ngôn, nghĩa là làm thế nào giúp ích cho đồng bào chủng tộc cùng cả nhân loại. . . Đặc biệt là giúp cho xã hội bằng việc phụng sự tha nhân. . .hay cao hơn nữa là phụng sự vạn linh tức là giúp cho sự tiến hóa của muôn loài vạn vật. . .

Nếu so sánh với xã hội Tư bản thì quan niệm này cách nhau một trời một vực vì trong xã hội Tư bản người ta lo tích lũy của cải vật chất để làm giàu cho bản thân và gia đình mình, trái lại trong xã hội Cao Đài thì người ta lo giúp đỡ tha nhân, làng xóm láng giềng, dân tộc và cả nhân loại....và tin tưởng rằng những công quả này Ông Trời sẽ đền bù cho mình còn nhiều hơn thế nữa và ngay cả việc thành Tiên tác Phật cũng nhờ nơi công quả giúp đời này.... Có thể nói Tư bản là chủ nghĩa cá nhân tức là Vị kỷ còn Cao Đài xướng xuất chủ nghĩa Vị tha. Nếu mọi người trong xã hội đều sống vị tha thì đâu còn trộm cướp, tội ác, chiến tranh nữa.....

Các nền tôn giáo khác cũng chủ trương sống đời bác ái vị tha vậy, tuy nhiên Đạo Cao Đài đã biến lý thuyết bác ái vị tha này bằng triết lý sống thực: Lập công bồi đức, xem đó như là đề mục để làm bài thi và khi thi đậu sẽ đạt vị làm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật. . . tùy theo công đức tạo được ít hay nhiều. . .

Sau đây là một số lời dạy của Ông Trên về việc lập công quả (Trích từ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển là quyển kinh Thánh của Đạo Cao Đài):

“Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đấng Đạo phải có công quả.

Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên Đạo. Vậy đấng Đạo cùng chẳng tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. . . (trg 24)

“Quý anh quý chị đều ăn sung mặc sướng, ngày nay đổi lại chịu phận nàu sòng, cũng khá thương đó. Nhưng chưa nghèo, phải học nghèo, chưa khổ phải học khổ, kẻ chí quân tử: “cư bất cầu an, thực bất cầu bảo”, chỉ cặm cùi quanh năm lo cho xã hội được no ấm thôi; biết người quên mình, đó là phận sự kẻ tu hành, đến bậc tối thượng thừa cũng phải như thế, mới tròn nghĩa vụ. . .(trg 123).

“Ấy vậy Đại Đạo Tam Kỳ chẳng khác chi một trường thi công quả; nếu biết ăn năn trở bước lại nơi đường sáng sửa, giới tâm trau đức, đặng đến hội diện cùng Thầy, thì mới đạt đặng địa vị thanh cao trong buổi chung qui cho. Chúng sanh khá nghe và xét mình cho lắm. . .” (trg 127).

Mà muốn tạo công quả xứng đáng thì không thể chỉ bỏ tiền của mà phải dấn thân phụng sự cho vạn linh tức là cho cả loài người. Đức Hộ Pháp thuyết giảng về việc phụng sự vạn linh như sau:

“Đức Chí Tôn Ngài đến ký Hòa-ước với loài người, nhưt là dân-tộc Việt-Nam trước cái đã: Mấy người làm Thánh thế cho Tôi, đặng Tôi phụng-sự cho Vạn-linh, thì Tôi sẽ lập vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, lại cho mấy người. Nếu các người chịu thì ký Hòa-ước với Tôi, hễ các người làm tôi cho con cái của Tôi cho vừa sức của Tôi muốn hay vừa ý của Tôi định, thì Tôi sẽ trả lụng lại là lập ngôi vị cho mấy người trong Thánh-thế ấy. Tôi đã định phẩm-vị Thần, Thánh, Tiên, Phật; Tôi đã lập vị sẵn cho mấy người mà mấy người đoạt được tại mặt thế này, tới chừng về cõi vô-hình Tôi không chối-cải gì hết, trái lại còn trả hơn khi chúng ta phụng-sự cho Vạn-linh tại mặt thế này nữa là khác”.(Trích: ĐHP thuyết về Bí Pháp).

Buổi Tam Kỳ này Đức Chí Tôn ban cho con cái Người ân huệ vô cùng lớn lao là nếu chúng ta đạt được phẩm trật Chức sắc, Chức việc nào và làm cho xứng phận thì về cõi Thiên Liêng sẽ đoạt phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật tương ứng. Thí dụ như: phẩm Bàn Tri Sự thì đối phẩm Nhơn Thần, Lễ Sanh đối phẩm Thiên Thần, Giáo Hữu đối phẩm Địa Thánh, Giáo Sư đối phẩm Nhơn Thánh, Phối Sư đối phẩm Thiên Thánh, Đầu Sư đối phẩm Địa Tiên. . .

Từ trước tới nay chúng ta chưa thấy nền tôn giáo nào có sự tương ứng giữa phẩm trật phẩm trật và Thiên Liêng như vậy. . . Nay nhằm thời kỳ đại ân xá nên chúng ta mới được hưởng hồng ân thiêng liêng vĩ đại này. Trong lịch sử nước nhà: những vị đoạt được đến hàng Thánh vị phải tạo được công nghiệp vĩ đại với Tổ quốc như Đức Thánh Trần Hưng Đạo chẳng hạn. Còn những vị đoạt được Thần vị như: Quan Lớn Trà Vong, Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt (ngày nay Ngài đã thăng lên Tiên vị), . . cũng đều tạo được công nghiệp hiển hách giúp dân giúp nước nên mới được dân chúng lập đền thờ. . .

Như vài thí dụ trên thì những vị đầu không tu hành nhưng tạo nhiều công đức cho dân chúng vẫn được đắc quả vị Thần, Thánh và còn cao hơn nữa như hai vị nữ tướng Hai Bà Trưng là Hoàng Thiệu Hoa và Hồ Đê ngày nay đoạt đến Tiên vị, như Đức Trọng Trinh ngày nay cũng là một vị Đại Tiên trên cõi Thiêng Liêng. . . Và nay vào thời kỳ đại ân xá nên những vị nào biết tạo công nghiệp cho dân chúng nhờ sẽ còn dễ đoạt vị hơn thế nữa. Các Đấng Thiêng Liêng cũng cho biết rằng ngày xưa là thời kỳ phong Thần và nay tới thời phong Thánh, tức nhiên là buổi lập vị chủ yếu cho hàng Thánh . . .

Trở lại với chủ nghĩa Vị kỷ tức là chú trọng về hưởng thụ vật chất cho cá nhân, sẽ đưa đến một xã hội khôn hiệp ngu, mạnh hiếp yếu và do đó chiến tranh sẽ xảy ra triền miên trên thế giới còn chủ nghĩa Vị tha sẽ đưa đến một xã hội hòa bình , thương yêu, nhường cơm xẻ áo cho nhau.

Phần đông người ta đánh giá rất sai lầm rằng chỉ có quyền lợi hay lợi lộc vật chất cho cá nhân mới kích thích sự làm việc, cạnh tranh, sáng tạo của con người.....Nhưng còn một điều khác vượt lên trên hết đó là Đức tin nơi lý tưởng mà con người theo đuổi. Nhìn vào một vài thí dụ điển hình chúng ta sẽ thấy đức tin có sức mạnh vạn năng.

Sau tháng 4-1975 không lâu, nhà cầm quyền phát động chiến dịch đào kinh thủy lợi tại các tỉnh miền Nam, nhưng phải đi từng nhà hăm dọa bắt buộc, người ta còn tìm cách trốn lánh.....Nhưng nơi vùng Thánh địa Tây Ninh Hội Thánh Cao Đài chỉ cần văn thư thông báo nơi các Phận, Hương Đạo rằng ngày mai này Hội Thánh cần chuẩn bị trang hoàng cho ngày đại lễ sắp đến chẳng hạn, thì sáng ngày hôm sau người ta sẽ thấy một rừng người hăng hái và vui vẻ tự nguyện đến nơi để hoàn thành công việc.....

Thực chất những việc công ích như: đào kinh Thủy lợi, làm đường sá, đào giếng công cộng. . . đây cũng là việc làm công quả vì nó giúp ích cho người khác, cho xã hội. . . Vì vậy gần đây chúng ta thấy có một số vị hảo tâm tự bỏ tiền ra để làm một khúc đường hay đào giếng nước ngọt cho dân ở vùng sâu, vùng xa mà đời sống người dân còn khốn khổ. . . Tuy nhiên số người làm từ thiện này rất ít bởi vì người ta chưa có tin tưởng vào nhà nước hiện tại như là tin tưởng những vị lãnh đạo tinh thần. . .

Dân tộc Việt Nam ta vốn giàu lòng bác ái, bây giờ giả sử có một chánh quyền công minh liêm chính, không hối lộ, tham nhũng, không sách nhiễu người dân mà biết lo cho đời sống nhân dân được cơm no áo ấm, biết trọng mạng sống người dân. . . thì chắc chắn khi chánh quyền kêu gọi, người dân sẽ tiếp tay làm những việc công ích cho đất nước, đồng bào như: Cứu trợ bão lụt, giúp người neo đơn đói khó, tật nguyền. . . Một xã hội đầy tình người tốt đẹp biết bao. Xét về phương diện tôn giáo, một xã hội được thể hiện như vậy là ta đã tạo cho người dân biết làm phước đức để

đời sống xã hội càng ngày càng tốt đẹp hơn mà những người cầm quyền cũng tạo được công đức cho đời sau. . .

Tiếp theo câu chuyện, cũng sau năm 1975, nhằm giải tỏa người Đạo quá đông nơi vùng Thánh địa, nhà cầm quyền ra lệnh ai có ruộng đất ở đâu phải về nơi đó mà sống, còn không ruộng đất thì chánh quyền giúp cho đi vùng kinh tế mới và không cho chở lúa gạo, lương thực từ ruộng về vùng Thánh địa, mục đích để bỏ đói người Đạo nhưng đa số người tín đồ vẫn không rời bỏ nơi tổ đình dầu đời sống có khó khăn đói khổ..... Có phải người ta sống vì đức tin hơn là thể xác ?

Đức Chúa Jêsus có lời dạy rằng: Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời. . .tức là bánh mì, thức ăn chỉ nuôi sống thể xác, ngoài ra đức tin nơi Trời Phật cũng vô cùng quan trọng trong đời sống con người. . .

Nếu không vì đức tin thì những người Hồi giáo cực đoan không bao giờ dám ôm bom tự sát để giết hại đối phương nơi vùng Trung đông.....

Người tín đồ Cao Đài hằng ngày cúng tứ thời đều nguyện dâng Tam bửu là dâng cả xác thân, trí não, linh hồn cho Đức Chí Tôn muốn dùng phương nào thì dùng, tức là chúng ta không sống theo ý muốn của ta mà sống theo ý muốn của Ông Trời, tức là sống theo lý tưởng của Đại Đạo do ông Trời lập ra đây. Lý tưởng đó là gì ? Một thế giới đạo đức, thương yêu, nhường cơm xẻ áo, cùng dìu dắt nhau trở về nguồn cội nơi cõi vĩnh hằng.

Ôi, lý tưởng Cao Đài đẹp đẽ biết bao !!!

Bây giờ ta xét sang cơ chế Tự Do Dân Chủ trong Đạo Cao Đài.

Về cơ chế Lập pháp, Đạo Cao Đài với Tam viện chế gồm có ba Hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội. Hội Nhơn Sanh là đại diện cho ý nguyện của tín đồ hay người dân, Hội này có quyền hạn rất rộng rãi, ngay cả quyền kiểm soát hành vi của Chức sắc cấp lớn hơn (khi Chức sắc muốn cầu phong lên phẩm cao hơn phải đưa ra Hội Nhơn Sanh xét trước) mà nhơn sanh thì hiện diện khắp nơi nên không có điều gì qua mắt nhơn sanh được. Tuy nhiên, về ý nguyện của nhơn sanh thì thể hiện những đòi hỏi có phần phạm tục nhiều hơn Thánh chất nên những ý nguyện phạm tục, dục vọng này sẽ bị gạt lọc lại ở Hội Thánh và Thượng Hội gồm những hàng chức sắc cao cấp trong Hội Thánh. Cho nên những đòi hỏi có tính cách dục vọng theo phạm như tự do phá thai, đồng tính luyến ái..... sẽ chẳng bao giờ vượt qua hai chặng cứ xét nữa..... Cho nên chúng ta có thể nói đây là nền tự do, dân chủ hướng thượng.

Về sự phân quyền, phân nhiệm trong cơ chế Cao Đài rất chắc chắn chúng ta không thể diễn tả hết ở đây nhưng có thể tóm tắt một số ưu điểm trong nền chánh trị đạo như sau:

“Chánh Trị Đạo là phương dung hòa tinh túy cả thể chế chánh trị đại đồng, thích hợp với quyền lợi của nhơn sanh khắp toàn cầu thế giới.

Nói rằng Chánh Trị Đạo xu hướng Quân Chủ, thì đó, phẩm vị GIÁO TÔNG là vị GIÁO CHỦ trên các vị GIÁO CHỦ, vị HOÀNG ĐẾ trên các vị HOÀNG ĐẾ, chẳng khác nào một ông Vua ngồi trên một Triều Chánh oai nghi, mà một ông Vua được tuyển chọn từ khối dân đi lên theo từ đẳng cấp cho đến cùng tột, một ông Vua không có quyền truyền tử lưu tôn, mà chỉ truyền hiền. Ông Vua đó đắc vị do một cuộc tổng tuyển cử toàn cầu (Élection Universelle) mà ứng cử là chư vị Chưởng Pháp và Đầu Sư. Ngoại trừ trường hợp do cơ bút của Đức CHÍ TÔN lựa chọn, phẩm vị GIÁO TÔNG phải được lựa chọn y theo PHÁP CHÁNH TRUYỀN của Đạo.

Ông Vua Đạo không được độc tài hay chuyên chế, vì Ông không chế định luật pháp, dưới Ông còn có phẩm Đầu Sư có quyền xin lập, và chế giám luật lệ, và có phẩm CHUỖNG PHÁP, kiểm soát hành tàng. Luật Pháp nào không có đủ ba ấn CHUỖNG PHÁP, không có giá trị ban hành. Cầm quyền cai trị có Đầu Sư, mà hành chánh là Chánh Phối Sư.

Trong chánh thể trị Đạo, quyền dân được đặc biệt tôn trọng. Coi như Hội Nhơn Sanh, trên có hai hội: Hội Thánh và Thượng Hội hiệp lại làm cơ quan của quyền Lập Pháp, tức quyền Vạn Linh. Nguyên ước của nhơn sanh, sau khi được ba Hội thảo luận và đồng ý kiến chấp thuận, được dâng lên quyền CHÍ TÔN phê chuẩn thành luật ban hành. Khác với chánh thể Dân Chủ, là dân chúng chẳng những chỉ có quyền bầu cử Nghị Hội và Tổng Thống mà thôi, mà ở đây nhơn sanh ngoài quyền bầu cử Nghị Viên và Phái Viên đại diện cho mình ở Hội Nhơn Sanh, còn có quyền chọn lựa các quan Đạo từ trong khối dân rồi tuân tự chấp thuận đề nghị thăng thưởng từ đẳng cấp theo điều kiện định trước, cho đến cuối cùng có cuộc tổng công cử GIÁO TÔNG.

Nhơn sanh được quyền bầu cử, chọn lựa kẻ cầm quyền Hành Chánh từ trong Hương Xã trở lên. Trước nhứt các phẩm Chức Việc Bàn Trị Sự từ Ấp Đạo đến Hương Đạo, đều do nhơn sanh ứng cử và bầu cử. Chế độ này giống Dân Chủ Xã Hội.

Chánh Trị Đạo giống Chánh Thể Quân Chủ Lập Hiến, bởi luật lệ lập thành do nguyên ước của Nhơn Sanh, nhưng đó chỉ là những luật lệ thường, đăng thi hành Pháp Chánh Truyền, tức là một bản cang tánh Hiến Pháp bất di bất dịch do huyền diệu cơ bút của Đức CHÍ TÔN truyền dạy.

Chánh Trị Đạo giống Chánh Trị Tư Bản và không cấm đoán sự tự do tư sản, tôn trọng quyền lợi của mọi người, ủng hộ trí thức, duy trì trường quan lại, nhưng cũng giống Chánh Trị Vô Sản, bằng cơ là trong cửa Đạo có cơ quan Phước Thiện. Những

người hiến thân vào Phước Thiện, hiến cả tư sản gia nghiệp cho Đạo, rồi vào đó tùy sự bổ dụng của cơ quan ấy, làm ra bao nhiêu lợi tức để vào của chung.

Đói có Phước Thiện cho ăn, rách có Phước Thiện cho mặc, ốm đau có Phước Thiện cho thuốc, nói tóm lại Phước Thiện lãnh bảo đảm tất cả về phần sanh sống vật chất.

Trong Chánh Trị Đạo tuy rằng tôn trọng dân quyền một cách đặc biệt, không phải là không độc tài.

Trong buổi loạn Đạo mà GIÁO TÔNG và HỘ PHÁP phản khắc nhau, không thể gì nắm vững nền Chánh Trị Đạo cho khỏi xáo trộn, hoặc vì tà quyền lẫn lộn, thì GIÁO TÔNG và HỘ PHÁP ủy nhiệm cho ĐẦU SỰ cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo, nghĩa là nắm cả chánh trị và luật lệ trong tay, tự do sử dụng, tùy nghi thế nào để dẹp yên mối loạn. Khi đó GIÁO TÔNG và HỘ PHÁP cũng phải cúi đầu vâng mạng lệnh của quyền thống nhất. Khi hết loạn thì ĐẦU SỰ phải giao quyền thống nhất lại cho GIÁO TÔNG và HỘ PHÁP.

Quyền độc tài của Đầu Sự không phải là tuyệt đối, bởi theo Pháp Chánh Truyền của Đạo có ba vị Đầu Sự. Tuy vậy, vị Thượng Đầu Sự có quyền hơn hai vị kia và là người chánh thức cầm quyền thống nhất, song lúc nào cũng phải có sự đồng ý kiến của hai vị kia mới thi hành được. Quyền độc tài bị hạn chế ở chỗ đó.

Tóm tắt lại Chánh Trị Đạo không đặc biệt giống một chánh thể trị Đời nào hết, mà trong Chánh Trị Đạo hầu như gom góp cả cái hay của toàn cầu, dung hợp cùng nhau làm thành chánh thể thích hợp với cả mọi người, trong đó quyền dân được thi hành tùy sự tấn triển của dân trí, và quyền Vua được tôn trọng, tùy sự bảo tồn của nơn phong, ta có thể tạm gọi chánh thể trị Đạo là chánh thể Quân Chủ Dân Quyền vậy”. (Trích Chánh Trị Đạo của ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa)

Ngoài ra, trước cửa Toà Thánh và các Thánh Thất địa phương có hai câu liễn viết bằng chữ Nho:

- Cao Thượng Chí Tôn Đại Đạo Hòa Bình Dân Chủ Mục.
- Đài Tiên Sùng Bái Tam Kỳ Cộng Hưởng Tự Do Quyền.

Bà Bát Nương có giải nghĩa hai câu liễn này như sau:

“Đức Chí Tôn giáng trần kỳ này với danh xưng là Cao Đài, Cao thượng, Đài tiên là như vậy. Thánh ngôn với câu: Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài giáo đạo Nam phương là như vậy.

Đức Chí Tôn là ông Cao Đài, ông Cao Đài là Thượng Đế, là ông Trời. Ông Trời nói: ta mở ra cho nhơn loại nơi mặt địa cầu này một nền tôn giáo lớn là để điều dắt nhơn loại đi vào con đường hòa bình dân chủ.” Cao thượng Chí Tôn Đại Đạo hòa bình dân chủ là như vậy”.

Ông Trời nói: nếu nhơn loại muốn hòa bình dân chủ thì hãy vào đây, vào cửa Cao Đài và nghe ta dạy. Hãy tín ngưỡng nơi ta, tín ngưỡng lẫn nhau. Sùng bái và tin tưởng, có tin tưởng mới có sùng bái, tin tưởng lẫn thứ ba mà cũng là lẫn chót. “Đài tiền sùng bái Tam kỳ cộng hưởng tự do quyền” là như vậy.

Hòa bình, dân chủ, tự do ở đây không phải có một cá nhân ban cho một cá nhân, không phải của một đoàn thể đảng phái ban cho một quốc gia dân tộc mà là của ông Trời ban cho toàn nhơn loại. Nhơn loại muốn có hòa bình, dân chủ, tự do thật sự thì chỉ có tin tưởng nơi Thượng Đế rồi sùng bái Thượng Đế là đấng Cha chung và cả nhơn loại là anh em ruột thịt với nhau. Chừng nào, giờ phút nào mà toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này tin tưởng như vậy và làm như vậy thì giờ phút đó mới có hòa bình, dân chủ, tự do thật sự. Còn trái lại là giả dối. Đức Chí Tôn không có tiếng nói mà có lời nói là như vậy.

Đức Chí Tôn mở đạo lần này là lần chót, mục đích cứu rỗi chúng sanh, cứu rỗi cả phần xác lẫn phần hồn, nghĩa là dẫn dắt chúng sanh vào con đường nhơn đạo và thiên đạo”.

(Trích từ quyển Bí Pháp Luyện Đạo, Bát Nương Diêu Trì Cung giảng bút)

Cơ Chế này sẽ làm khuôn mẫu cho chánh trị đời :

“.....Ngày nay chúng ta thấy cả toàn mặt địa cầu này đều xu hướng theo dân chủ, dân chủ là gì ? Là đại đa số dân chúng tổng hợp lại nắm chủ quyền, mà ảnh hưởng cũng do đại đa số đó cầm vận mạng mặt địa cầu này. Hại thay có nhiều hạng người không đủ tinh thần học thức hay không đủ tâm đức cầm sanh mạng nhơn loại, thảo nào ta không thấy phương tranh đấu ai mạnh là hơn. Làm chúa thiên hạ với phương xảo mị, không phải làm chúa loài người với phương pháp tối cổ. Nhơn loại để lại cái giống loạn, cả tinh thần toàn thể trên mặt địa cầu này đều loạn, chỉ vì không có quyền vi chủ.

.....Bây giờ nhơn loại đang chạy kiếm chủ quyền, chủ quyền ấy dầu nó thế nào cũng không thể tồn tại được. Vì có cho nên Đức Chí Tôn đến, Đức Ngài nói: Phương pháp tạo quyền của nhơn loại không thể gì bền vững được, Ta coi các người đập phá tan tành hết; Ta đến cho lại, Ta chỉ đường cho.

Đường Đức Chí Tôn chỉ là con đường Pháp Chánh vậy. Ngày giờ nào trên mặt địa cầu này : quốc gia, xã hội, nhơn quần biết tìm chủ quyền đặc sắc vĩnh cửu, công chánh; tức phải đồ theo Pháp Chánh của Đạo Cao Đài, tạo hình tượng Thánh Thể quốc gia, có lẽ ngày giờ đó Thiên hạ mới thấy chủ quyền của Đạo Cao Đài định thật quyền cho quốc gia và toàn thể nhơn loại.....

Ấy vậy ngày giờ nào nhơn loại trở lại con đường đạo đức đặng giải kết, gầy dựng phương pháp sống mới sống vinh quang sống ôn tồn hạnh phúc. Ngày giờ nào tiêu diệt được quả kiếp hung tàn trở lại con đường đạo đức, ngày giờ ấy quốc gia mới yên ổn, ngày giờ ấy thiên hạ mới hưởng được hồng ân đặc biệt của Đức Chí Tôn ban cho”. (Trích Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp thuyết tại Đền Thánh đêm mùng 8 tháng 10 năm Mậu Tý (11-1948)

"...Vì những kẻ dám đem mình làm tế vật cho Thầy để lập nên một quốc gia Thiên định tại thế này, Bàn Đạo chắc quốc gia ấy phải thành. Đức Chí Tôn tạo cho con cái của Ngài một cửa nhỏ tuy khó đi mà Bàn Đạo chắc rằng những hạng con cái dám chết vì Ngài thì chúng nó dám đạp văng cửa ra chúng nó đi sản đến. Nếu chúng ta có con mắt thiêng liêng, ngày nào họ đi ngang qua thì ta sẽ thấy các Đấng dầu chư Thần Thánh Tiên Phật tức các chơn linh cao trọng cũng phải cúi đầu.

Thầy sẽ trả bao nhiêu món nợ tình ái của con cái Ngài thì không biết, chớ không khi nào Đức Chí Tôn trả cho một mà phải trả nhiều hơn là hẳn vậy". (Trích Lời Thuyết Đạo ĐHP, ngày Rằm tháng 2 Đinh Hợi, 1947).

III. PHÂN KẾT:

Tóm lại, đạo Cao Đài là một nền Đại Đạo và cũng là một Chủ Nghĩa Đại Đồng Nhân Bản. Chủ nghĩa này sẽ đưa nhân loại tiến lên thế giới Đại Đồng mà không cần phải có một cuộc cách mạng “long trời lở đất”, cũng không cần phải tốn một viên đạn và không cần phải lật đổ một chánh quyền nào hết, mà chỉ cần thay đổi tâm thức, thay đổi tư duy của con người mà thôi.

Chúng tôi xin mượn bài Thánh thi sau đây để kết thúc bài này:

Đào-Nguyên lại trở trái hai lần,
Ai ngỡ Việt-Thường đã thấy Lân.
Cung-Đấu vít xa gương Xích-quỷ,
Thiêm-Cung mở rộng cửa Hà-ngân.
Xuân-thu định vững ngôi lương-tể,
Phát-chủ quét tan lũ nịnh-thân.
Thổi khí vịnh-sanh lau xã-tắc,
Mở đường quốc-thể định phong vân.

(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q. II)

Cầu nguyện hồn thiêng sông núi, Tổ Tiên Lạc Việt từ đời Kinh Dương Vương tới nay hộ trì cho con dân Hồng Lạc sớm đưa đất nước đến bờ bến vinh quang một ngày không xa. . .

HT Mai Văn Tìm

**DÓT PHÁO TẾT
Ở HẢI NGOẠI GIỐNG NHƯ QUÊ HƯƠNG VN**



TẠM BIỆT

HẸN GẶP LẠI Ở ĐẶC SAN 4 ĐẠO ĐÒI TƯƠNG ĐẮC- SỐ HẠ- KỶ HỢI- 2019